CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

TẬP II: CÁC BẢN VẼ

(Hồ sơ đã chỉnh sửa theo Quyết định phê duyệt số 1997/QĐ-PCSL ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Công ty Điện lực Sơn La)

C.N.T.K : Nguyễn Văn Lực

Hà Nội, ngày tháng năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Dũng

BẢNG LIỆT KÊ BẢN VẼ

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU BẢN VẼ	GHI CHÚ	STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU BẢN VẼ	GHI CHÚ
I	Phần đường dây hạ áp			25	Sơ đồ cột ly tâm néo thẳng, néo góc, néo cuối cột đơn	TT.CQT-G6.HA.25	
1	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Tông, TBA Bản Tông 2, TBA Chiềng Xôm, TBA Bản Hụm, TBA Bản Ái phường Chiềng An	TT.CQT-G6.HA.01		26	Sơ đồ cột ly tâm néo thẳng, néo góc, néo cuối cột đôi	TT.CQT-G6.HA.26	
2	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Bó, TBA Bản Cá, TBA Noong Cốc, TBA Bôm Phung, TBA UBX Chiềng Đen phường Chiềng An	TT.CQT-G6.HA.02		27	Sơ đồ cột néo góc sử dụng xà néo lệch cột bê tông vuông đơn, ly tâm đơn	TT.CQT-G6.HA.27	
3	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Pát, TBA Co Pục, TBA Đông Pao, TBA Nà Ngùa, TBA Noong La 2, TBA Bản Thẳm 2, TBA Tuynen 2 phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.03		28	Sơ đồ cột néo cuối khoảng vượt lớn	TT.CQT-G6.HA.28	
4	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nà Ngùa 2, TBA Mô Côi, TBA Đèn Đường T2A, TBA TT Hoạt Động Thanh Thiếu Niên phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.04		29	Phụ kiện cáp vặn xoắn	TT.CQT-G6.HA.29	
5	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Muông, TBA Bản Muông 2, TBA Nà Lọ phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.05		30	Sơ đồ bố trí cáp vặn xoắn trên cột bê tông vuông	TT.CQT-G6.HA.30	
6	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Viện 6, TBA Tổ 8 Chiềng Sinh, TBA TĐC Noong Đúc 2, TBA Heo Phung, TBA CQT đèn đường T1, TBA Bản Khoang phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.06		31	Sơ đồ bố trí cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm	TT.CQT-G6.HA.31	
7	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Xưởng Dệt, TBA Bó Ẩn, TBA Bản Pọng, TBA Búa Co Mòn, TBA Bản Kham 2, TBA Tâm Thần, TBA Mé Ban, TBA Xã Cơi 2 Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.07		32	Chuỗi néo 0,4kV CN-1	TT.CQT-G6.HA.32	
8	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nẹ Nưa, TBA Nẹ Tờ, TBA CQT Hoàng Văn Thụ, TBA Bản San 2, TBA TTĐH Tây Bắc Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.08		33	Tiếp địa lặp lại RLL-8,5	TT.CQT-G6.HA.33	
9	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Co Phung, TBA Bản Lun, TBA Bản Lụa, TBA Bản Ngoại Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.09		34	Tiếp địa lặp lại RLL-10	TT.CQT-G6.HA.34	
10	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bó Cầm, TBA Bó Cầm 2, TBA Bản Hôm 1, TBA Bôm Huốt, TBA Phiêng Tam 5-1 Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.10		35	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-2	TT.CQT-G6.HA.35	
11	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nà Cóng, TBA Nà Cóng 2, TBA Bản Chậu Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.11		36	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-3	TT.CQT-G6.HA.36	
12	Mặt bằng hiện trạng tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nhà thiếu nhi 2, TBA THCS Quyết Thắng, TBA Sở Giáo Dục, TBA Cơ Khí Phường Tô Hiệu	TT.CQT-G6.HA.12		37	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-2	TT.CQT-G6.HA.37	
13	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Tông, TBA Bản Tông 2, TBA Chiềng Xôm, TBA Bản Hụm, TBA Bản Ái Phường Chiềng An	TT.CQT-G6.HA.13		38	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-3	TT.CQT-G6.HA.38	
14	Mặt bằng hiện cải tạo đường dây hạ áp sau các TBA Bản Pó, TBA Bản Cá, TBA Noong Cốc, TBA Bôm Phung, TBA UBX Chiềng Đen Phường Chiềng An	TT.CQT-G6.HA.14		39	Móng cột bê tông ly tâm đơn MT-3	TT.CQT-G6.HA.39	
15	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Pát, TBA Bản Co Pục, TBA Đông Pao, TBA Nà Ngùa, TBA Noong La 2, TBA Bản Thẳm 2, TBA Tuynen 2 Phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.15		40	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-12	TT.CQT-G6.HA.40	
16	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nà Ngùa 2, TBA Mô Côi, TBA Đèn Đường T2A, TBA TT Hoạt Động Thanh Thiếu Niên Phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.16		41	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-14	TT.CQT-G6.HA.41	
17	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bản Muông, TBA Bản Muông 2, TBA Nà Lo Phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.17		42	Xà néo trên cột vuông đơn 4 dây XN-4	TT.CQT-G6.HA.42	
18	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Viện 6, TBA Tổ 8 Chiềng Sinh, TBA TĐC Noong Đúc 2, TBA Heo Phung, TBA CQT đèn Đường T1, TBA Bản Khoang Phường Chiềng Sinh	TT.CQT-G6.HA.18		43	Xà đỡ trên cột ly tâm đơn 4 dây và xà néo trên cột ly tâm đơn 4 dây XĐ-4T & XN-4T	TT.CQT-G6.HA.43	
19	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Xưởng Dệt, TBA Bó Ẩn, TBA Bản Pọng, TBA Búa Co Mòn, TBA Bản Kham 2, TBA Tâm Thần, TBA Mé Ban, TBA Xã Cơi 2 Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.19		44	Xà néo trên cột ly tâm đơn 2 dây XN-2T	TT.CQT-G6.HA.44	
20	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nẹ Nưa, TBA Nẹ Tờ, TBA CQT Hoàng Văn Thụ, TBA Bản San 2, TBA TTĐH Tây Bắc Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.20		45	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4T & XNĐ-4Ta	TT.CQT-G6.HA.45	
21	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Co Phung, TBA Bản Lun, TBA Bản Lụa, TBA Bản Ngoại Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.21		46	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông vuông đơn XNL-4X	TT.CQT-G6.HA.46A	
22	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Bó Cầm, TBA Bó Cầm 2, TBA Bản Hôm 1, TBA Bôm Huốt, TBA Phiêng Tam 5-1 Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.22		47	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đơn XNL-4TX	TT.CQT-G6.HA.46B	
23	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nà Cóng, TBA Nà Cóng 2, TBA Bản Chậu Phường Chiềng Cơi	TT.CQT-G6.HA.23		48	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi ngang tuyến XNL-4TXN	TT.CQT-G6.HA.46C	
24	Mặt bằng cải tạo tuyến đường dây hạ áp sau các TBA Nhà thiếu nhi 2, TBA THCS Quyết Thắng, TBA Sở Giáo Dục, TBA Cơ Khí Phường Tô Hiệu	TT.CQT-G6.HA.24		49	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi dọc tuyến XNL-4TXD	TT.CQT-G6.HA.46D	
				50	Giằng cột đôi 14 GC-14	TT.CQT-G6.HA.47	

S.Đ.K.K.D: 0104802752 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

750
700
650
600

đồng Bản Hụm

bản Hụm

TBA BẢN HỤM

3AV70+AV50
TỪ TBA BẢN HỤM ĐẾN

3AV70+AV50
từ TBA Bản Hụm đến

Tách lèo giữa TBA Bản Tông 2 và TBA Bản Hụm

BẾN XE HỒNG TIẾN

UBND PHƯỜNG CHIỀNG AN

Trường THCS Chiềng Xôm

Chợ Chiềng Xôm

Nhà máy xử lý nước thải Sơn La

TBA CHIỀNG XÔM 250KVA-35/0,4KV

TBA BẢN TÔNG 320KVA-35/0,4KV

TBA BẢN TÔNG 2

Tách lèo giữa TBA Bản Tông và TBA Bản Tông 2

Tách lèo giữa TBA Chiềng Xôm và TBA Chiềng Xôm 1

AL/XLPE 4x50 từ TBA Ái ân

đồng Bản Mòn

bản Mòn

TBA CHIỀNG XÔM 1

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CỌI, CHIỀNG SINH, TỜ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

BẢN VẼ MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN TÔNG, TBA BẢN TÔNG 2, TBA CHIỀNG XÔM, TBA BẢN HỤM, TBA BẢN ÁI PHƯỜNG CHIỀNG AN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 01
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000	

TBA UBX CHIÊNG ĐEN
160KVA-35/0,4KV

UB

trạm xá

B.Tà Lọ

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 2x50

CN 2 ngoằn

ĐZ từ TBA Noong Ngh

AL/XLPE 2x50

AL/XLPE 2x50

AL/XLPE 2x50

2AS0

3AV70+AV50

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 2x50

TBA BƠM PHUNG
31,5KVA-35/0,4KV

TBA NOONG CÓC
100KVA-35/0,4KV

AL/XLPE 2x50

AL/XLPE 4x50

750

700

650

3AV70+AV50

2/3AV70+AV50

TBA BẢN CÁ
180KVA-35/0,4KV

3AV70+AV50

3AV70+AV50

TBA BẢN CÁ 2
250KVA-22/0,4KV

Cột 2 ngoằn

bản Cá

ao

tiểu khu 1

850

800

750

700

650

600

xã Chiềng An

S.Nậm La

hồ Noong Luông

bản Hài

ao

trường học

3AV70+AV50
Tách lèo giữa TBA Bản Bó và TBA Bản Bó 3

3AV70+AV50
AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70

3AV70+AV50

AL/XLPE 4x70

3AV70+AV50
AL/XLPE 4x95

3AV70+AV50
AL/XLPE 4x70

TBA BẢN BÓ
160KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x70

Tách lèo giữa TBA Bản Bó và TBA CQT Nhà Máy Nước

3AV70+AV50
AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x50

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới (CN-0,4KV)

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO HÀNG LƯỚI VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG AN, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN BÓ, TBA BẢN CÁ, TBA NOONG CÓC, TBA BƠM PHUNG, TBA UBX CHIÊNG ĐEN PHƯỜNG CHIÊNG AN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 02
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000	

bản Pát

trường học

ao

bản Thẩm

bản Mảy

750

TBA ĐỒNG PAO
AL/XLPE2x50
2AL/XLPE4x70
AL/XLPE4x35
BƯỚNG DÂY 0,4KV SAU TBA NÀ NGÙA BÊN
4AV50
TBA BẢN PÁT
3AV70+AV50
AL/XLPE4x70
2AL/XLPE4x95
TBA CO PỤC
AL/XLPE2x50
AL/XLPE4x70
AL/XLPE2x50
TBA NOONG LA 2
100KVA-22/0,4KV
2AL/XLPE4x95
3AV70+AV50
AL/XLPE4x95
Tách lèo giữa TBA Noong La 2 và TBA UBX Chiềng Ngần
3AV70+AV50
AL/XLPE4x70
từ TBA UBX Chiềng Ngần
CỘT 2 NGUỒN
AL/XLPE 4x95
3AV70+AV50
AL/XLPE 4x70
3AV70+AV50
TỪ TBA TUY NỊN 2 ĐẾN
AL/XLPE 4x70
3AV70+AV50
TỪ TBA TUY NỊN 2 ĐẾN
AL/XLPE 4x50
AL/XLPE 4x95
3AV70+AV50
TBA BẢN THẨM 2
180KVA - 22/0,4KV
AL/XLPE 4x95

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN PÁT, TBA CO PỤC, TBA ĐỒNG PAO, TBA NÀ NGÙA, TBA NOONG LA 2, TBA BẢN THẨM 2, TBA TUYNEN 2 PHƯỜNG CHIÊNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 03
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

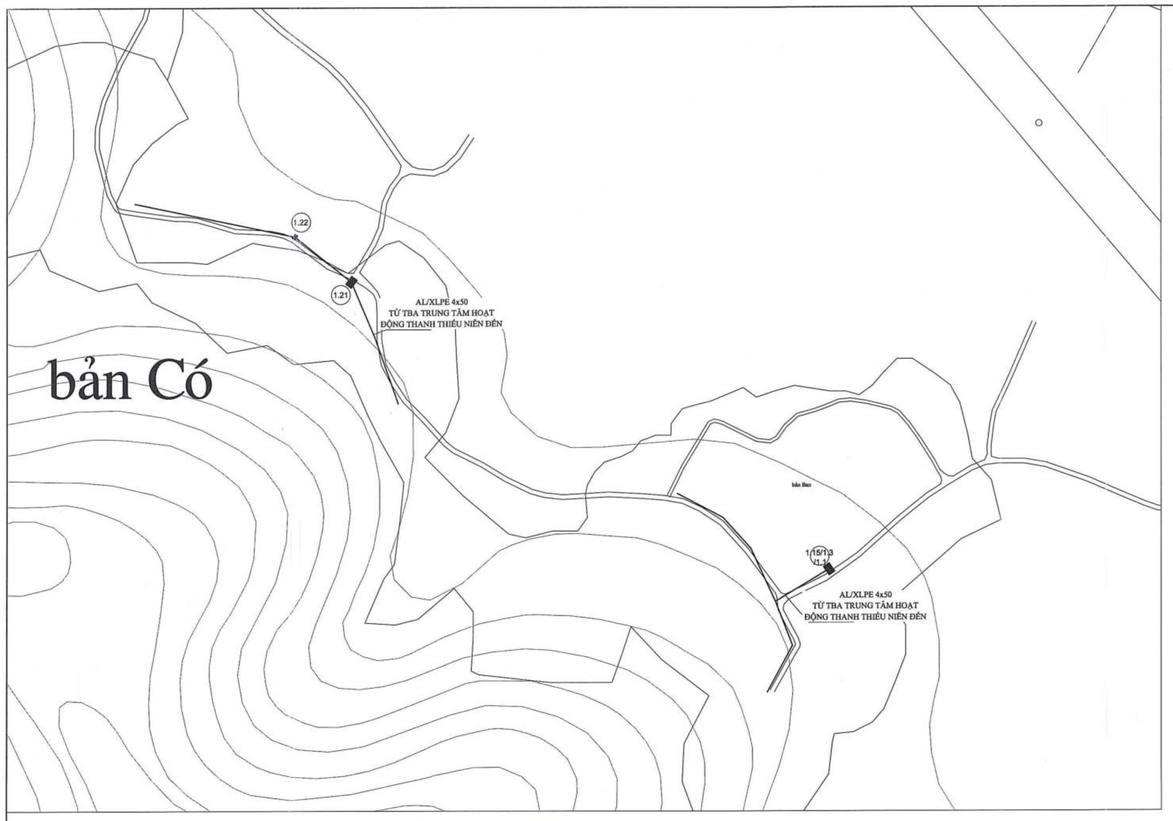

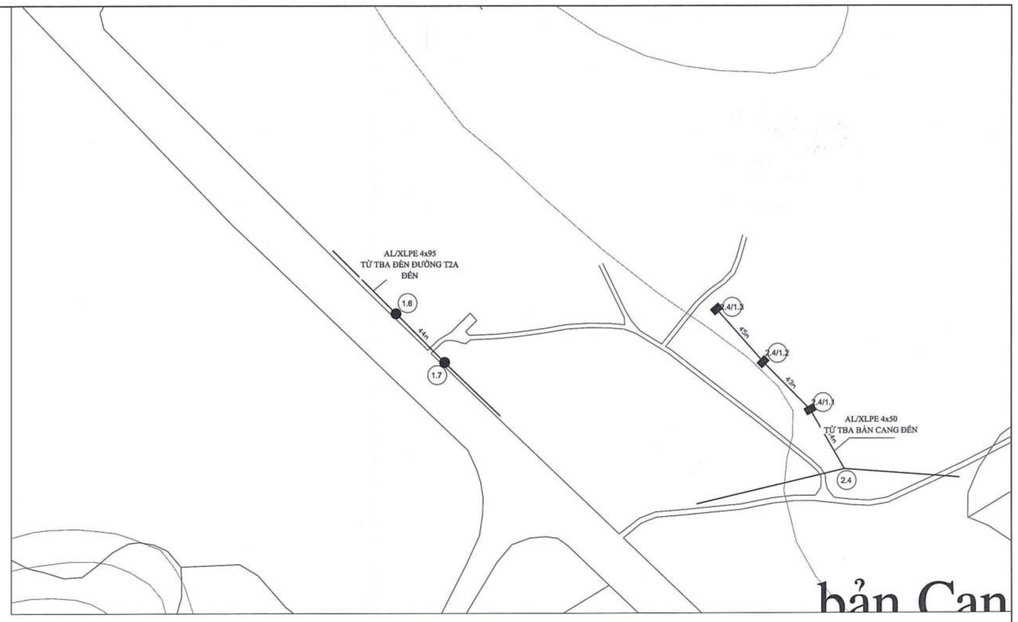

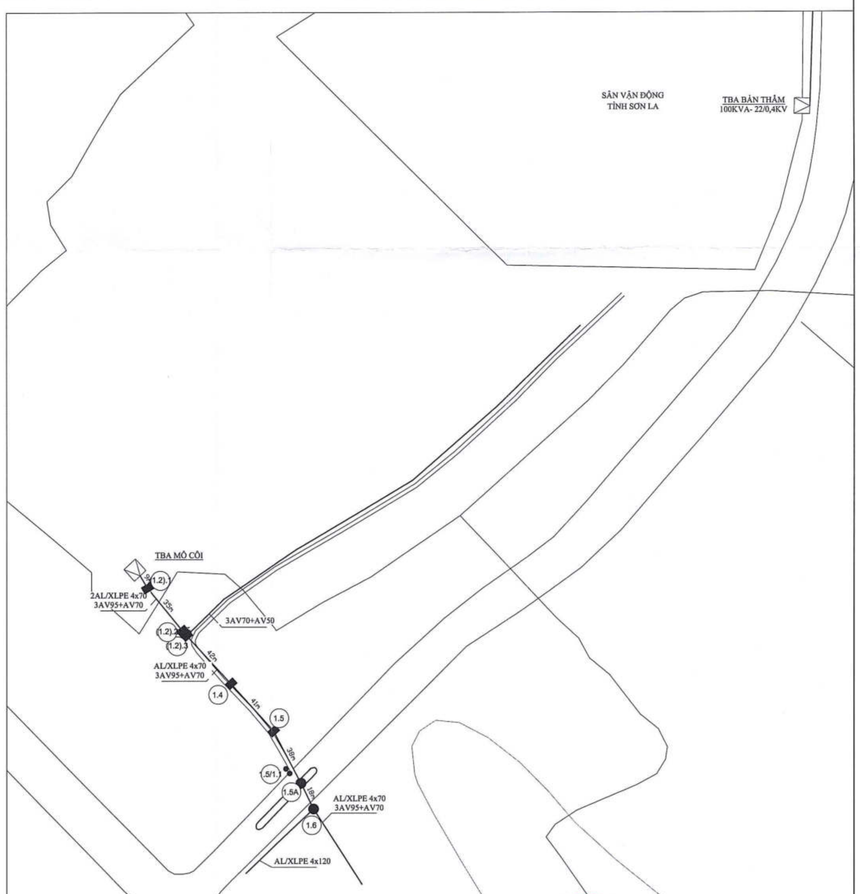

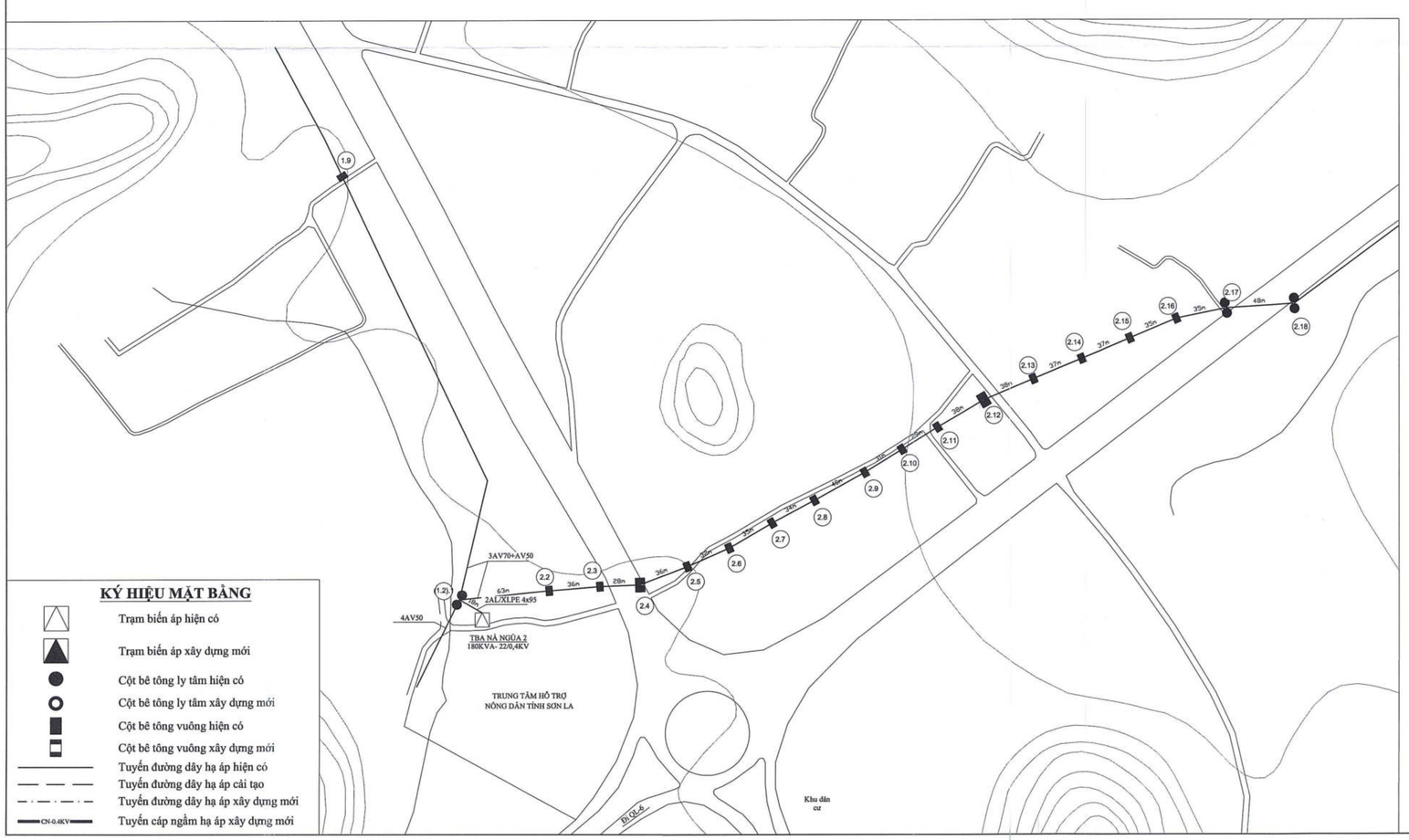

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- CN-0,4KV — Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÒ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NÀ NGÙA 2, TBA MÔ CÔI, TBA ĐẾN ĐƯỜNG T2A, TBA TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NIÊN PHƯỜNG CHIỀNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 04
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

B. Nà Lo

B.Nà Muông

B.Nà Muông

ao

600

600

700

700

650

TBA BẢN MUÔNG 2
180KVA- 35/0,4KV

TBA NÀ LO
100KVA- 22/0,4KV

TBA BẢN MUÔNG
100KVA- 22/0,4KV

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
& CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN MUÔNG, TBA BẢN MUÔNG 2, TBA NÀ LO PHƯỜNG CHIÊNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000

TT.CQT-G6.HA. 05

tiểu khu 4

Viện 6

TBA VIỆN 6

2AL/XLPE4x95

3AV70+AV50

AL/XLPE4x95

AL/XLPE4x70

Tách lèo TBA Viện 6 và TBA Tổ 8 Chiềng Sinh

TBA TỔ 8 CHIỀNG SINH

2AL/XLPE4x95

TBA TĐC NOONG ĐÚC 2

4AL/XLPE4x95

5AL/XLPE4x95

700

750

trường Cao đẳng Sư Phạm

tiểu khu 3

ao

trạm xá

bản Khoang

đồng Bản Khoang

TBA BẢN KHOANG
100KVA-35/0,4KV

AL/XLPE 4x50

3AV50+AV35

AL/XLPE 4x35

AL/XLPE 4x50
3AV50+AV35

TBA HẸO PHUNG 400KVA-35/0,4KV

2AL/XLPE4x95
3AL/XLPE4x95

3 lộ cáp ngầm

TBA SƯ PHẠM 3

AL/XLPE 4x70
TỪ TBA SƯ PHẠM 3 ĐẾN

TBA CỘT ĐÈN ĐƯỜNG T1

2AL/XLPE4x120

AL/XLPE4x70

2AL/XLPE4x70

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THẮNG

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TỜ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA VIỆN 6, TBA TỔ 8 CHIỀNG SINH, TBA TĐC NOONG ĐÚC 2, TBA HẸO PHUNG, TBA CỘT ĐÈN ĐƯỜNG T1, TBA BẢN KHOANG PHƯỜNG CHIỀNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	TT.CQT-G6.HA. 05

Sàng

bản Kham

xã Chiềng Cơi

tổ 8

UB

trại Tâm thần

Bản Hịa

bản Hịa

700

650

700

650

TBA XÃ COI 2
250KVA-22/0,4KV

TBA COT XÃ COI 2
250KVA-22/0,4KV

TBA MÈ BAN
180KVA-22/0,4KV

TBA TÂM THẦN
180KVA-22/0,4KV

TBA BỘ ÁN
180KVA-22/0,4KV

TBA BÚA CO MÔN
31,5KVA-22/0,4KV

TBA XƯỞNG DỆT
250KVA-22/0,4KV

3AV70+1AV50
AL/XLPE 4x50

ĐD 0,4kV từ TBA Bản Pọng đến

ĐD 0,4kV từ 79A Bản Kham 2 đến

ĐD 0,4kV từ TBA Xưởng Dệt đến

4AV50
Từ TBA Mè Ban đến

AL/XLPE 4x70
Từ TBA Cột Xã Coi 2 đến

AL/XLPE 4x70
Từ TBA Xã Coi 2 đến

AL/XLPE 4x50
Từ TBA Tâm Thần đến

AL/XLPE 4x70
Từ TBA Tâm Thần đến

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG AN, TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA XƯỞNG DỆT, TBA MỘ ÁN, TBA BẢN PỌNG, TBA BÚA CO MÔN, TBA BẢN KHAM 2, TBA TÂM THẦN, TBA MÈ BAN, TBA XÃ CƠI 2 PHƯỜNG CHIỀNG CƠI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 07
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

700

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 2x50

TBA NE TỎ
50KVA-22/0,4KV

1AC50/8

700

đồng Nà Nưa

TBA NÈ NƯA
50KVA-22/0,4KV

850

800

750

700

S.Nậm La

4.0

TBA BẢN
HAO 2
31,5KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 2x50

4A50

Chiềng Cơi

AL/XLPE 4x50
TỪ TBA TTĐH TÂY BẮC ĐÈN

AL/XLPE 4x50
TỪ TBA TTĐH TÂY BẮC ĐÈN

ao

HTX.1 Hoàng Văn Thụ

SDZ-400/10
AC-10,5/0,4kV
Văn Thụ 2-250kVA

ĐD 0,4kV từ
TBA Hoàng
Văn Thụ đến

AL/XLPE 4x70;

Tách lèo giữa TBA CQT Hoàng
Văn Thụ, TBA Hoàng Văn Thụ,
TBA Hoàng Văn Thụ 2

3AV50+1AV35
AL/XLPE4x70

XLPE 4x50

3AV50+1AV35
AL/XLPE4x70

2XLPE 4x95

TBA CQT
HOÀNG VĂN
THỤ
250KVA-22/0,4KV

2XLPE 4x95

1AV70+1AV50

3AV70+1AV50

3AV50+1AV35
XLPE 4x70

3AV50+1AV35

Tách lèo giữa TBA CQT Hoàng
Văn Thụ, TBA Bản Nam 2

ĐD 0,4kV từ TBA Bản
Nam 2 đến

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

CN:0,4KV

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NẸ NƯA, TBA NẸ TỎ, TBA CQT HOÀNG VĂN THỤ, TBA BẢN SAN 2, TBA TTĐH TÂY BẮC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 08
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

ng Phiêng

B.Co Phụng

ao

đồng Bản Lụa

bản Lụa

750

650

850

800

750

700

700

1.2

AL/XLPE 2x50

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x35

AL/XLPE 4x70

3AV70+1AV50

2AL/XLPE 4x70

4AS50

TBA BẢN LỤA
100KVA-22/0,4KV

TBA BẢN LỤA
250KVA-35/0,4KV

TBA HUỔI LÁU
75KVA-22/0,4KV

TBA CO PHUNG
180KVA-22/0,4KV

TBA BẢN NGOẠI
3X4VA-35/0,4KV

Cắt 2 nguồn

Tách lèo giữa TBA Bản Lụa và TBA NXH Bản Lụa

ĐD 0,4kV từ TBA NXH Bản Lụa đến

Đấu nối vào lưới điện hiện có

AL/XLPE 4x50 từ TBA Bản Ngoại

XLPE 4x50 ĐD 0,4kV từ TBA Đồng Phiêng đến

Tủ TBA Bản Lụa đến

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
& CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA CO PHUNG, TBA BẢN LUN, TBA BẢN LỤA, TBA BẢN NGOẠI PHƯỜNG CHIÊNG CƠI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 09
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

B. Phiêng Khoang

bản Pom Huốt

TBA BÀN HÔM 1 50KVA-35/0,4KV

TBA BƠM HUỐT 50KVA-35/0,4KV

TBA BÒ CẦM 100KVA-22/0,4KV

TBA BÒ CẦM 2 XLPE 4x95

AL/XLPE 4x50 từ TBA Bòn Huốt 1

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 2x50

AL/XLPE 4x50 từ TBA Phiêng Tam 5-1

Tách lèo giữa TBA Phiêng Tam 5-1 với TBA Bòn Huốt

AL/XLPE 4x50 từ TBA Bòn Huốt

3AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x35

AL/XLPE 4x95

3AV70+1AV50

Tách lèo giữa TBA Bò Cầm và TBA Bó Cầm 2

3AV70+1AV50 từ TBA Bó Cầm 2 đến

VDRN 4.25

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG COI, CHIỀNG ĐEN, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BÓ CÀM, TBA BÓ CÀM 2, TBA BẢN HÔM 1, TBA BƠM HUỐT, TBA PHIÊNG TAM 5-1 PHƯỜNG CHIÊNG COI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 10
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

B.Nà Cọ

B.Coóng Nọi

B.Pột Luông

trường học

700 700 700 650 650 600 600

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70
3AV50+AV35

2AL/XLPE 4x70
3AV50+AV35

TBA BẢN CHÂU
180KVA-35/0,4KV

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70
AL/XLPE 4x95

TBA CỘT TỔ 8 TỔ
HIỆU
180KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x120

4AL/XLPE 4x95

TBA NÀ CÒNG 2
400KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70

3AL/XLPE 4x120

TBA NÀ CÒNG
400KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x120

Ngõ TT UB cũ

Ngõ Trường MG Tổ Hiếu

Ngõ nhà ông UB

Đường ĐH trường TH Tổ Hiếu

Đi UBND Hát

Đi Nhà máy UB

Tách lèo

2.0

009

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới (CN-0,4KV)

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH	PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025	BẢN VẼ: MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NÀ CÒNG, TBA NÀ CÒNG 2, TBA BẢN CHÂU PHƯỜNG CHIÊNG CƠI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 11
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000	

THPT Tô Hiệu

TBA SỞ GIÁO DỤC
400KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x70
AL/XLPE 4x95
3AV70+AV50
2AL/XLPE 4x95
3AL/XLPE 4x95
2AL/XLPE 4x70
AL/XLPE 4x70 từ TBA NVH Bản Hẹo
Tách lèo giữa TBA Sở Giáo Dục và TBA NVH Bản Hẹo
AL/XLPE 4x70 từ TBA NVH Bản Hẹo

Đồi cây
Khu dân cư
Đường nhựa
TBA BÃI RÁC
180KVA-22/0,4KV
ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO
ĐƯỜNG LÊ LỢI
Tách lèo
AL/XLPE4x70
AL/XLPE4x120
2 AL/XLPE4x120
TBA THCS QUYẾT THẮNG
250KVA-22/0,4KV
Khách sạn Hoàng Gia Sơn La
TBA TÔ 8 QUYẾT THẮNG
ĐƯỜNG NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
Cung Văn Hóa Thiếu Nhi Sơn La
TBA NHÀ THIẾU NHI 2
2AL/XLPE 4x120
AL/XLPE 4x95

tổ 7

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- CN-0.4KV — Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NHÀ THIẾU NHI 2, TBA THCS QUYẾT THẮNG, TBA SỞ GIÁO DỤC, TBA CƠ KHÍ PHƯỜNG TÔ HIỆU

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 12
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

750
700
650
600

đồng Bản Hụm

bản Hụm

TBA BẢN HỤM

3AV70+AV50 từ TBA BẢN HỤM ĐẾN

AL/XLPE 4x95

3AV70+AV50 từ TBA Bản Hụm đến

Tách lèo giữa TBA Bản Tông 2 và TBA Bản Hụm

2AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x95 tận dụng

TBA BẢN TÔNG 2

2AL/XLPE 4x95 tận dụng AL/XLPE 4x95

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE 4x95

Tách lèo giữa TBA Bản Tông và TBA Bản Tông 2

2AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70 AL/XLPE 4x95

2(3AV50+AV35)

3AV50+AV35

AL/XLPE 4x70

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x70 tận dụng AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x70 tận dụng

3AV50+AV35 tận dụng

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x95 AL/XLPE4x70 tận dụng

3AV70+AV50 tận dụng AL/XLPE4x70 tận dụng

2(3AV70+AV50)

AL/XLPE 4x50

2(3AV70+AV50)

3AV50+AV35

AL/XLPE 4x70

3AV50+AV35

AL/XLPE 4x70

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE4x50

3AV70+AV50

2AL/XLPE4x70

TBA CHIÊNG XOM 1

Tách lèo giữa TBA Chiềng Xôm và TBA Chiềng Xôm 1

3AV70+AV50 tận dụng

3AV50

3AV50+AV35

AL/XLPE4x95

AL/XLPE 4x70

3AV70+AV50

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x95

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE4x95

3AV70+AV50

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x95

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE

B.Tà Lọ

UB

trạm xá

TBA UBX CHIÊNG ĐEN 180KVA-35/0,4KV

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70 tận dụng

3AV70+AV50

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95 tận dụng AL/XLPE 4x95

Tách lèo giữa TBA Bản Bó và TBA Bản Bó 3

TBA BẢN BÓ 180KVA-22/0,4KV

Đường nhựa

AL/XLPE 4x50 tận dụng AL/XLPE 4x95

Tách lèo giữa TBA Bản Bó và TBA CQT Nhà Máy Nước

AL/XLPE 4x70

trường học

TBA BƠM PHUNG 31,5KVA-35/0,4KV

TBA NOONG CÓC 100KVA-35/0,4KV

TBA BẢN CÁ 180KVA-35/0,4KV

TBA BẢN CÁ 3 250KVA-22/0,4KV

Cột 2 ngoắc

Cột 2 ngoắc

Cột 2 ngoắc

Đ/z tờ TBA Noong Nghẹ

tiểu khu 1

tổ 6

bản Cá

ao

hồ Noong Luông

S.Nậm La

xã Chiềng Ân

bản Hài

750

700

650

850

800

700

650

600

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CỌI, CHIỀNG ĐEN, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN BÓ, TBA BẢN CÁ, TBA NOONG CÓC, TBA BƠM PHUNG, TBA UBX CHIÊNG ĐEN PHƯỜNG CHIỀNG AN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương			
Thiết kế	Lê Đình Hoàn			

TT.CQT-G6.HA. 14

TBA NOONG LA 2
100KVA-22/0,4KV

AL/XLPE4x95 tận dụng
AL/XLPE4x95

2AL/XLPE4x95

AL/XLPE4x95 tận dụng
AL/XLPE4x95

3AV70+AV50
AL/XLPE4x95

3AV70+AV50
AL/XLPE4x70

3AV70+AV50
AL/XLPE4x70
từ TBA UBX Chiềng Ngần

Tách lèo giữa TBA Noong La 2
và TBA UBX Chiềng Ngần

TBA CO PỤC

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE4x70

AL/XLPE4x70

bản Pát

3AV70+AV50 tận dụng

2AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng
AL/XLPE4x95

TBA BẢN PÁT

3AV70+AV50 tận dụng

AL/XLPE4x70 tận dụng

AL/XLPE4x70

2AL/XLPE4x95 tận dụng
AL/XLPE4x95

3AV70+AV50 tận dụng
2AL/XLPE4x95 tận dụng

AL/XLPE4x70

AL/XLPE4x95
2AL/XLPE4x95 tận dụng

3AV70+AV50 tận dụng
2AL/XLPE4x95 tận dụng

3AV70+AV50 tận dụng
2AL/XLPE4x95 tận dụng

3AV70+AV50 tận dụng
AL/XLPE4x95

3AV70+AV50

3AV70+AV50
AL/XLPE4x70

Tách lèo giữa TBA Noong La 2
và TBA UBX Chiềng Ngần

bản May

ao

750

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x70
3AV70+AV50
TỪ TBA TUỶ NÐN 2 ĐẾN

AL/XLPE 4x70
3AV70+AV50
TỪ TBA TUỶ NÐN 2 ĐẾN

CỘT 2 NGUỒN

AL/XLPE 4x95
3AV70+AV50
TỪ TBA BẢN THẨM 2 ĐẾN

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x95
3AV70+AV50

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95 tận dụng
AL/XLPE 4x95

TBA BẢN THẨM 2
180KVA-22/0,4KV

bản Thẩm

AL/XLPE4x70

TBA ĐÔNG PAO

2AL/XLPE4x70

ĐƯỜNG DÂY 6,4KV
SAU TBA NÀ NGỮA ĐẾN

4AV50

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
& CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH & TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN PÁT, TBA CO PỤC, TBA ĐÔNG PAO, TBA NÀ NGỮA, TBA NOONG LA 2, TBA BẢN THẨM 2, TBA TUYNEN 2 PHƯỜNG CHIỀNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 15
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

bản Có

bản Lay

bản Cang

Khu dân cư

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH SƠN LA

SÂN VẬN ĐỘNG TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH SƠN LA

TBA BẢN THẮM 160KVA- 22/0,4KV

TBA MỎ CÓI

TBA NÀ NGÙA 2 160KVA- 22/0,4KV

AL/XLPE 4x50 TỪ TBA TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NIÊN ĐIỆN

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x120

2AL/XLPE 4x70 3AV95+AV70

3AV70+AV50

4AV50

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x50 TỪ TBA BẢN CANG ĐIỆN

AL/XLPE 4x95 TỪ TBA ĐẾN ĐƯỜNG T2A ĐIỆN

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NÀ NGÙA 2, TBA MỎ CÓI, TBA ĐẾN ĐƯỜNG T2A, TBA TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NIÊN PHƯỜNG CHIỀNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 16
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000	

B. Nà Lo

B.Nà Muông

B.Nà Muông

600

600

700

650

700

600

ao

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

2AL/XLPE 4x95

2AV50

3AV50+AV50

4AV50

4AV50 tận dụng

TBA BẢN MUÔNG 2
180KVA- 35/0,4KV

TBA BẢN MUÔNG
160KVA- 22/0,4KV

TBA NÀ LO
100KVA- 22/0,4KV

AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 3AV50+AV50

AL/XLPE 4x70 3AV50+AV50 AL/XLPE 4x70 (BS)

3AV50+AV50 AL/XLPE 4x70 (BS)

AL/XLPE 4x70 AL/XLPE 4x70 (BS)

AL/XLPE 4x35

AL/XLPE 4x95 tận dụng 2AL/XLPE 4x70 tận dụng CuPVC 3x50+1x35 tận dụng 2AL/XLPE 4x95

2AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

2AL/XLPE 4x70 tận dụng

4AV50 tận dụng

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới (CN-0,4KV)

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BẢN MUÔNG, TBA BẢN MUÔNG 2, TBA NÀ LO PHƯỜNG CHIÊNG SINH

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 17
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

tiểu khu 4

trường Cao đẳng Sư Phạm

Viện 6

bản Giỏ

bản Khoang

đồng Bản Khoang

ao

trạm xá

700

750

TBA VIỆN 6

TBA TỔ 8 CHIỀNG SINH

TBA TĐC NOONG ĐÚC 2

TBA BẢN KHOANG
100KVA-35/0,4KV

TBA HẸO PHUNG 400KVA-35/0,4KV

TBA SƯ PHẠM 3

TBA CQT ĐÈN ĐƯỜNG T1

Tách lèo TBA Viện 6
và TBA Tổ 8 Chiềng Sinh

3 lộ cáp ngầm tận dụng

AL/XLPE 4x70
TỪ TBA SƯ PHẠM 3 ĐẾN

2AL/XLPE4x95
3AV70+AV50 tận dụng
AL/XLPE4x95
AL/XLPE4x70 tận dụng
2L/XLPE4x95 tận dụng
4AL/XLPE4x95
3AL/XLPE4x95 tận dụng
2AL/XLPE4x120 tận dụng
3AV50+AV35
AL/XLPE 4x35 tận dụng
AL/XLPE 4x50
AL/XLPE 4x95
2AL/XLPE 4x70 tận dụng

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH	PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025	MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA VIỆN 6, TBA TỔ 8 CHIỀNG SINH, TBA TĐC NOONG ĐÚC 2, TBA HẸO PHUNG, TBA CQT ĐÈN ĐƯỜNG T1, TBA BẢN KHOANG PHƯỜNG CHIỀNG SINH
Giám đốc: Nguyễn Anh Dũng	
C.N.T.K.Đ: Nguyễn Văn Lực	
C.T.T.K.Đ: Nguyễn Văn Lực	
Kiểm tra: Trương Văn Lương	BCKTKT 2025
Thiết kế: Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ 1/2000
	TT.CQT-G6.HA. 18

Sàng

bản Kham

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x50

3AV50+1AV50

BD 0,4kV từ TBA Bản Kham 2 đến

TBA BÚA CO MÔN 31,5KVA-22/0,4KV

3AV70+1AV50 tấn dụng

AL/XLPE 4x70 tận dụng

AL/XLPE 4x50 tận dụng

TBA XÃ CƠI 2 250KVA-22/0,4KV

TBA CỘT XÃ CƠI 2 250KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 Từ TBA CỘT XÃ Cơi 2 đến

AL/XLPE 4x70 Từ TBA XÃ Cơi 2 đến

4AV50 Từ TBA Mi Ban đến

TBA MI BAN 180KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x70 Từ TBA Tâm Thần đến

AL/XLPE 4x50 Từ TBA Tâm Thần đến

trại Tâm thần

TBA TÂM THẦN 180KVA-22/0,4KV

650

700

TBA BÓ ÁN 180KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 tận dụng AL/XLPE 4x95

xã Chiềng Cơi

tổ 8

UB

TBA XƯỞNG DỆT 320KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x95

3AL/XLPE 4x70

2AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x50

3AV75+1AV50 tấn dụng

3AV70+1AV50 tấn dụng AL/XLPE 4x95 tấn dụng

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95

BD 0,4kV từ TBA Bản Pọng đến

3AV70+1AV50 tấn dụng

Bản Hịa

Kho dầu

4AV50

BD 0,4kV từ TBA Xưởng Dệt đến

3AV50+1AV35

AL/XLPE4x50

AL/XLPE4x35

bản Hịa

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA XƯỞNG DỆT, TBA BÓ ÁN, TBA BẢN PỌNG, TBA BÚA CO MÔN, TBA BẢN KHAM 2, TBA TÂM THẦN, TBA MI BAN, TBA XÃ CƠI 2 PHƯỜNG CHIỀNG CƠI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương	BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 19
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	TỶ LỆ	1/2000	

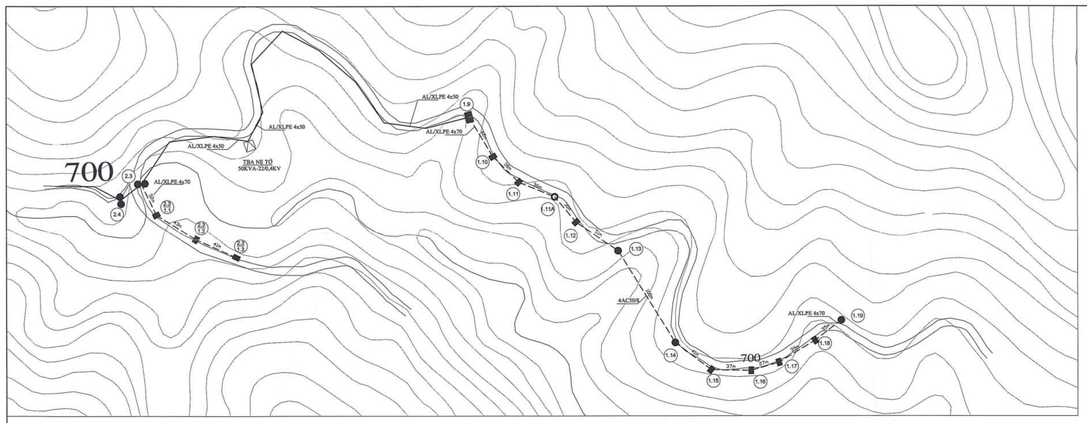

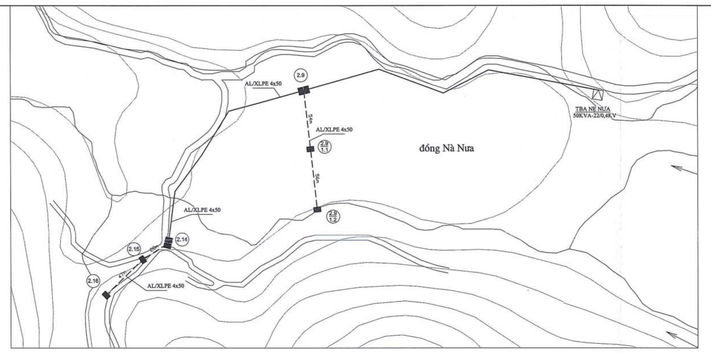

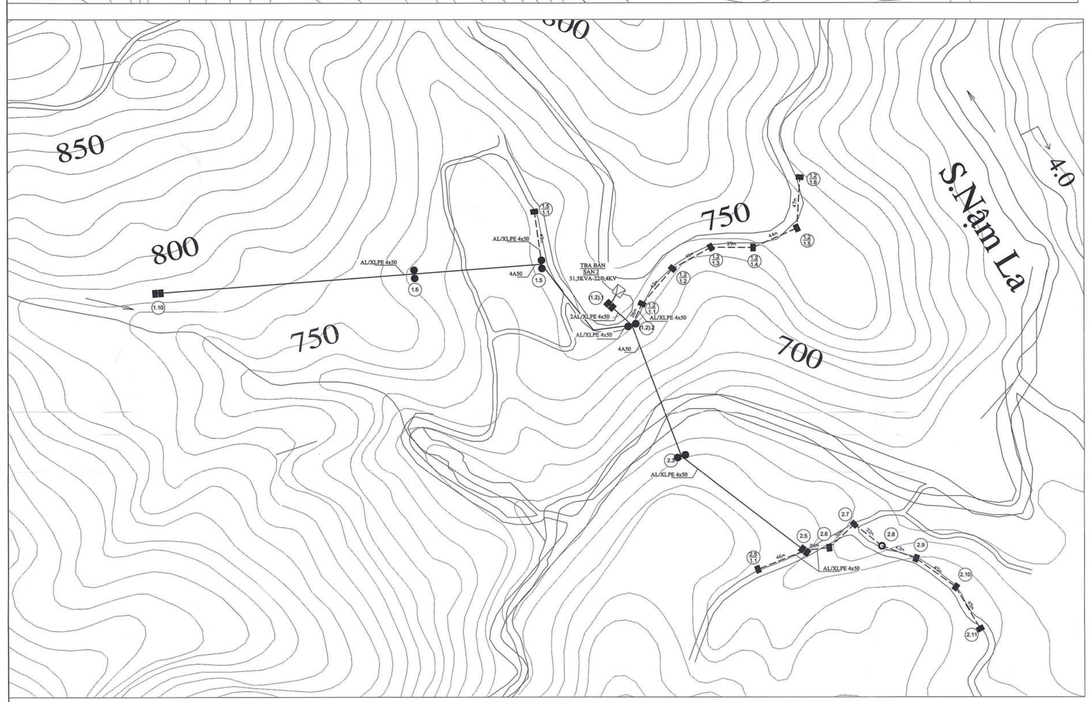

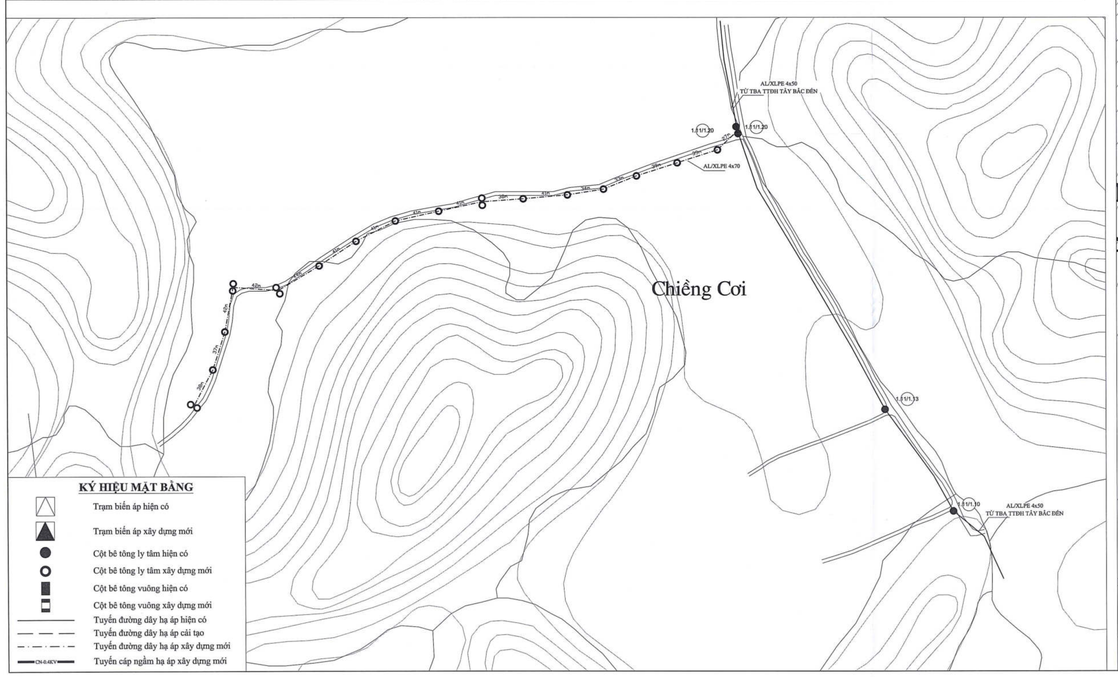

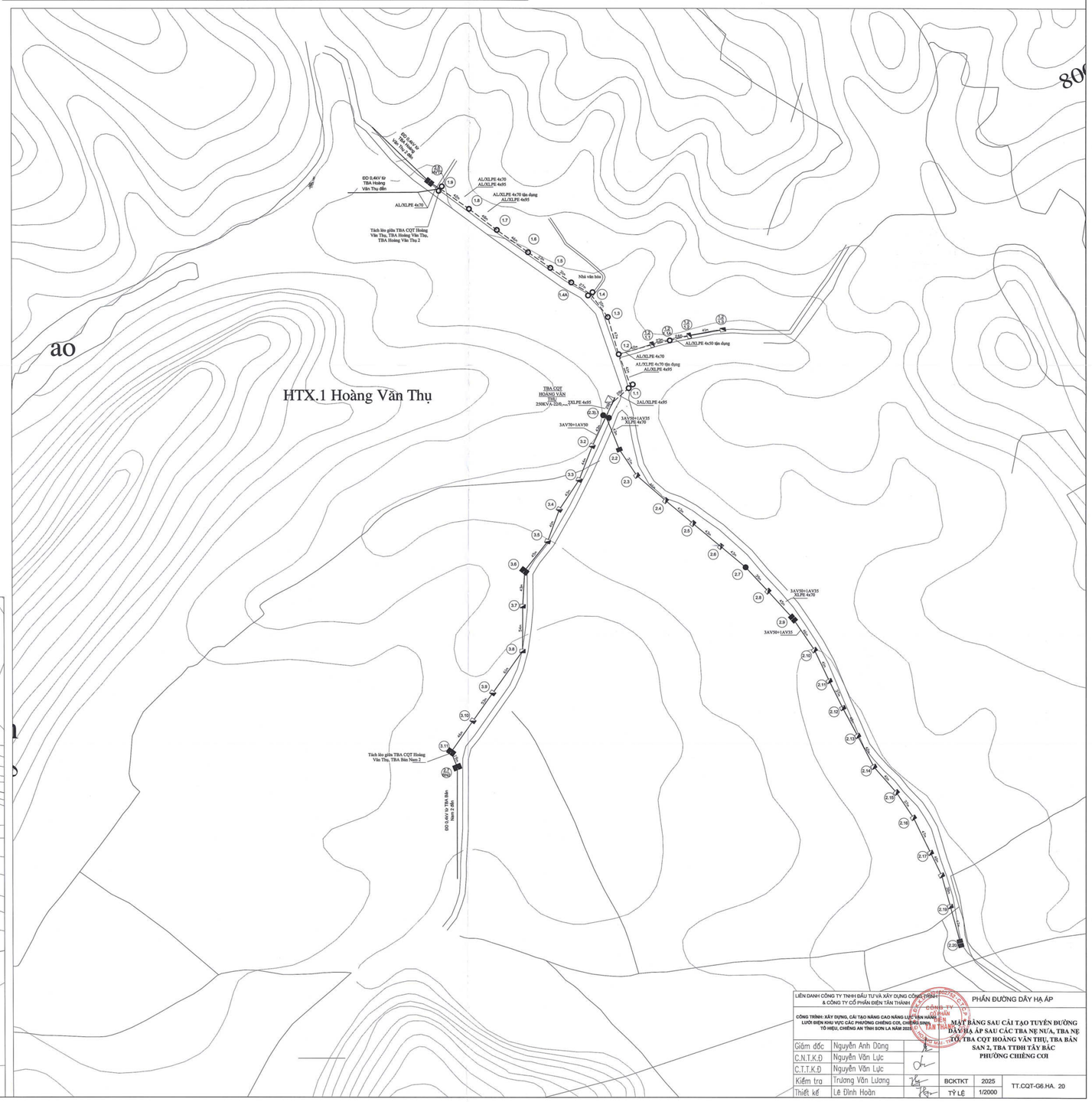

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP	
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TỜ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NẸ NƯA, TBA NẸ TỜ, TBA CQT HOÀNG VĂN THỤ, TBA BẢN SAN 2, TBA TTĐH TÂY BẮC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI	
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng			
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực			
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT 2025	TT.CQT-G6.HA. 20
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ 1/2000	

B.Co Phụng

ao

đồng Bản Lụa

bản Lụa

ng Phiêng

750

800

850

700

650

1.2

XLPE 4x70

ĐD 0,4kV từ TBA Bông Phiêng đến

AL/XLPE 4x70

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x50 tới TBA Bản Ngoại

AL/XLPE 4x70 từ TBA Bản Lụa đến

TBA BẢN LỤA 100KVA-22/0,4KV

TBA BẢN NGOẠI 75KVA-22/0,4KV

TBA HUỔI BÁ 75KVA-22/0,4KV

TBA CO PHỤNG 180KVA-22/0,4KV

3AV70+1AV50 tận dụng

2AL/XLPE 4x70 tận dụng

AL/XLPE 4x35

AL/XLPE 4x70 tận dụng

AL/XLPE 4x50 tận dụng

Tách lưu giữa TBA Bản Lụa và TBA NVH Bản Lụa

ĐD 0,4kV từ TBA NVH Bản Lụa đến

Cột 2 nguồn

4X50

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO HÀNG LƯỚI VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG COI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA CO PHUNG, TBA BẢN LUN, TBA BẢN LỤA, TBA BẢN NGOẠI PHƯỜNG CHIỀNG COI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 21
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

B. Phiêng Khoang

bản Pom Huốt

TBA BÀN HÔM 1 560KVA-35/0,4KV

TBA BÔ CÀM 100KVA-22/0,4KV

TBA BÔ CÀM 2 XLPE 4x95

TBA BÔM HUỐT 50KVA-35/0,4KV

AL/XLPE 4x50 từ TBA Bàn Hôm 1

AL/XLPE 4x50 từ TBA Phiêng Tam 5-1

AL/XLPE 4x50 từ TBA Bôm Huốt

Tách lèo giữa TBA Phiêng Tam 5-1 và TBA Bôm Huốt

Tách lèo giữa TBA Bô Cầm và TBA Bô Cầm 2

3AV70+1AV50 tận dụng

3AV70+1AV50 từ TBA Bô Cầm 2 đến

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95 tận dụng

AL/XLPE4x95

3AV70+1AV50

AL/XLPE 4x30

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG COI, CHIÊNG AN, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA BÔ CÀM, TBA BÔ CÀM 2, TBA BÀN HÔM 1, TBA BÔM HUỐT, TBA PHIÊNG TAM 5-1 PHƯỜNG CHIÊNG COI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 22
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/2000	

B.Nà Cọ

B.Coóng Nọi

B.Pột Luông

trường học

650

700

600

750

2.0

AL/XLPE 4x50

AL/XLPE 4x70 tận dụng

AL/XLPE 4x70 tận dụng
3AV50+AV35 tận dụng

AL/XLPE 4x70
3AV50+AV35

2AL/XLPE 4x70
3AV50+AV35

TBA BẢN CHÂU
160KVA-35/0,4KV

AL/XLPE 4x70 tận dụng
AL/XLPE 4x95 tận dụng

2AL/XLPE 4x95

TBA CỘT TỦ Ê TÔ
(HĐ)
180KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x120 tận dụng

TBA CỘT NÀ CÔNG

4AL/XLPE 4x95 tận dụng

TBA NÀ CÔNG 2
400KVA-22/0,4KV

2AL/XLPE 4x95 tận dụng

2AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x95 tận dụng
AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x70 tận dụng

3AL/XLPE 4x120 tận dụng
AL/XLPE 4x95

TBA NÀ CÔNG
400KVA-22/0,4KV

AL/XLPE 4x120 tận dụng
AL/XLPE 4x95

AL/XLPE 4x50 tận dụng

Tách lèo

Ngõ T7 Nghĩa trang TB Hiệu

Ngõ T7 UB-rẽ

Ngõ Trường MG Tô Hiệu

Ngõ 60c-n-UB

Đường lên trường TH Tô Hiệu

Đi Nhà Bia-n-UB

Đi UBND tỉnh

Đường

ao

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới (CN-0,4KV)

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
& CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG COI, CHIỀNG SINH & TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NÀ CÔNG, TBA NÀ CÔNG 2, TBA BẢN CHÂU PHƯỜNG CHIỀNG COI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 23
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

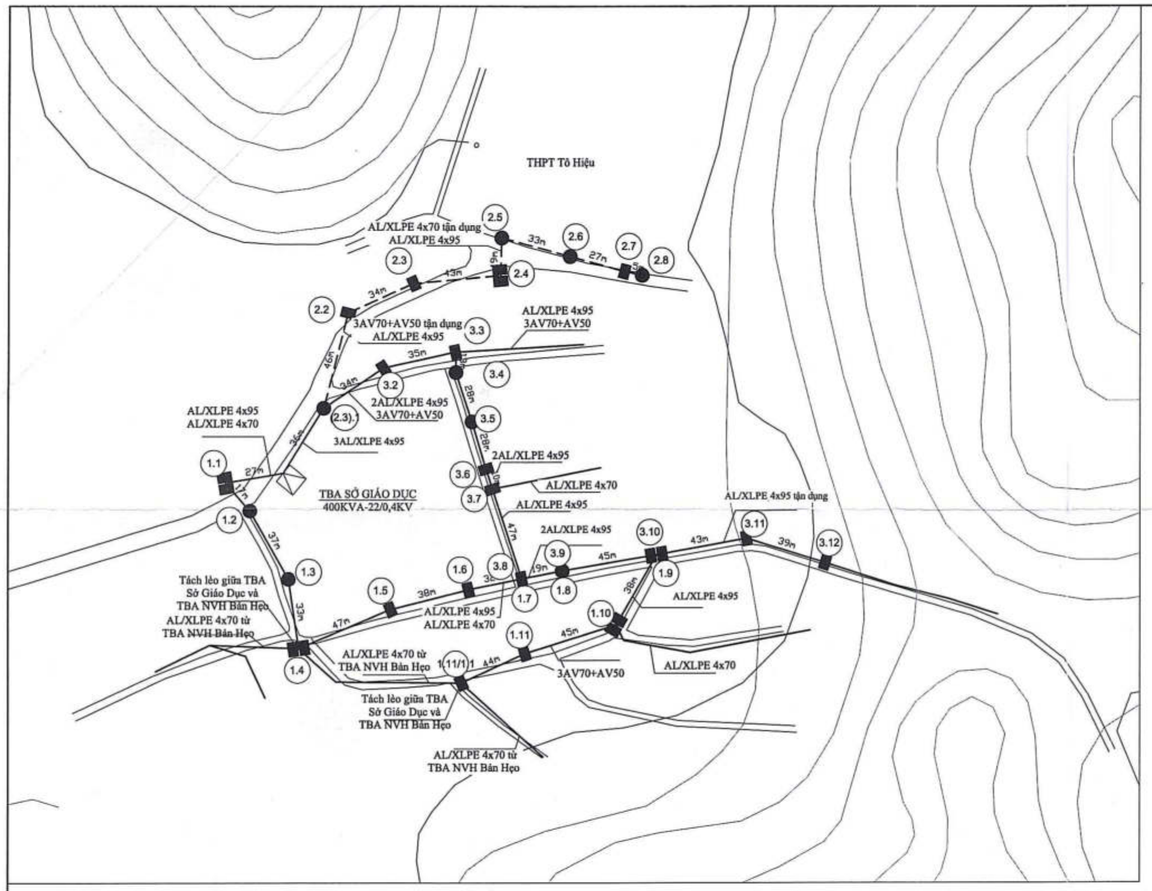

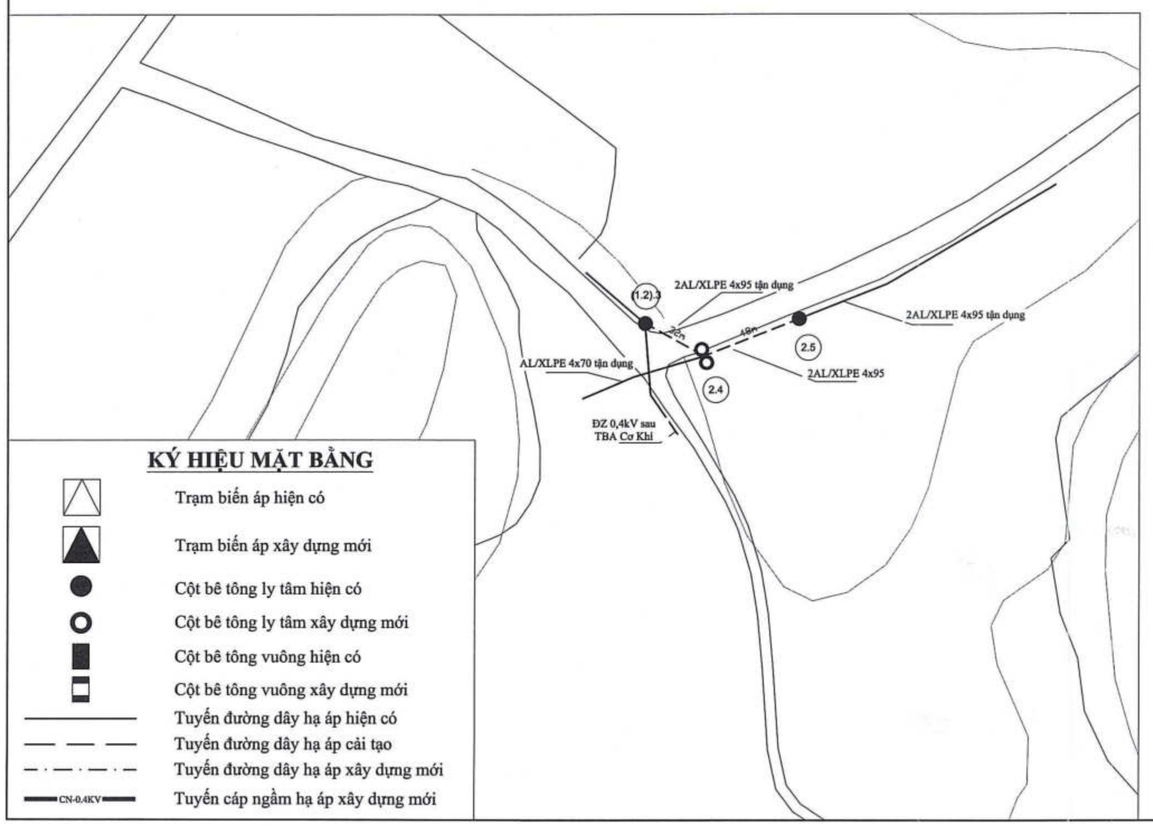

KÝ HIỆU MẶT BẰNG

- Trạm biến áp hiện có
- Trạm biến áp xây dựng mới
- Cột bê tông ly tâm hiện có
- Cột bê tông ly tâm xây dựng mới
- Cột bê tông vuông hiện có
- Cột bê tông vuông xây dựng mới
- Tuyến đường dây hạ áp hiện có
- Tuyến đường dây hạ áp cải tạo
- Tuyến đường dây hạ áp xây dựng mới
- CN-0.4KV — Tuyến cáp ngầm hạ áp xây dựng mới

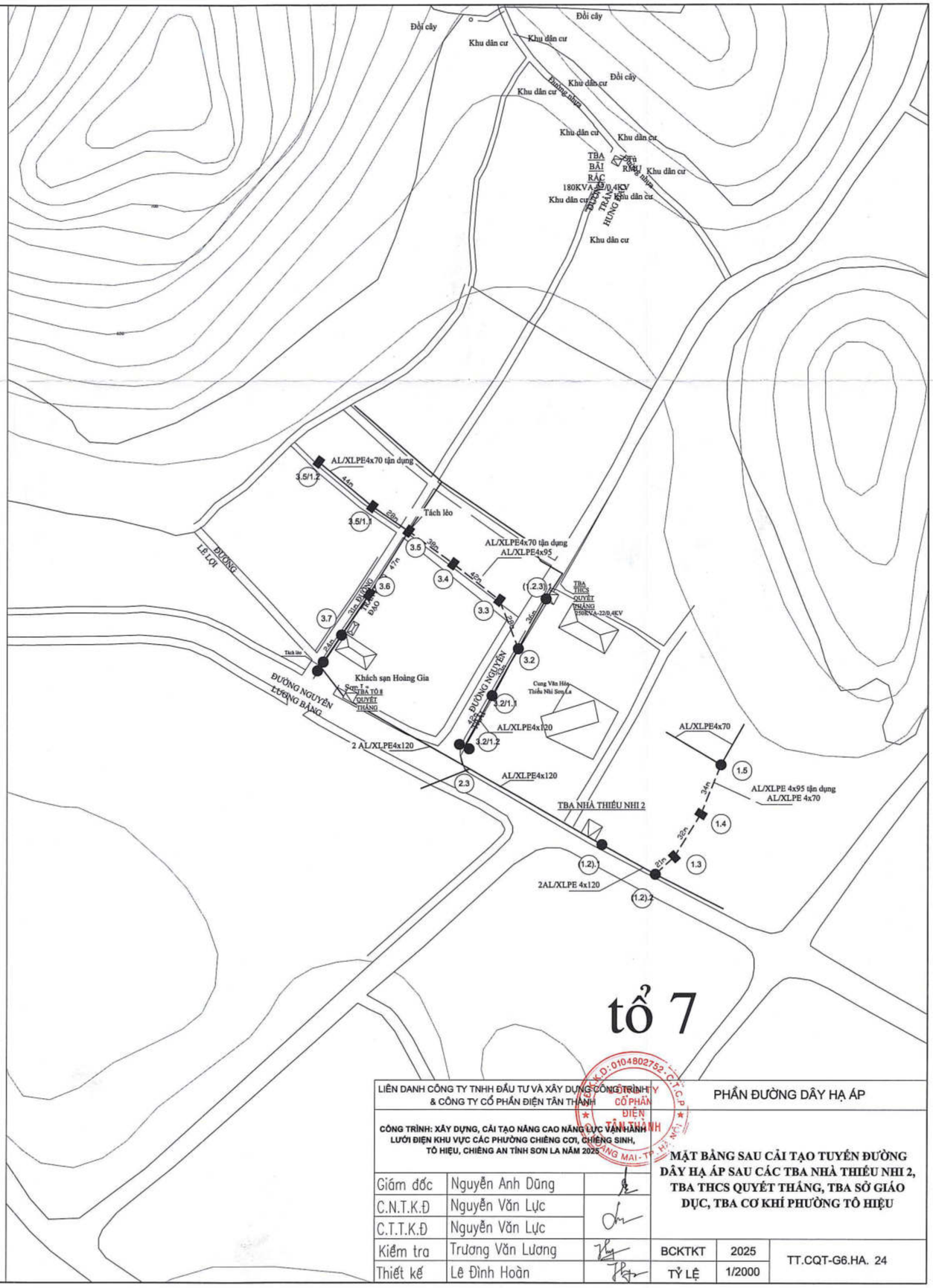

tổ 7

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Y & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP SAU CÁC TBA NHÀ THIẾU NHI 2, TBA THCS QUYẾT THẮNG, TBA SỞ GIÁO DỤC, TBA CƠ KHÍ PHƯỜNG TÔ HIỆU		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 24
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/2000	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

SƠ ĐỒ CỘT LY TÂM NÉO GÓC, NÉO THẲNG, NÉO CUỐI ĐƠN

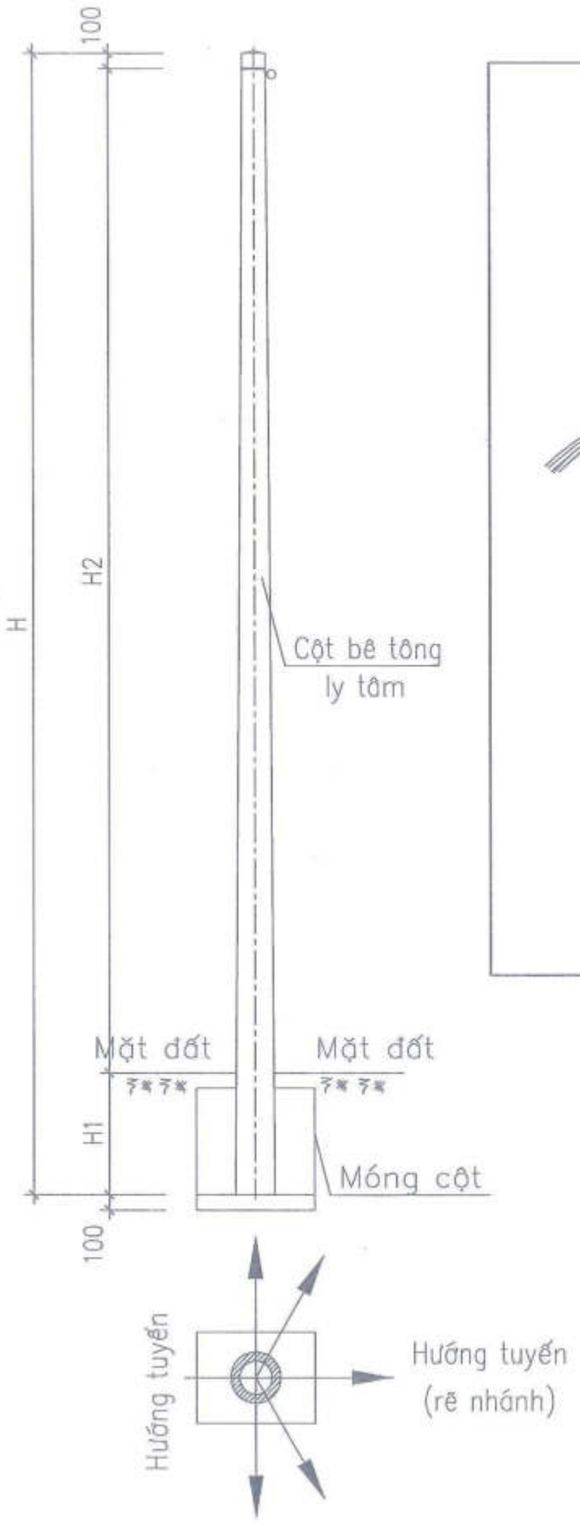

NÉO THẲNG CỘT ĐƠN

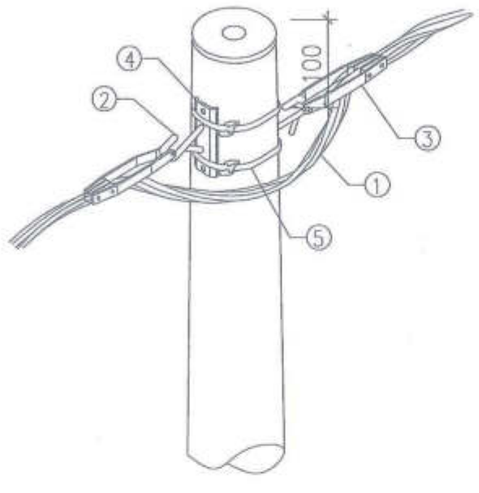

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC HÃM CÁP
3. KẸP HÃM CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

NÉO GÓC CỘT ĐƠN

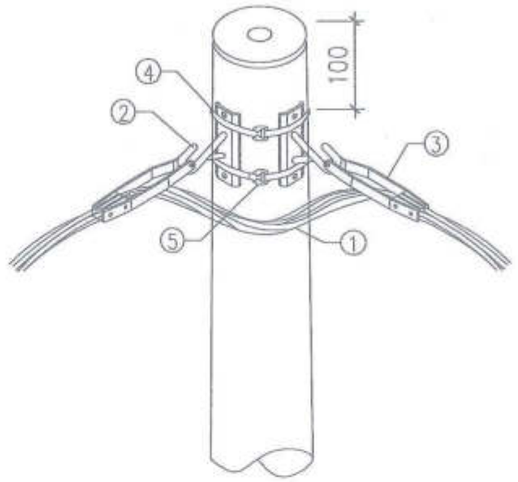

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC HÃM CÁP
3. KẸP HÃM CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

NÉO CUỐI CỘT ĐƠN

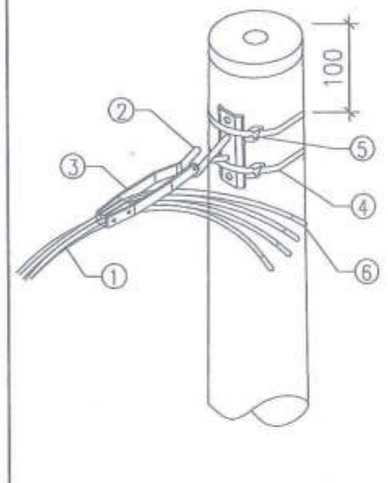

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC HÃM CÁP
3. KẸP HÃM CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP
6. BỊT ĐẦU CÁP

GHI CHÚ:

LOẠI CỘT H (mm)	CHIỀU SÂU CHÔN CỘT H1 (mm)
8500	1000
10000	1100
12000	1400

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			SƠ ĐỒ CỘT LY TÂM NÉO THẲNG, NÉO GÓC, NÉO CUỐI CỘT ĐƠN		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 25
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/40	

SƠ ĐỒ CỘT LY TÂM NÉO GÓC, NÉO CUỐI ĐÚP

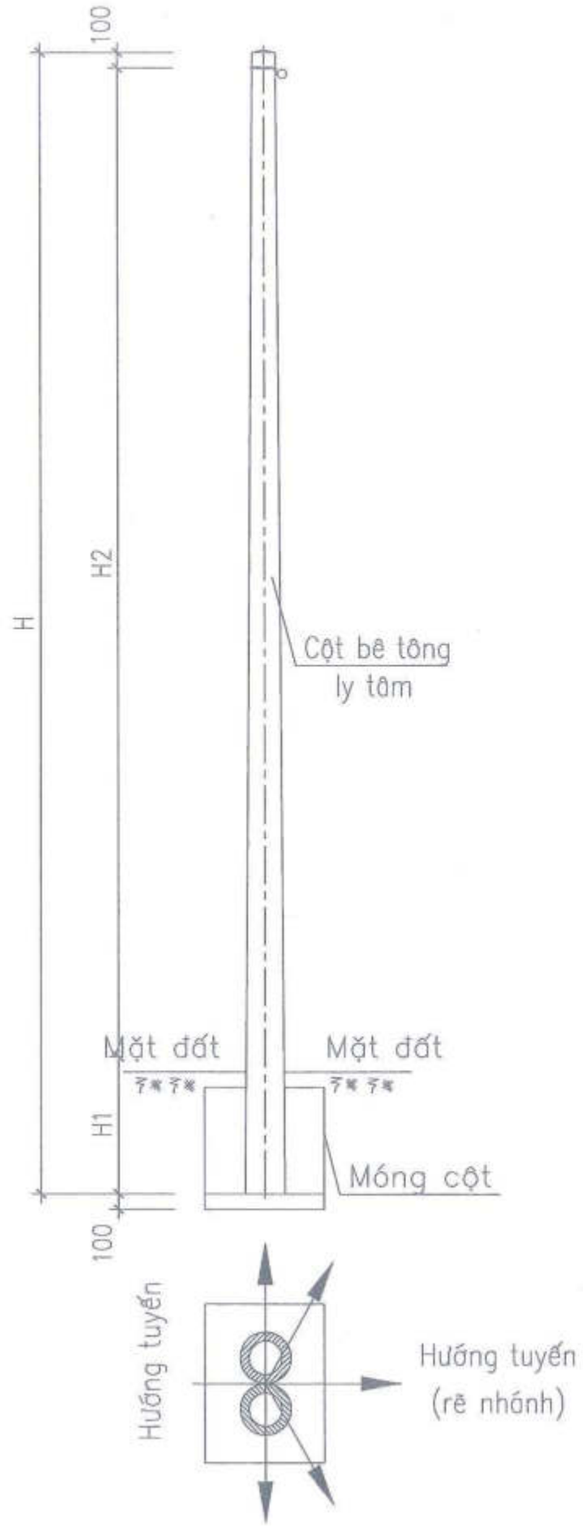

CỘT GHÉP NÉO GÓC ĐÚP

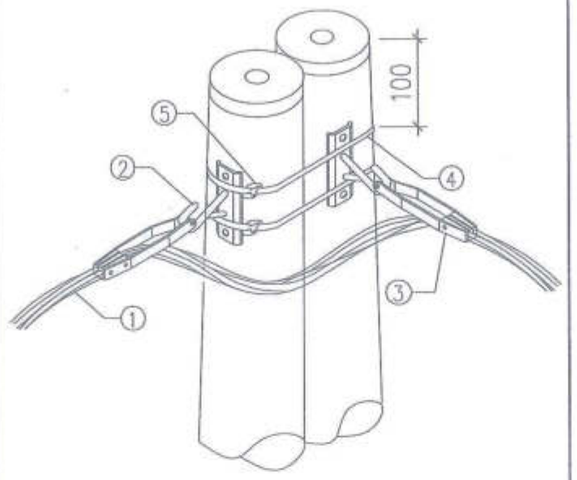

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MỐC NÉO
3. KẸP HÃM
4. ĐAI THẾP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THẾP

CỘT GHÉP NÉO CUỐI ĐÚP

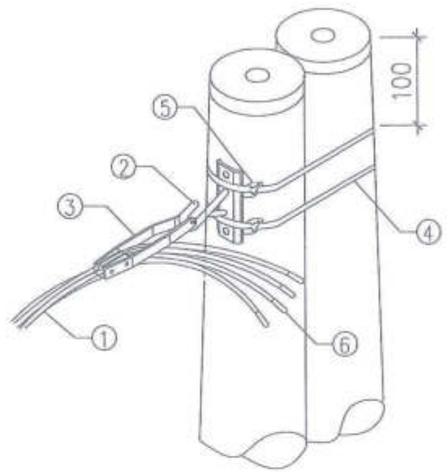

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MỐC HÃM
3. KẸP HÃM
4. ĐAI THẾP KHÔNG RỈ
5. KHOÁ ĐAI THẾP
6. BỊT ĐẦU CÁP

GHI CHÚ:

LOẠI CỘT H (mm)	CHIỀU SÂU CHÔN CỘT H1 (mm)
8500	900
10000	1000
12000	1500

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

SƠ ĐỒ CỘT LY TÂM NÉO THẲNG, NÉO GÓC, NÉO CUỐI CỘT ĐÔI

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 26
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/40	

CỘT NÉO GÓC

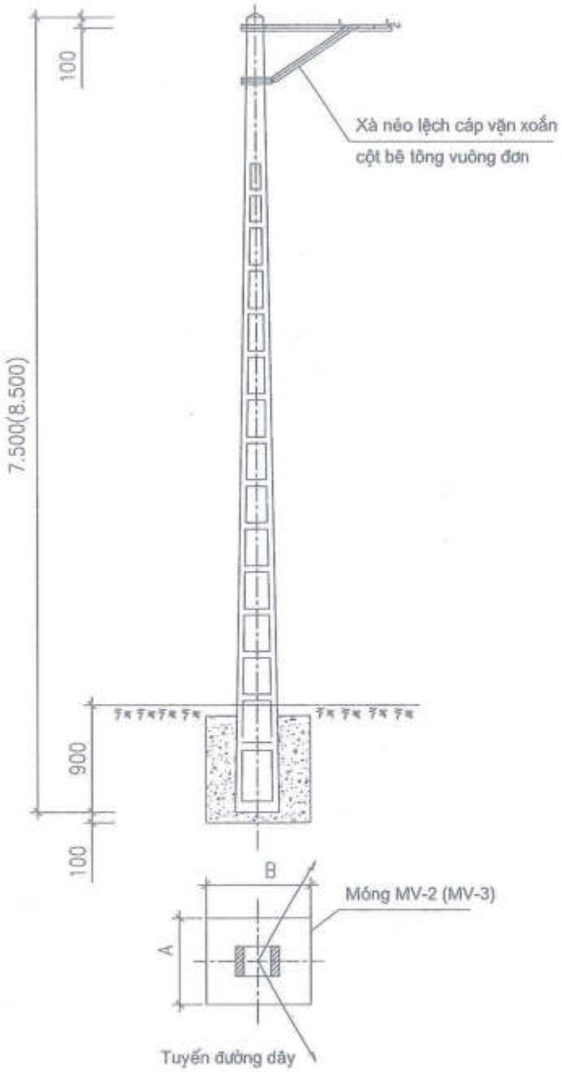

Ghi chú:

- Kích thước trong ngoặc ( ) dùng cho cột bê tông vuông H8,5

CỘT NÉO GÓC

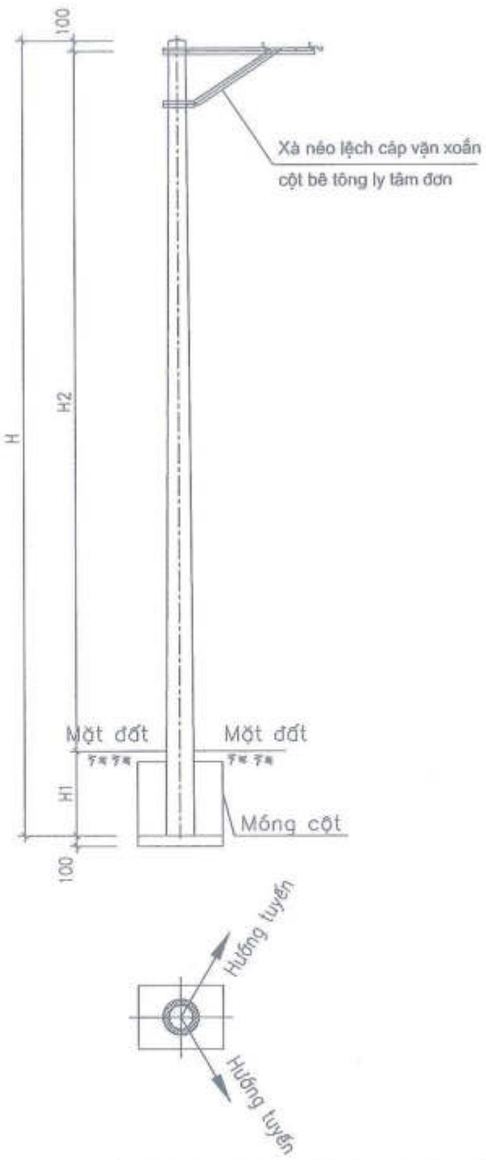

GHI CHÚ:

LOẠI CỘT H (mm)	CHIỀU SÂU CHÔN CỘT H1 (mm)
8500	1000
10000	1100
12000	1400

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

SƠ ĐỒ CỘT NÉO GÓC SỬ DỤNG XÀ NÉO LỆCH CỘT BÊ TÔNG VUÔNG ĐƠN, LY TÂM ĐƠN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 27
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		TỶ LỆ	1/57	
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

NÉO CUỐI KHOẢNG VƯỢT LỚN

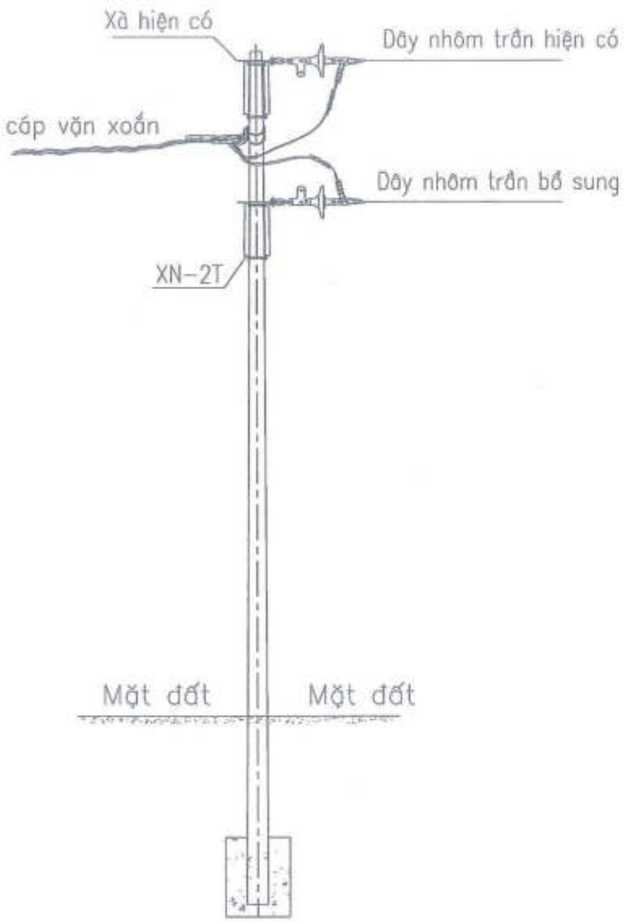

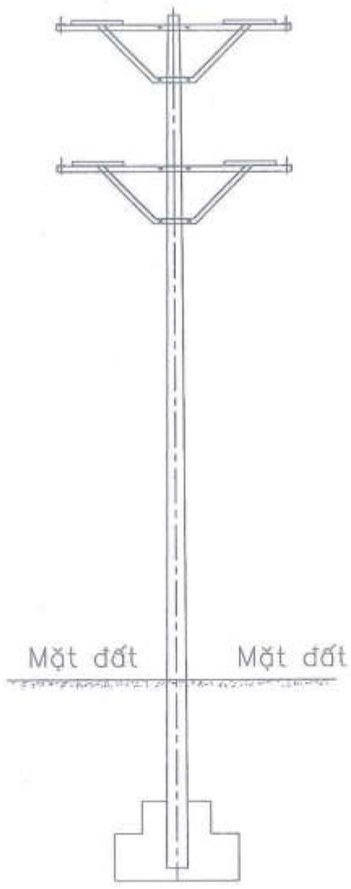

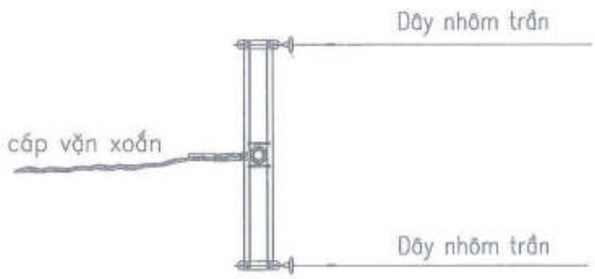

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			SƠ ĐỒ CỘT NÉO CUỐI KHOẢNG VƯỢT LỚN		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 28
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/43	

0104802752 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH MAI - TP. HÀ NỘI

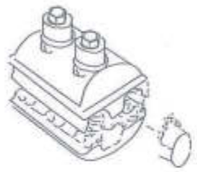

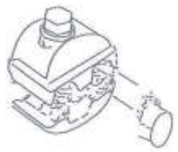

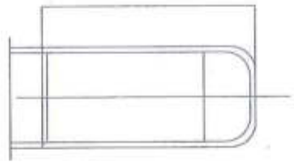

BỊT ĐẦU CÁP

CÁC THÔNG SỐ				
KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH TRONG: D (MM)		BỀ DÀY W (MM)	CHIỀU DÀI L (MM)
	TRƯỚC KHI CO	SAU KHI CO		
BC 1	12	4	2,8	38
BC 2	18	8	3	56
BC 3	30	13	3,9	90
BC 4	58	22	3,6	147
BC 5	100	60	3,8	160
BC 6	120	60	4	145

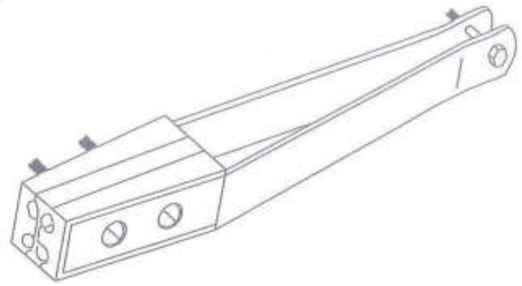

CÁC THÔNG SỐ	
KÝ HIỆU	KÍCH CỠ CÁP VẶN XOẮN
KX - ABC 4 X 25 - 50	4 X 25 - 50
KX - ABC 4 X 50 - 95	4 X 50 - 95
KX - ABC 4 X 120	4 X 120

KẸP XIẾT

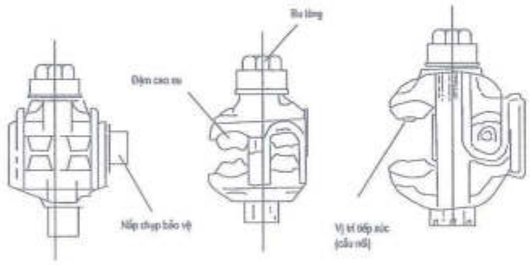

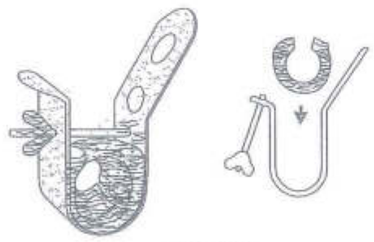

KẸP TREO

MÓC TREO

CÁC THÔNG SỐ		
KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH CÁP VẶN XOẮN	TIẾT DIỆN RUỘT DẪN
KT - ABC 4X150	45 - 48	4 X 150
KT - ABC 4X120	40 - 42	4 X 120
KT - ABC 4X95	37 - 39	4 X 95
KT - ABC 4X70	31 - 36	4 X 70
KT - ABC 4X50	24 - 28	4 X 50
KT - ABC 4X35	24 - 28	4 X 35
KT - ABC 2X95	30 - 34	2 X 95
KT - ABC 2X50	22 - 25	2 X 50

CÁC THÔNG SỐ		
KÝ HIỆU	TIẾT DIỆN CÁP ĐƯỜNG DÂY CHÍNH, MM/2	TIẾT DIỆN CÁP ĐƯỜNG DÂY NHÁNH, MM/2
CB - 95/35	35 - 95	6 - 35
CB - 95/95	35 - 95	35 - 95
CB - 150/35	50 - 150	6 - 35
CB - 150/150	35 - 150	35 - 150

KẸP RẼ NHÁNH

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHỤ KIỆN CÁP VẶN XOẮN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 29
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/57	

NÉO GÓC CỘT KÉP VUÔNG

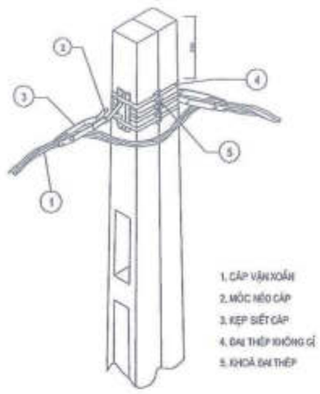

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

NÉO CUỐI CỘT GHÉP VUÔNG

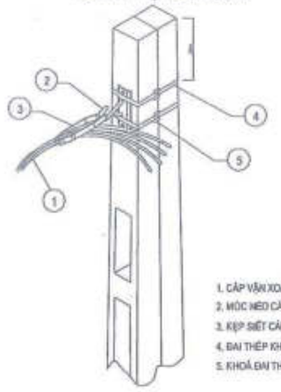

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

NÉO CUỐI CỘT VUÔNG

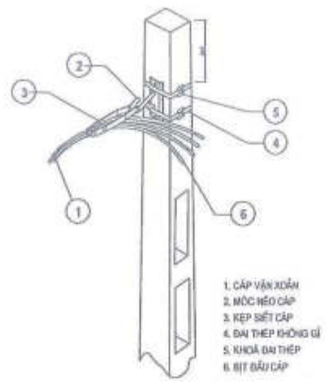

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP
6. BỊT ĐẦU CÁP

NÉO GÓC CỘT VUÔNG

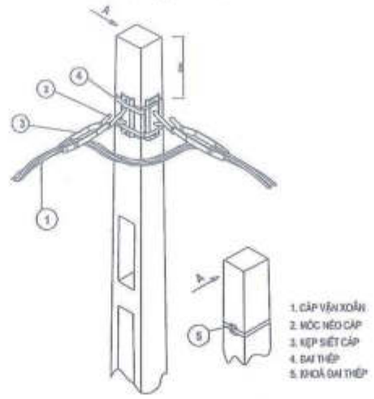

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP
5. KHOÁ ĐAI THÉP

CỘT ĐỠ THẲNG, RẼ NHÁNH

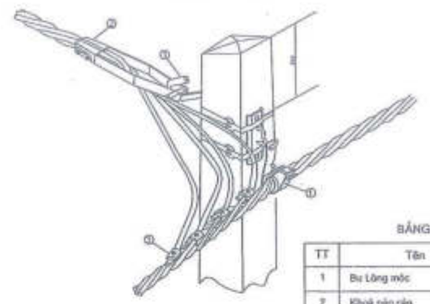

BẢNG KÊ VẬT LIỆU NHÁNH RẼ CÁP

TT	Tên	Đơn vị	Số Lượng
1	Bu Lông móc	Cái	1
2	Khoá néo cáp	Cái	1

BẢNG KÊ VẬT LIỆU TRỤC CHÍNH

TT	Tên	Đơn vị	Số Lượng
1	Bu Lông móc	Cái	1
2	Khoá néo cáp	Cái	1
3	Kẹp nối xuyên cách điện	Cái	4

NÉO THẲNG CỘT VUÔNG

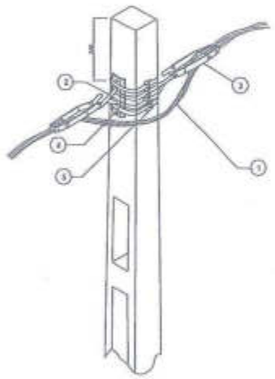

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

NÉO THẲNG CỘT KÉP VUÔNG

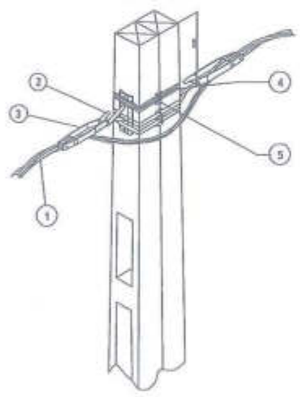

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP

ĐỠ THẲNG CỘT VUÔNG

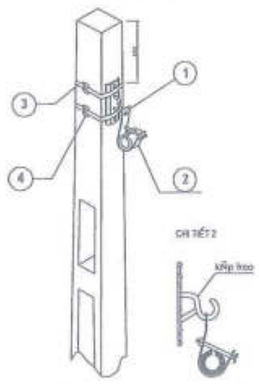

1. KẸP TREO CÁP
2. MÉO TREO
3. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
4. KHOÁ ĐAI THÉP

CỘT NÉO GÓC, RẼ NHÁNH

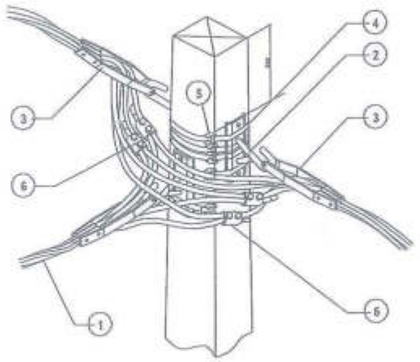

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO
3. KẸP XIẾT
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP
6. GHÉP NỐI NHÁNH RẼ

CỘT NÉO GÓC ĐÔI, RẼ NHÁNH

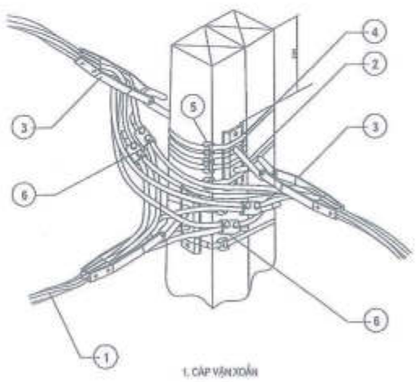

1. CÁP VẶN XOẮN
2. MÓC NÉO
3. KẸP XIẾT
4. ĐAI THÉP KHÔNG GỈ
5. KHOÁ ĐAI THÉP
6. GHÉP NỐI NHÁNH RẼ

NÉO CUỐI CỘT GHÉP VUÔNG VỊ TRÍ CỘT XÂY DỰNG MỚI

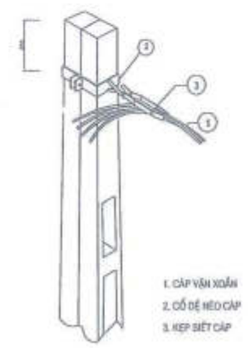

1. CÁP VẶN XOẮN
2. CỔ DỀ NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP

NÉO GÓC CỘT KÉP VUÔNG VỊ TRÍ CỘT XÂY DỰNG MỚI

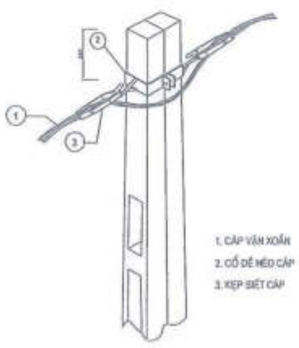

1. CÁP VẶN XOẮN
2. CỔ DỀ NÉO CÁP
3. KẸP SIẾT CÁP

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG VUÔNG

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 30
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		TỶ LỆ	1/57	
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

CỘT NÉO GÓC KÉP

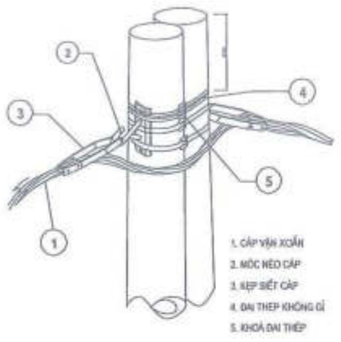

CỘT NÉO CUỐI KÉP

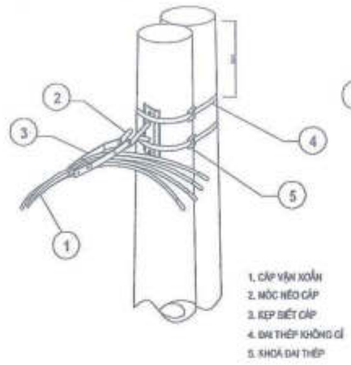

CỘT NÉO CUỐI ĐƠN

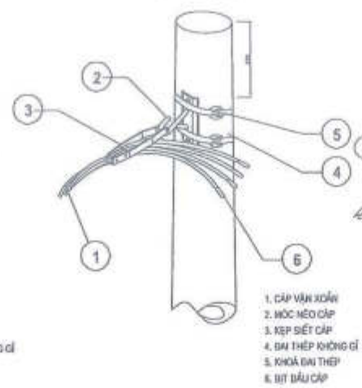

CỘT NÉO GÓC ĐƠN

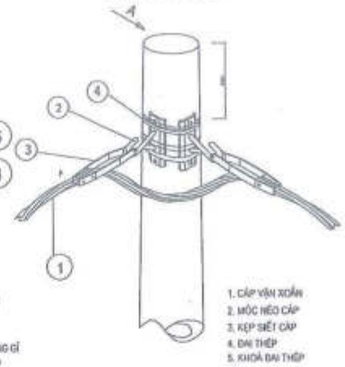

CỘT ĐỠ THẲNG ĐƠN, RẼ NHÁNH

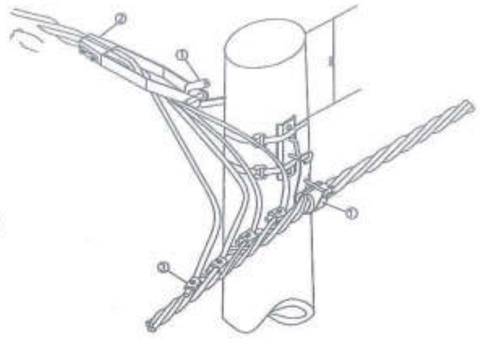

BẢNG KÊ VẬT LIỆU NHÁNH RẼ CÁP

TT	Tên	Đơn vị	Số Lượng
1	Bu Lông móc	Cái	1
2	Khoá néo cáp	Cái	1

BẢNG KÊ VẬT LIỆU TRỤC CHÍNH

TT	Tên	Đơn vị	Số Lượng
1	Bu Lông móc	Cái	1
2	Khoá néo cáp	Cái	1
3	Kẹp nối,xuyến cách điện	Cái	4

CỘT ĐỠ THẲNG ĐƠN

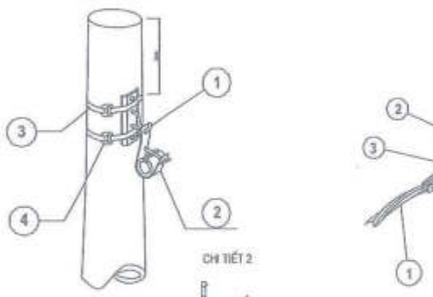

NÉO THẲNG CỘT KÉP

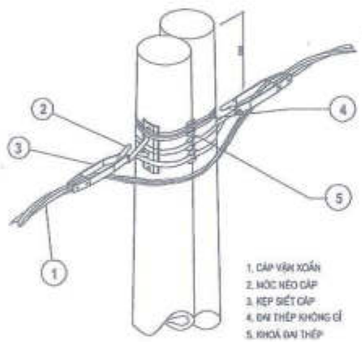

NÉO THẲNG CỘT ĐƠN

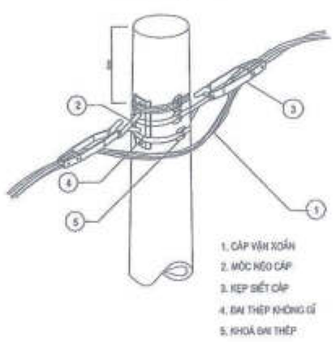

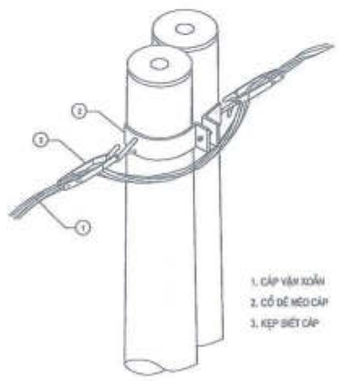

NÉO GÓC CỘT ĐÔI
VỊ TRÍ CỘT XÂY DỰNG MỚI

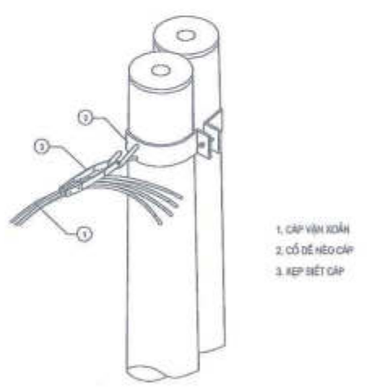

NÉO CUỐI CỘT ĐÔI
VỊ TRÍ CỘT XÂY DỰNG MỚI

CỘT NÉO GÓC ĐƠN, RẼ NHÁNH

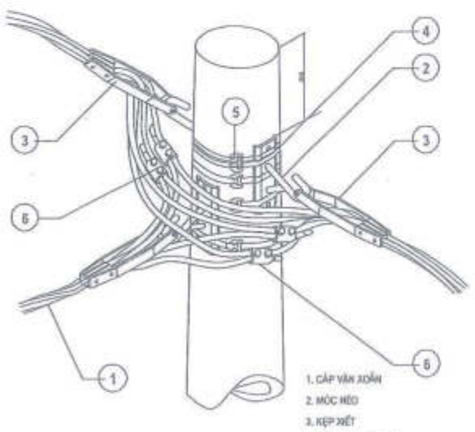

CỘT NÉO GÓC ĐÔI, RẼ NHÁNH

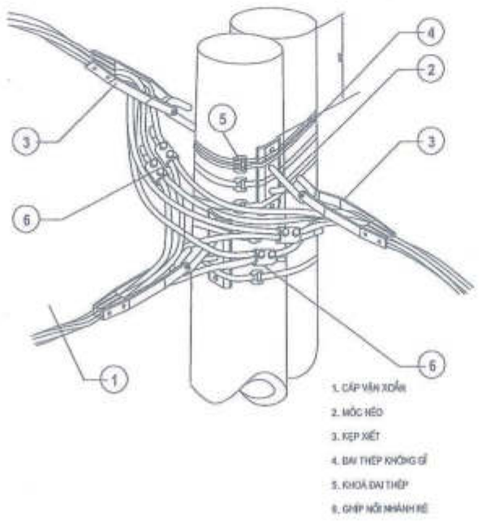

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG LY TÂM		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 31
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực		TỶ LỆ	1/57	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương				
Thiết kế	Lê Đình Hoàn				

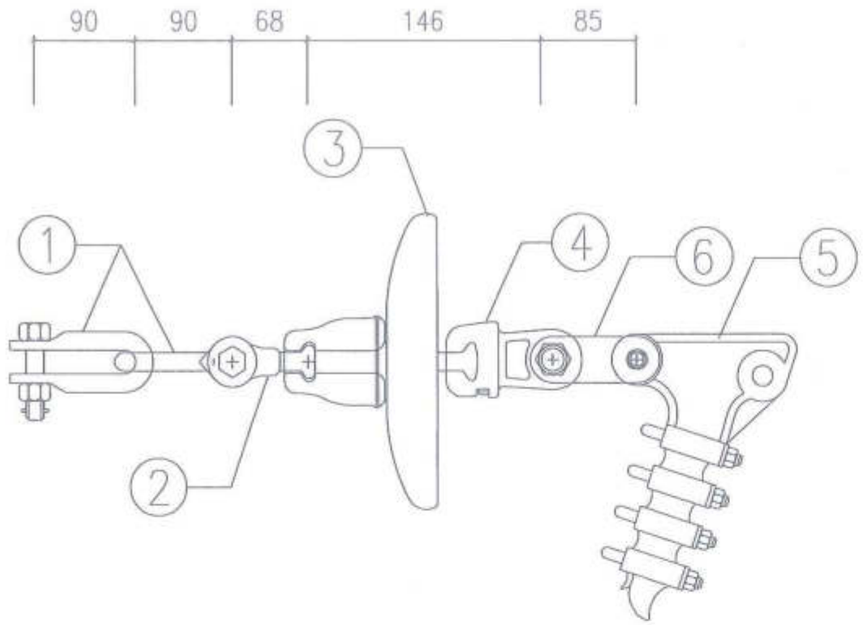

BẢNG KÊ VẬT TƯ MỘT CHUỖI NÉO

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG	VẬT LIỆU	GHI CHÚ
1	MÓC TREO CHỮ U	02	THÉP MẠ	90KN
2	VÒNG TREO ĐẦU TRÒN	01	THÉP MẠ	90KN
3	BÁT CÁCH ĐIỆN	01	THUỶ TINH	70KN
4	MẮT NỐI KÉP	01	THÉP MẠ	90KN
5	KHOÁ NÉO	01	HỢP KIM NHÔM	N-18
6	MẮT NỐI TRUNG GIAN	01	THÉP MẠ	90KN

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			CHUỖI NÉO 0,4KV CN-1		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 32
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/12	

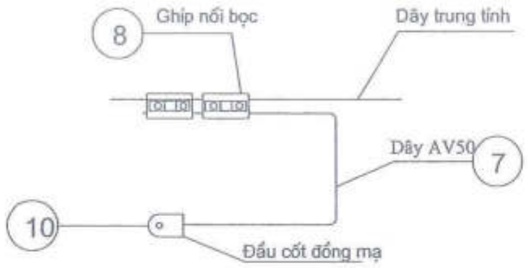

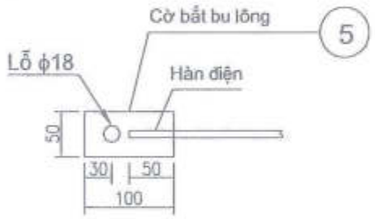

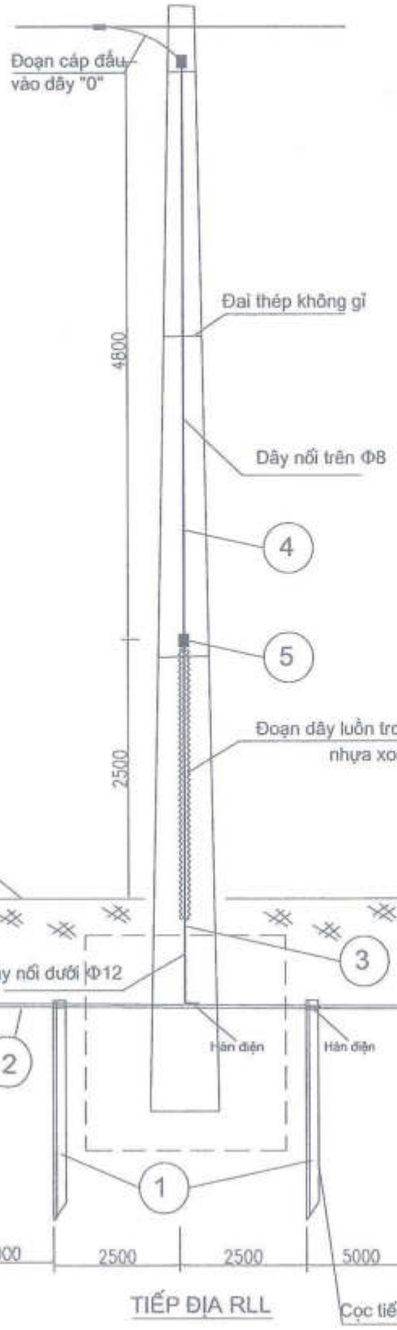

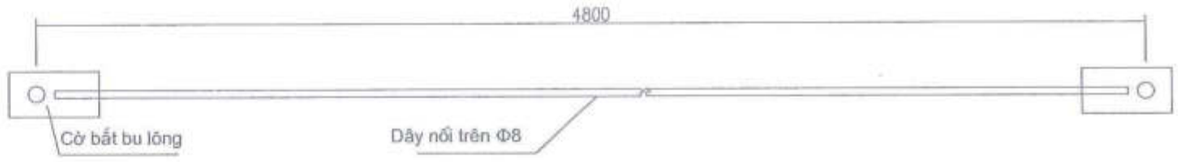

	Tổng khối lượng:					77,255	
11	Đai thép không gỉ+khoá đai	ĐTKG-1		4			
10	Đầu cốt đồng mạ	ĐC-50		1			
9	Ống nhựa vặn xoắn Φ25	HDPE Φ25	3.000	1			
8	Ghíp nối bọc	GN2(25-95)		2			
7	Dây nối AV-50	AV-50	1.000	1			
6	Bulông M16x45	D16	45	2	0,20	0,40	
5	Cờ bắt bu lông	50x4	100	3	0,16	0,47	Mạ kẽm
4	Dây nối trên	D8	4.800	1	1,87	1,87	Mạ kẽm
3	Dây nối dưới	D12	4.500	1	4,00	4,00	Mạ kẽm
2	Dây nối đất	D12	15.000	1	13,32	13,32	Mạ kẽm
1	Cọc tiếp địa	L63x63x6	2.500	4	14,30	57,20	Mạ kẽm
STT	Tên chi tiết	Mã hiệu, quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng	Toàn bộ Khối lượng	Ghi chú
	TIẾP ĐỊA RLL-8,5						

1- Cọc tiếp địa dài 2,5m.
2- Cọc cách cọc 5m (cọc cách cọc: 5+5+5m).
3- Đất đào: (15-1,6)*0,4*0,9= 4,82m3.

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết phải được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu m$.
2. Các chi tiết được liên kết với nhau bằng hàn điện.
3. Chiều cao đường hàn h=6mm
4. Tiếp địa sau khi lắp đặt được lấp đất từng lớp 20cm, tưới nước đầm chặt.
5. Khi lắp chi tiết 3 vào cột, phải dùng 2 êcu.

SƠ ĐỒ ĐÀO RÃNH TIẾP ĐỊA

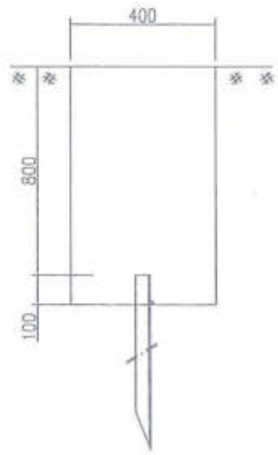

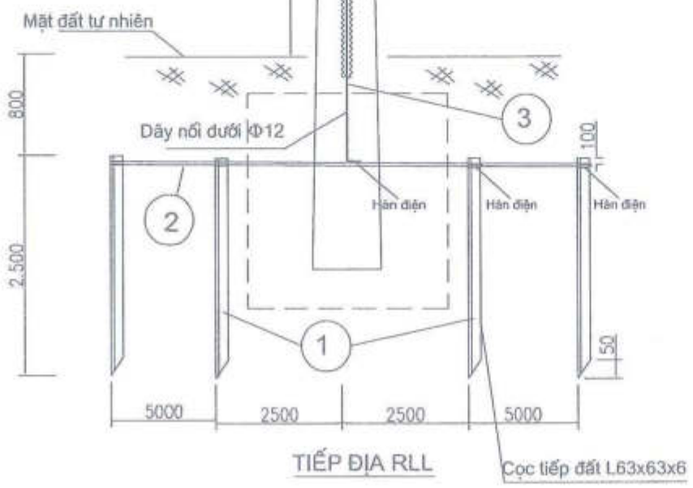

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			TIẾP ĐỊA LẶP LẠI RLL-8,5		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 33
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

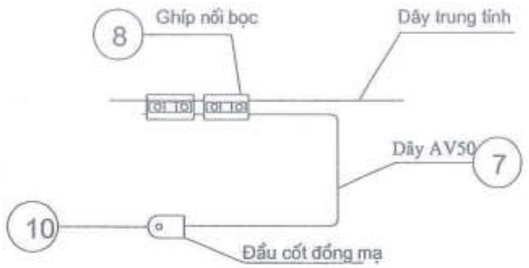

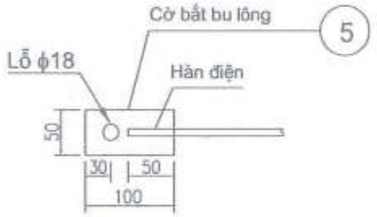

SƠ ĐỒ ĐÀO RÃNH TIẾP ĐỊA

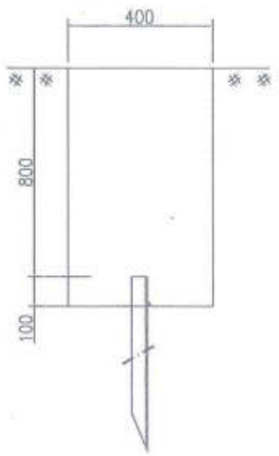

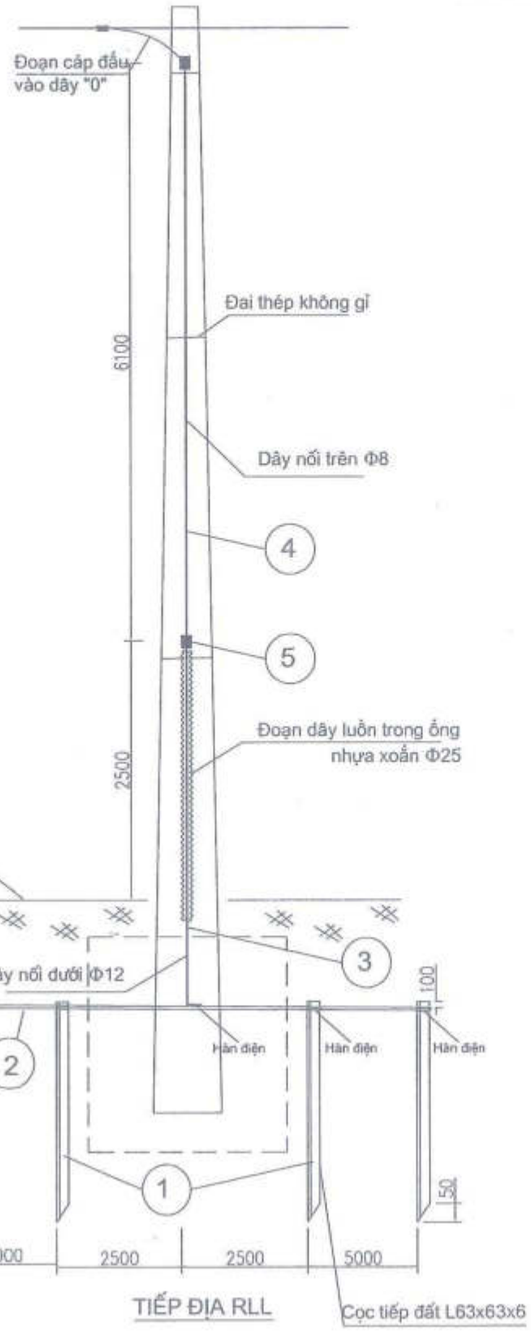

TIẾP ĐỊA RLL

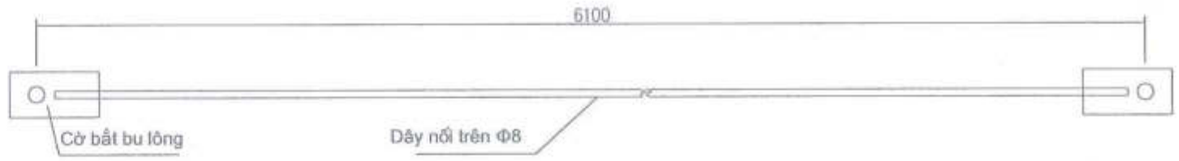

	Tổng khối lượng:					77,762	
11	Đai thép không gỉ+khoá đai	ĐTKG-1		4			
10	Đầu cốt đồng mạ	ĐC-50		1			
9	Ống nhựa vặn xoắn Φ25	HDPE Φ25	3.000	1			
8	Ghíp nối bọc	GN2(25-95)		2			
7	Dây nối AV-50	AV-50	1.000	1			
6	Bulông M16x45	D16	45	2	0,20	0,40	
5	Cờ bắt bu lông	50x4	100	3	0,16	0,47	Mạ kẽm
4	Dây nối trên	D8	6.100	1	2,38	2,38	Mạ kẽm
3	Dây nối dưới	D12	4.500	1	4,00	4,00	Mạ kẽm
2	Dây nối đất	D12	15.000	1	13,32	13,32	Mạ kẽm
1	Cọc tiếp địa	L63x63x6	2.500	4	14,30	57,20	Mạ kẽm
STT	Tên chi tiết	Mã hiệu, quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị / Khối lượng	Toàn bộ / Khối lượng	Ghi chú
	TIẾP ĐỊA RLL-10						

1- Cọc tiếp địa dài 2,5m.
2- Cọc cách cọc 5m (cọc cách cọc: 5+5+5m).
3- Đất đào: (15-1,6)*0,4*0,9= 4,82m3.

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết phải được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ ≥80µm.
2. Các chi tiết được liên kết với nhau bằng hàn điện.
3. Chiều cao đường hàn h=6mm
4. Tiếp địa sau khi lắp đặt được lấp đất từng lớp 20cm, tưới nước đầm chặt.
5. Khi lắp chi tiết 3 vào cột, phải dùng 2 êcu.

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			TIẾP ĐỊA LẶP LẠI RLL-10		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 34
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

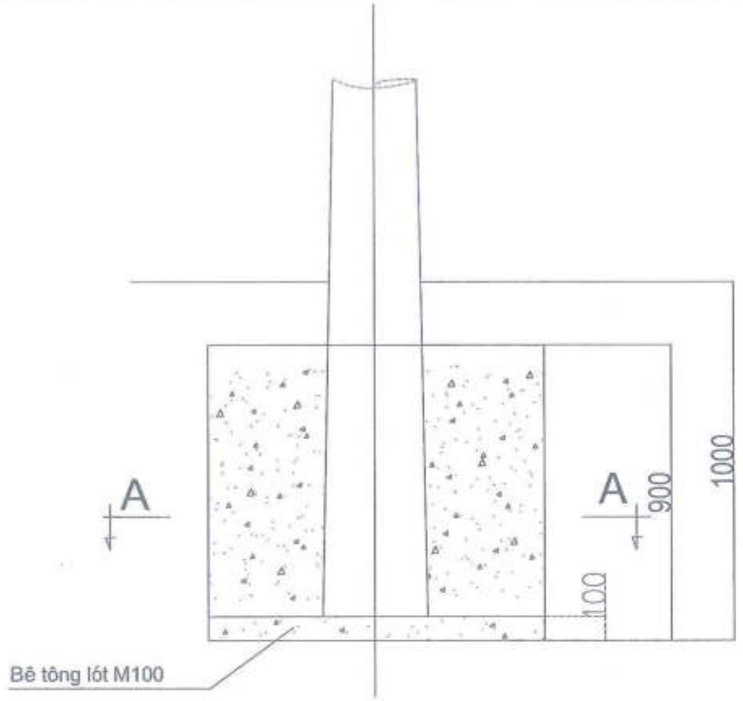

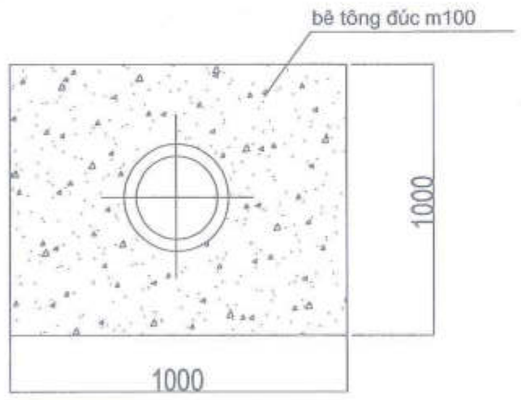

A - A

bảng kê bê tông			
Loại bê tông	MLT-2		Ghi chú
	M100	M100	
Bê tông đúc móng	0.736		Đá 2x4
Bê tông lót móng		0,10	Đá 2x4

Ghi chú:

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ.

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THANH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP			
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN MLT-2			
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng					
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực					
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực					
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 35	
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/30		

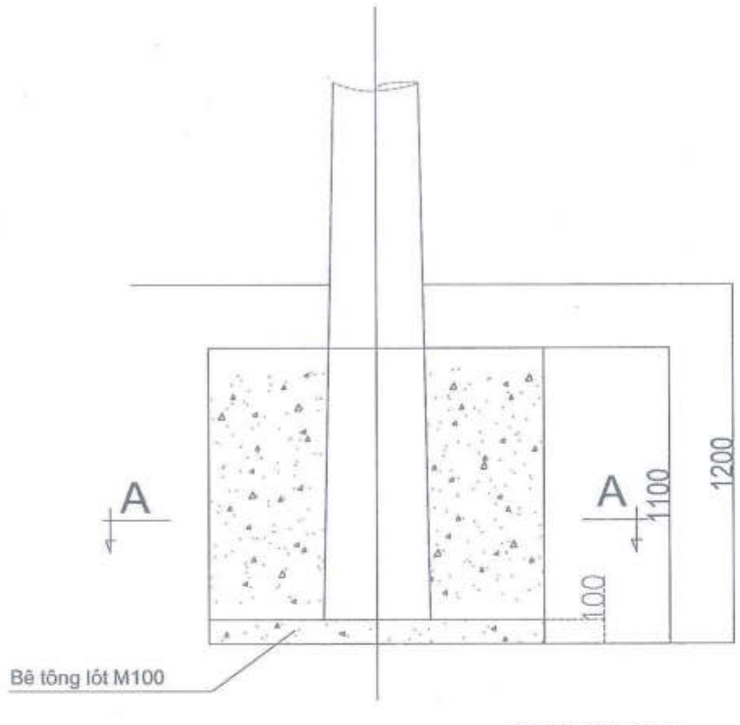

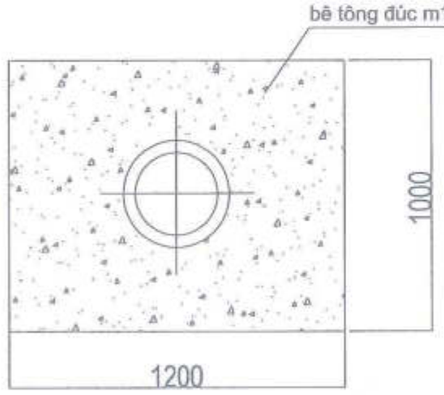

A - A

Ghi chú:

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ.

bảng kê bê tông			
Loại bê tông	MLT-3		Ghi chú
	M100	M100	
Bê tông đúc móng	1,12		Đá 2x4
Bê tông lót móng		0,12	Đá 2x4

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN MLT-3		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 36
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/30	

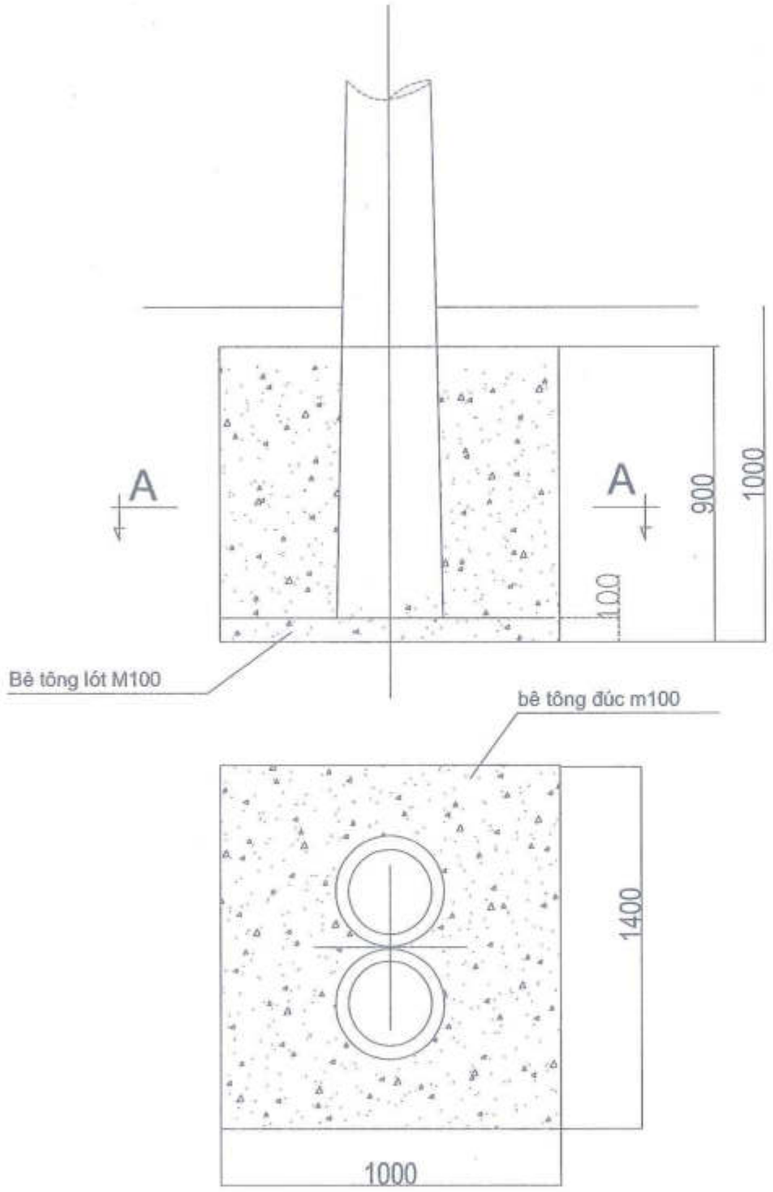

A - A

Ghi chú:

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ.

bảng kê bê tông

Loại bê tông	MĐLT-2		Ghi chú
	M100	M100	
Bê tông đúc móng	0,991		Đá 2x4
Bê tông lót móng		0,14	Đá 2x4

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN MĐLT-2		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 37
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/30	

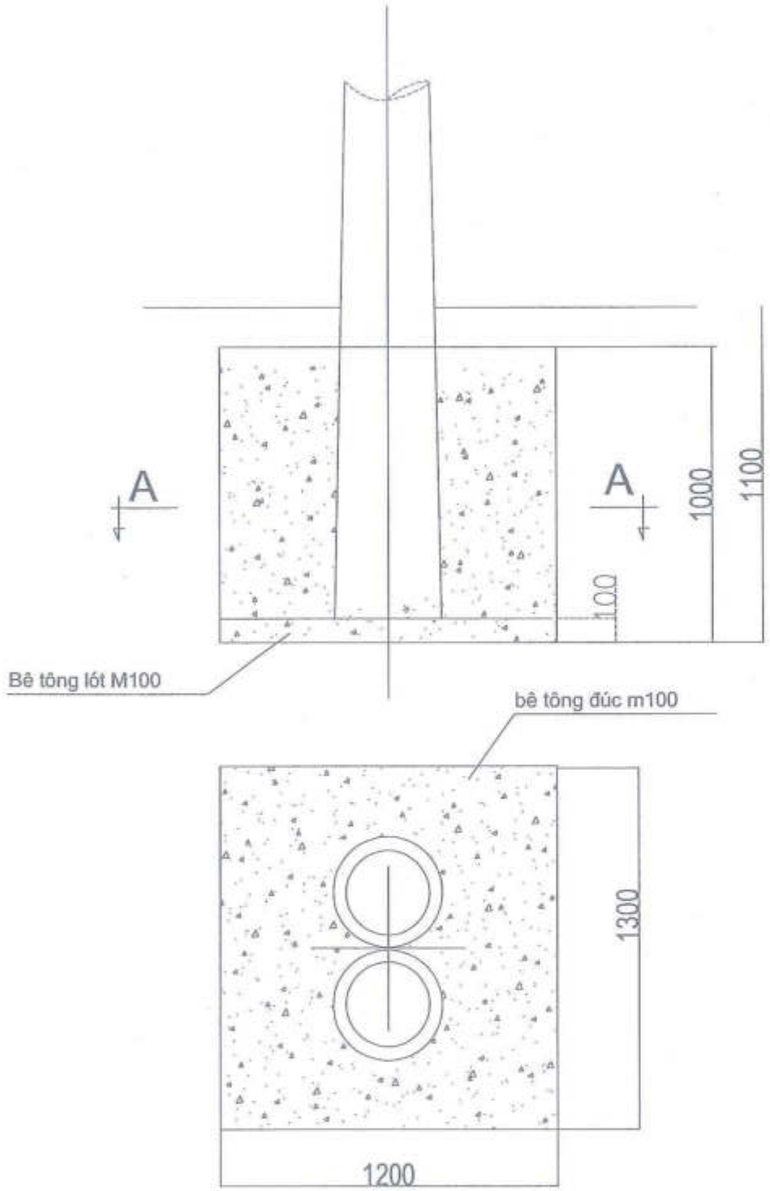

A - A

Ghi chú:

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ.

bảng kê bê tông			
Loại bê tông	MĐLT-3		Ghi chú
	M100	M100	
Bê tông đúc móng	1,259		Đá 2x4
Bê tông lót móng		0,156	Đá 2x4

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN MĐLT-3

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 38
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/30	

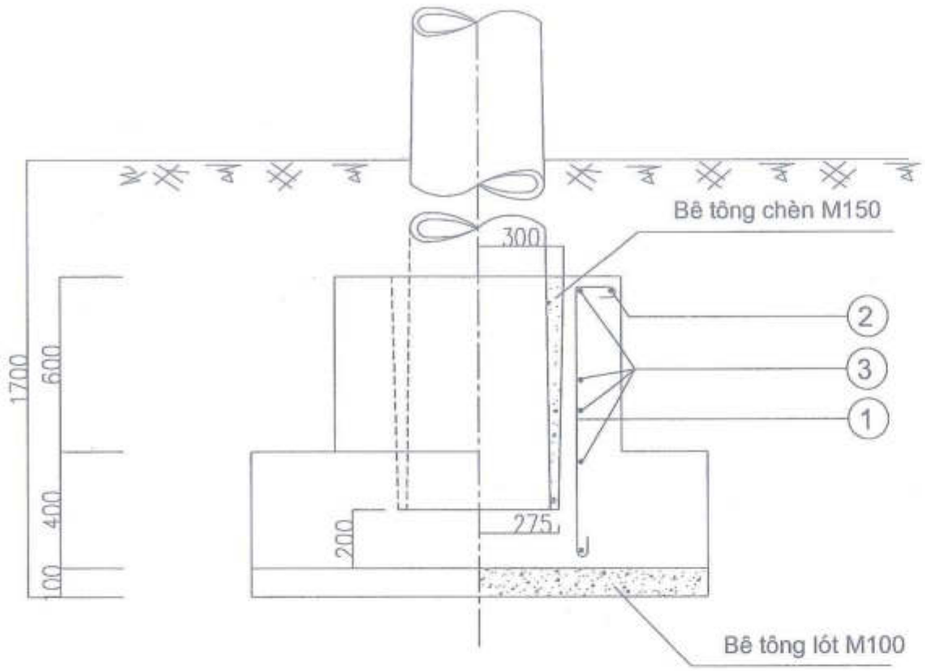

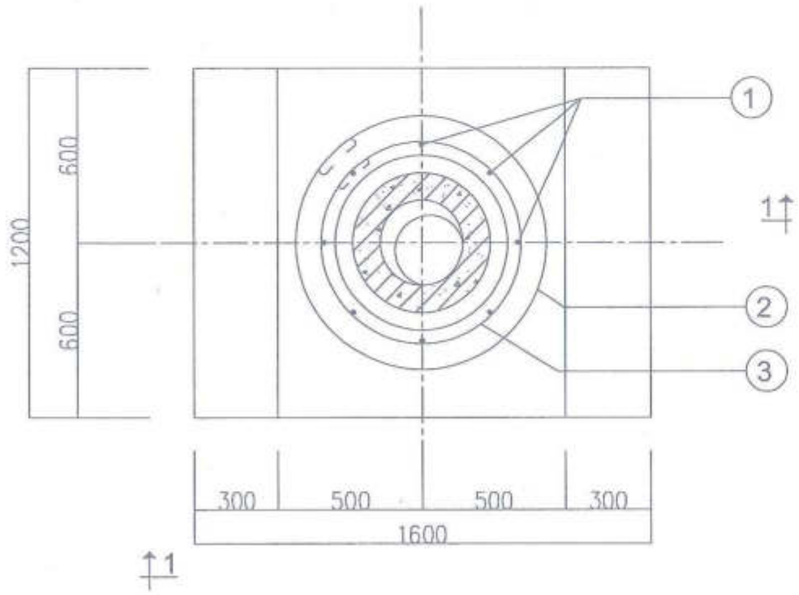

GHI CHÚ

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ

BẢNG KÊ BÊ TÔNG

Loại bê tông	MT-2			Ghi chú
	M200	M150	M100	
Bê tông chèn		0,145		Đá 1x2
Bê tông đúc móng		1,343		Đá 2x4
Bê tông lót móng			0,192	Đá 4x6

KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG 10,4KG

Số hiệu	Hình thép	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số Lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ	Ghi chú
3	100, 150, r:340	CT3Φ8	2340	4	0,9	3,60	
2	100, 150, r:450	CT3Φ8	3028	1	1,20	1,20	
1	120, 60, 900, 60	CT3Φ10	1140	8	0,70	5,60	

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN MT-3

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 39
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/30	

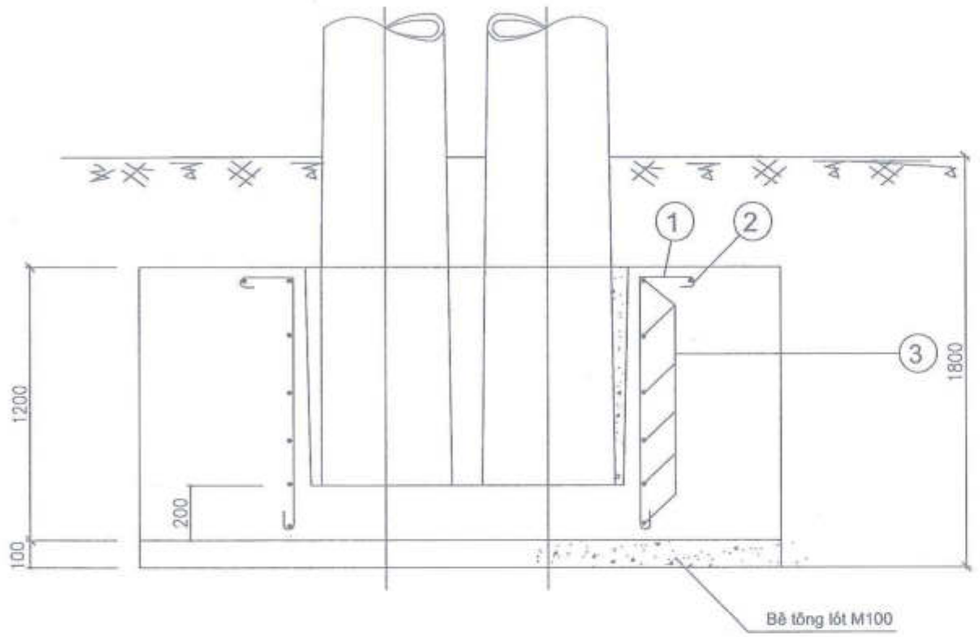

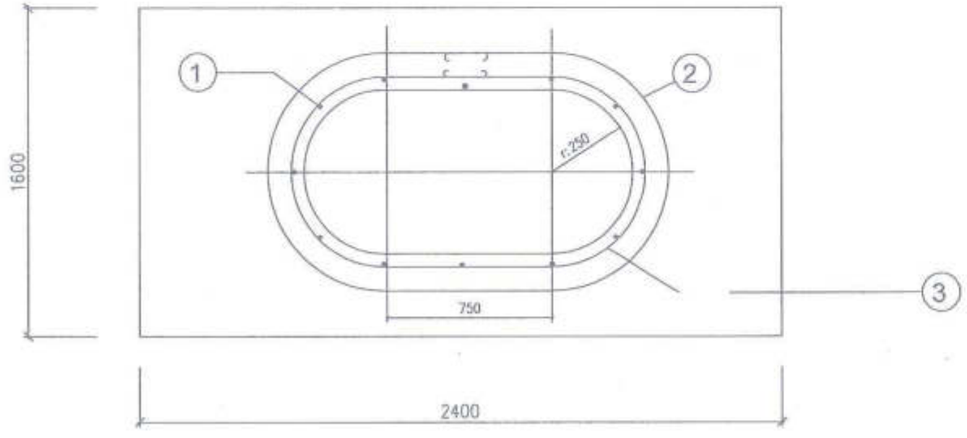

GHI CHÚ

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ

Bảng kê thể tích bê tông

Loại bê tông	Mác bê tông			Ghi chú
	M200	M150	M100	
Bê tông chèn		0,429		Đá 1x2
Bê tông đúc móng		3,995		Đá 2x4
Bê tông lót			0,384	Đá 4x6

Khối lượng tổng cộng: 15,73kg

Số hiệu	Hình thép	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị / Khối lượng (kg)	Toàn bộ / Khối lượng (kg)	Ghi chú
3	r:300	CT3 Φ6	3580	6	0,80	4,80	
2	r:425, 50	CT3 Φ6	4370	1	0,97	0,97	
1	60, 120, 1100, 60	CT3 Φ10	1340	12	0,83	9,96	

Bảng kê nguyên vật liệu

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG COI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐÔI MTK-12

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 40
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/20	

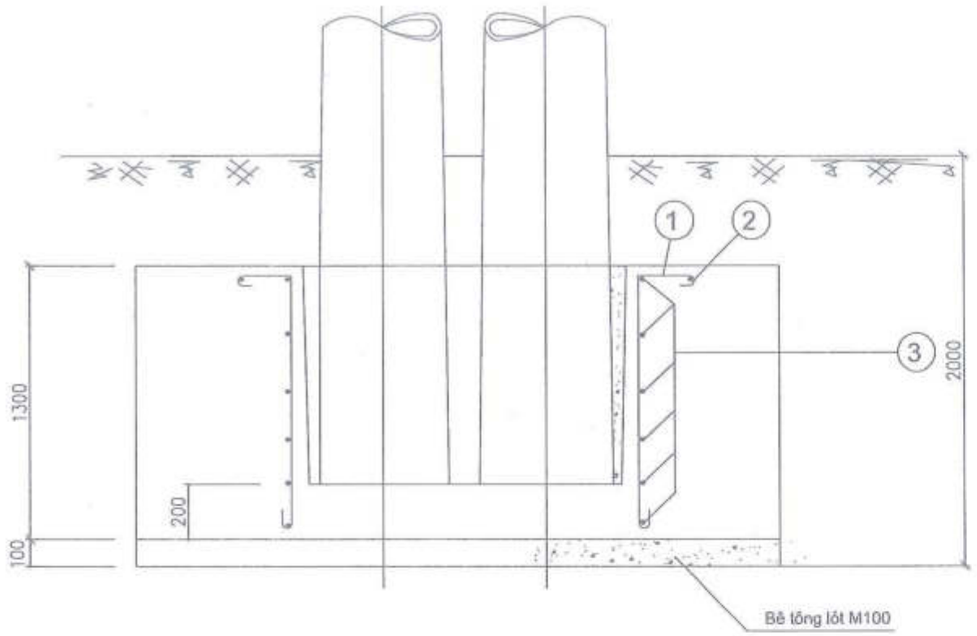

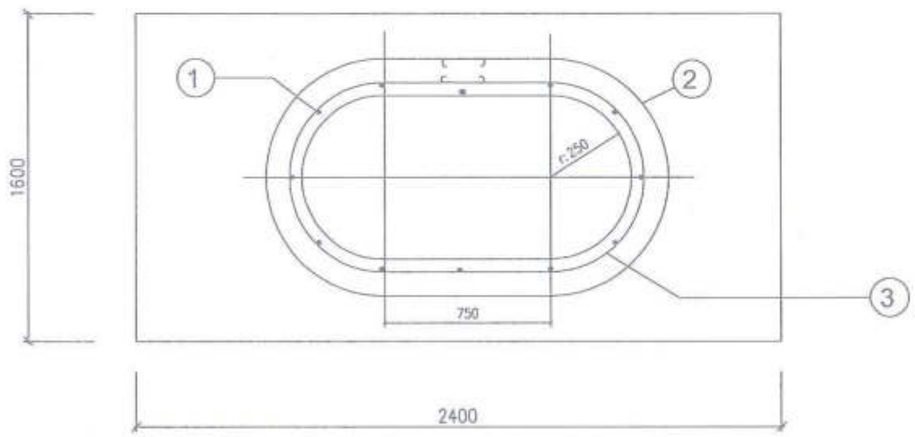

GHI CHÚ

1. Đắp đất móng từng lớp 20cm tưới nước đầm kỹ

Bảng kê thể tích bê tông				
Loại bê tông	Mác bê tông			Ghi chú
	M200	M150	M100	
Bê tông chèn	0,403			Đá 1x2
Bê tông đúc móng		4,355		Đá 2x4
Bê tông lót			0,384	Đá 4x6

Khối lượng tổng cộng: 16,45kg							
3	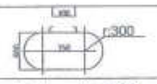	CT3 Φ6	3580	6	0,80	4,80	
2	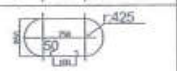	CT3 Φ6	4370	1	0,97	0,97	
1	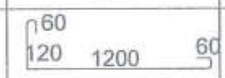	CT3 Φ10	1440	12	0,89	10,68	
Số hiệu	Hình thép	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị / Khối lượng (kg)	Toàn bộ / Khối lượng (kg)	Ghi chú
Bảng kê nguyên vật liệu							

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			MÓNG CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐÔI MTK-14		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 41
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/20	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

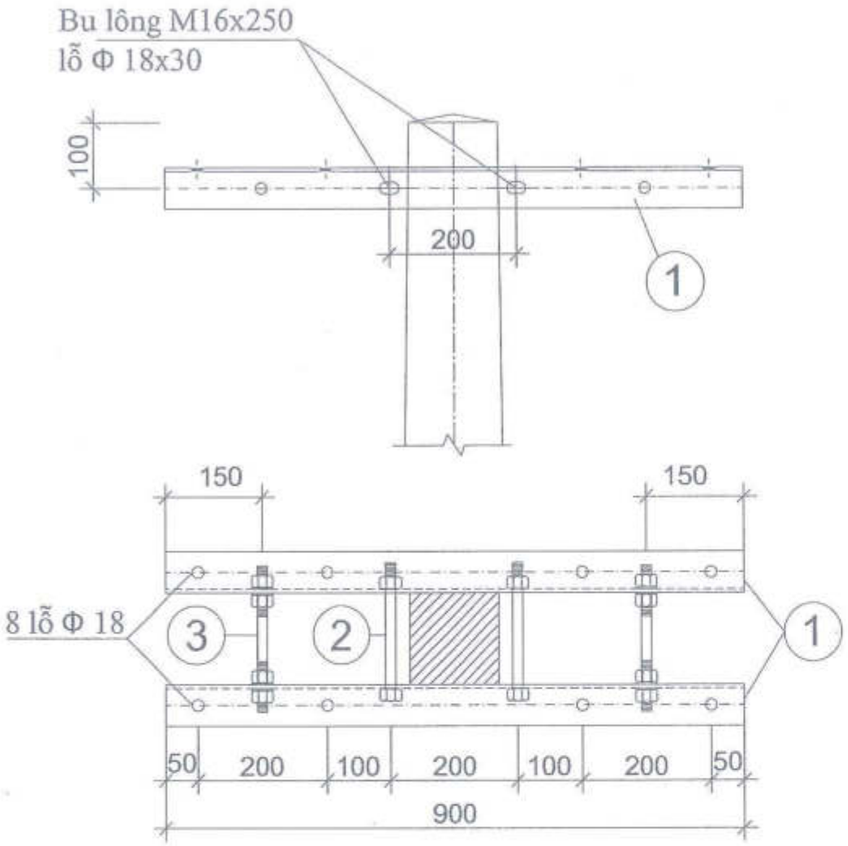

XÀ HẠ THẾ XN-4

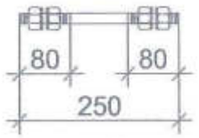

GU RÔNG (3)

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ HẠ THẾ: XN-4

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị / Khối lượng (kg)	Toàn bộ / Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	900	2	5,15	10,30	
2	Bulong M16x250	Φ16	250	2	0,52	1,04	Ren 120
3	Gu rông M16x250	Φ16	250	2	0,65	1,30	Ren 2 đầu 80
			Khối lượng tổng cộng:			**12,64 kg**	

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ NEO TRÊN CỘT VUÔNG ĐƠN 4 DÂY

XN-4

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 42
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

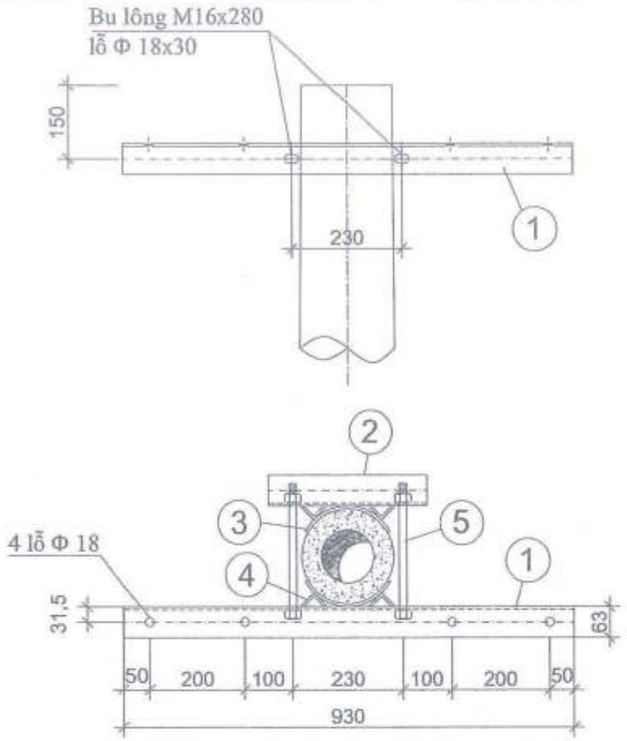

XÀ HẠ THẾ XĐ-4T

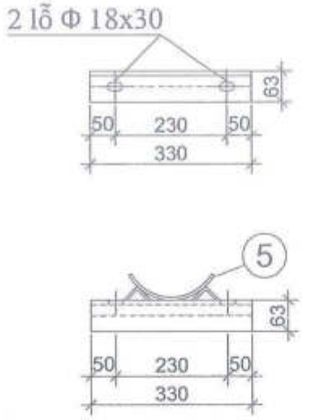

THANH KÈM (2)

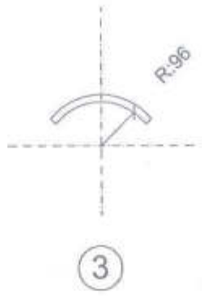

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ HẠ THẾ: XĐ-4T

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	930	1	5.32	5.32	
2	Thanh kèm	L63x63x6	330	1	1.89	1.89	
3	Tấm đệm	-60x6	220	2	0.62	1.24	
4	Vấu chống xoay	L40x40x5	60	4	0.18	0.72	
5	Bulong M16x280	Φ16	280	2	0.57	1.14	Ren 100
				Khối lượng tổng cộng:		**10.31 kg**	

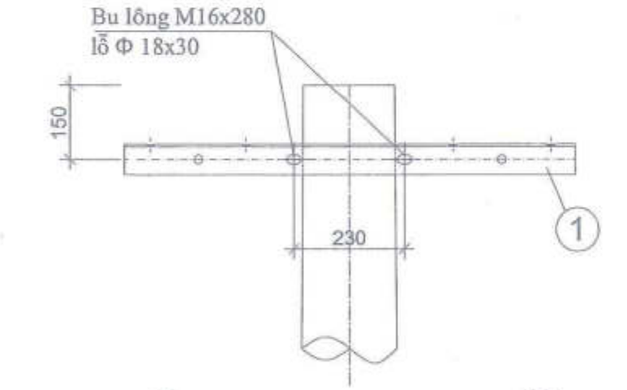

XÀ HẠ THẾ XN-4T

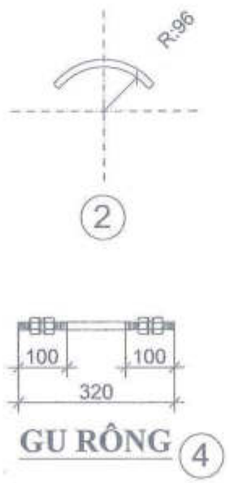

GU RÔNG (4)

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ HẠ THẾ: XN-4T

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	930	2	5.32	10.64	
2	Tấm đệm	-60x6	220	2	0.62	1.24	
3	Vấu chống xoay	L40x40x5	60	4	0.18	0.72	
4	Gu rông M16x320	Φ16	320	2	0.76	1.52	Ren 2 đầu 100
5	Bulong M16x280	Φ16	280	2	0.57	1.14	Ren 100
				Khối lượng tổng cộng:		**15.26 kg**	

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ ĐỠ TRÊN CỘT LY TÂM ĐƠN 4 DÂY VÀ XÀ NÉO TRÊN CỘT LY TÂM ĐƠN 4 DÂY XĐ-4T & XN-4T

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 43
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/13	

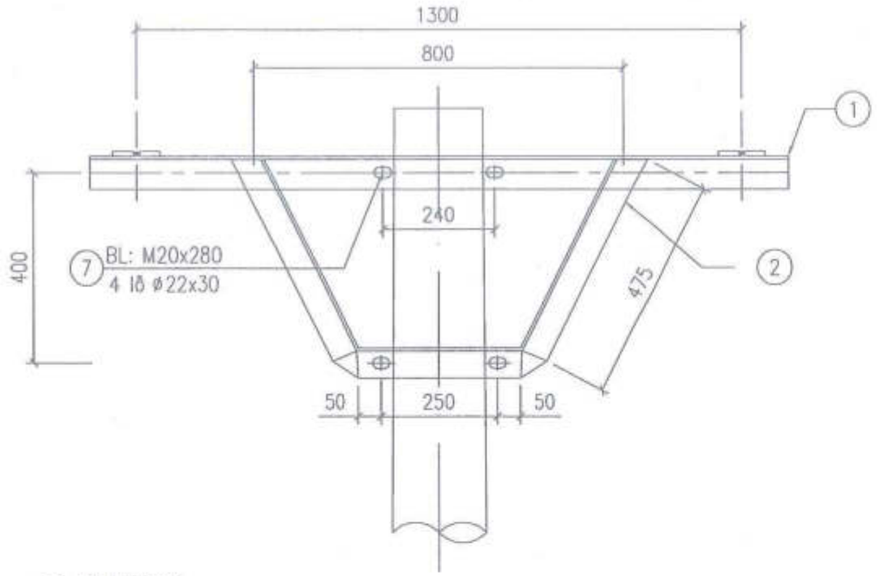

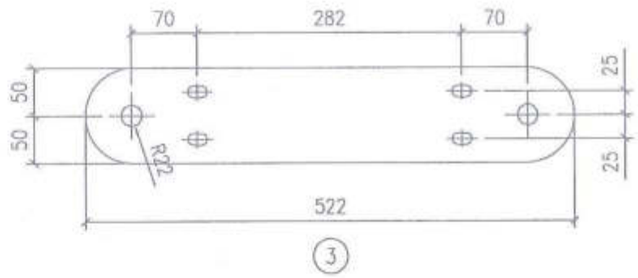

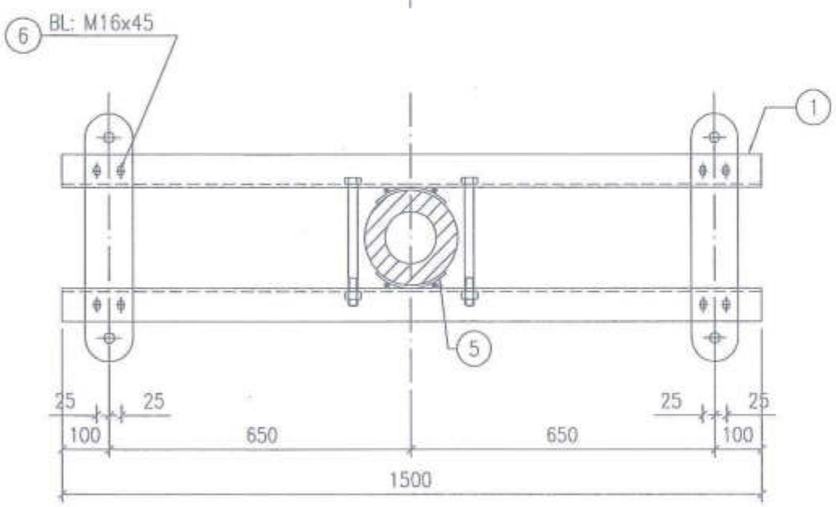

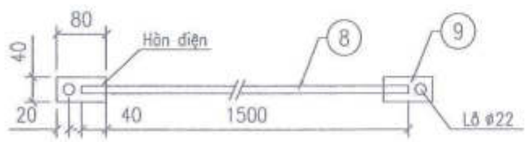

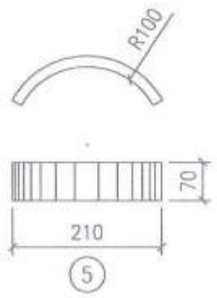

GHI CHÚ:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm nhúng nóng theo TC18TCN-04-92.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Chú ý tính đối xứng của 2 thanh số 1

Khối lượng tổng cộng:						61,89kg	
9	Tai bắt tiếp địa	-6x40	80	2	0,26	0,53	
8	Dây tiếp địa	CT3-ø12	1500	1	1,33	1,33	
7	Bulông M20	CT3-ø20	280	4	0,74	2,96	ren 100
6	Bu lông M16	CT3-ø16	45	8	0,09	0,72	
5	Chống tụt	-6x70	210	4	0,69	2,77	
3	Thanh bắt sứ	-10x100	522	4	4,10	16,4	
2	Thanh chống	L63x6	1300	2	7,50	15,00	
1	Thanh xà	L70x7	1500	2	11,09	22,18	
Stt	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	K.thước (mm)	Số lượng	Đơn vị K.lượng (kg)	Toàn bộ	Ghi chú
BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU							

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			XÀ NÉO TRÊN CỘT LY TÂM ĐƠN 2 DÂY XN-2T		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 44
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

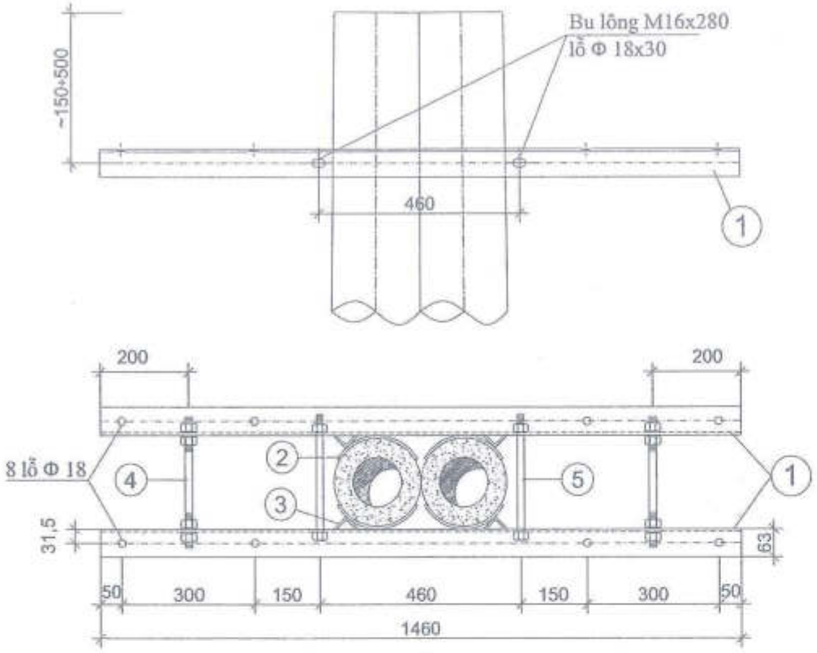

XÀ HẠ THẾ XNĐ-4Ta

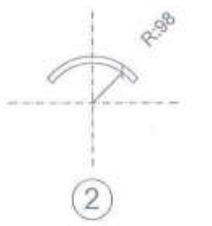

GU RÔNG ④

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ HẠ THẾ: XNĐ-4Ta							
Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	1460	2	8.35	16.70	
2	Tấm đệm	-60x6	220	4	0.62	2.48	
3	Vấu chống xoay	L40x40x5	60	4	0.18	0.72	
4	Gu rông M16x320	Φ16	320	2	0.76	1.52	Ren 2 đầu 100
5	Bulong M16x280	Φ16	280	2	0.57	1.14	Ren 100
Khối lượng tổng cộng: 22.56 kg							

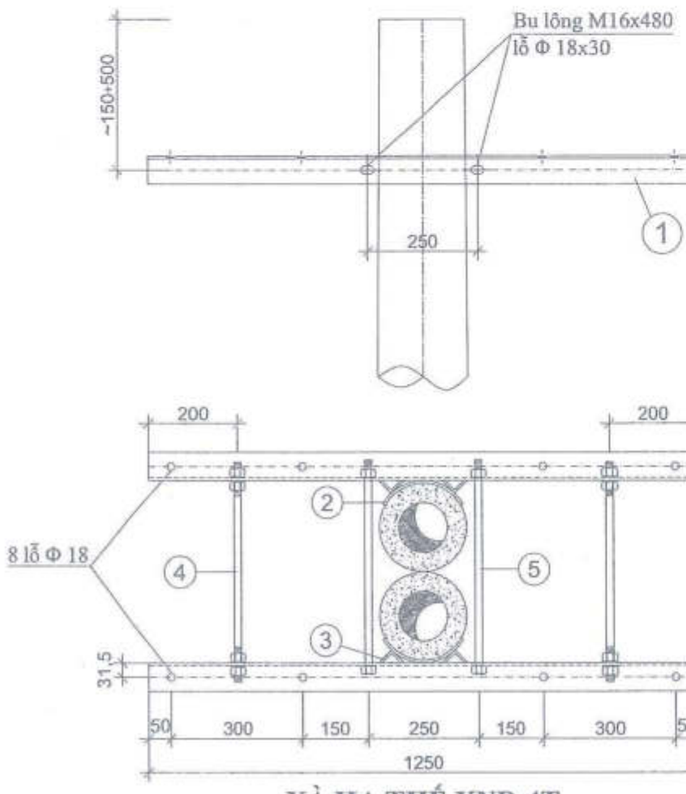

XÀ HẠ THẾ XNĐ-4T

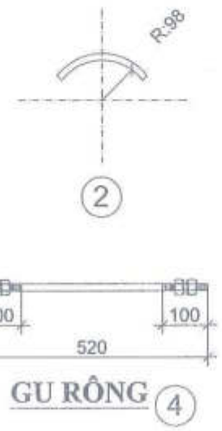

GU RÔNG ④

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ HẠ THẾ: XNĐ-4T							
Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	1250	2	7.15	14.30	
2	Tấm đệm	-60x6	220	2	0.62	1.24	
3	Vấu chống xoay	L40x40x5	60	4	0.18	0.72	
4	Gu rông M16x520	Φ16	520	2	1.08	2.16	Ren 2 đầu 120
5	Bulong M16x480	Φ16	480	2	0.89	1.78	Ren 100
Khối lượng tổng cộng: 20.20 kg							

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

XÀ NÉO TRÊN CỘT LY TÂM ĐÔI 4 DÂY XNĐ-4T & XNĐ-4Ta

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.D	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 45
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/13	

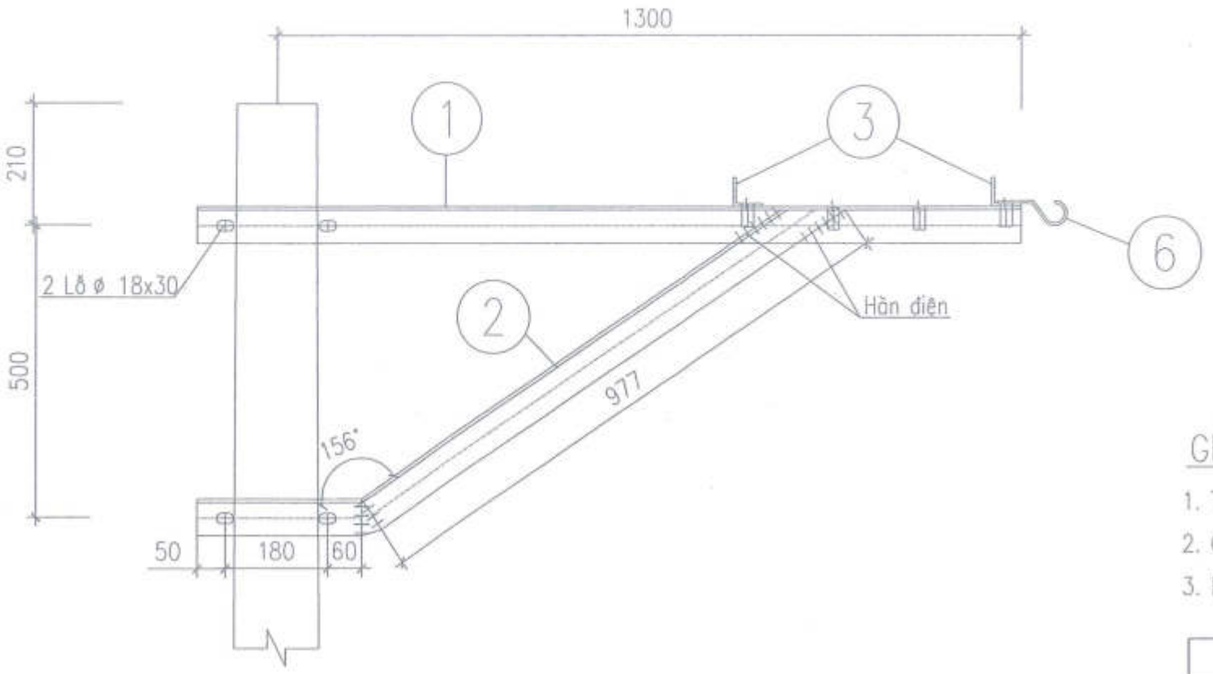

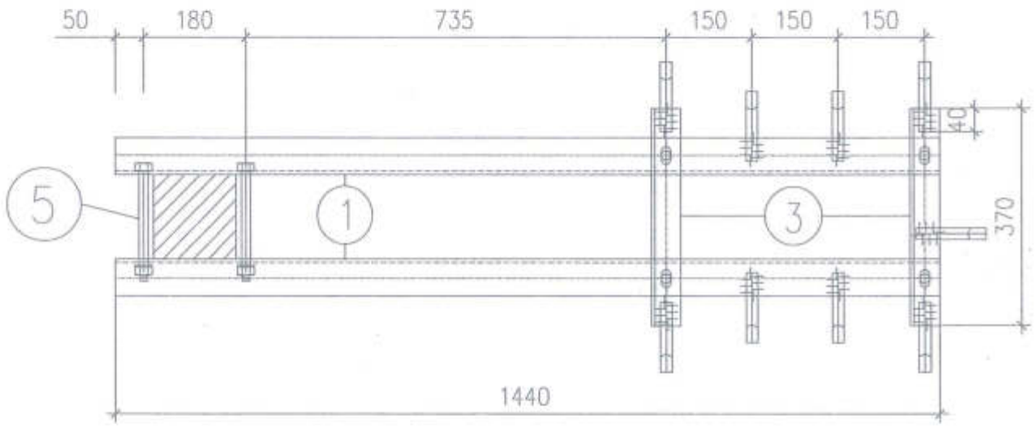

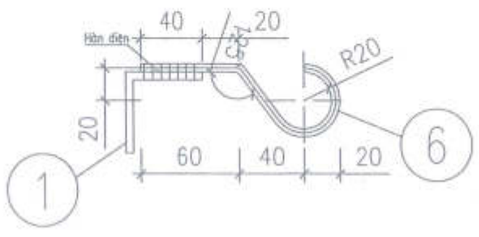

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ: XL-1H

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị	Toàn bộ	Ghi chú
					Khối lượng (kg)		
1	Thanh xà	L63x63x6	1440	2	8,24	16,48	
2	Thanh chống	L63x63x6	1267	2	7,25	14,50	
3	Thanh răng	L50x50x5	370	2	1,39	2,78	
4	Bulong M14x45	Φ14	45	4	0,18	0,72	Ren 45
5	Bulong M16x260	Φ16	260	4	0,54	2,16	Ren 100
6	Móc néo cáp	Φ16	180	9	0,28	2,52	
Khối lượng tổng cộng:					**39,16 kg**		

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ NÉO LỆCH CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG VUÔNG ĐƠN XNL-4X

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 46A
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

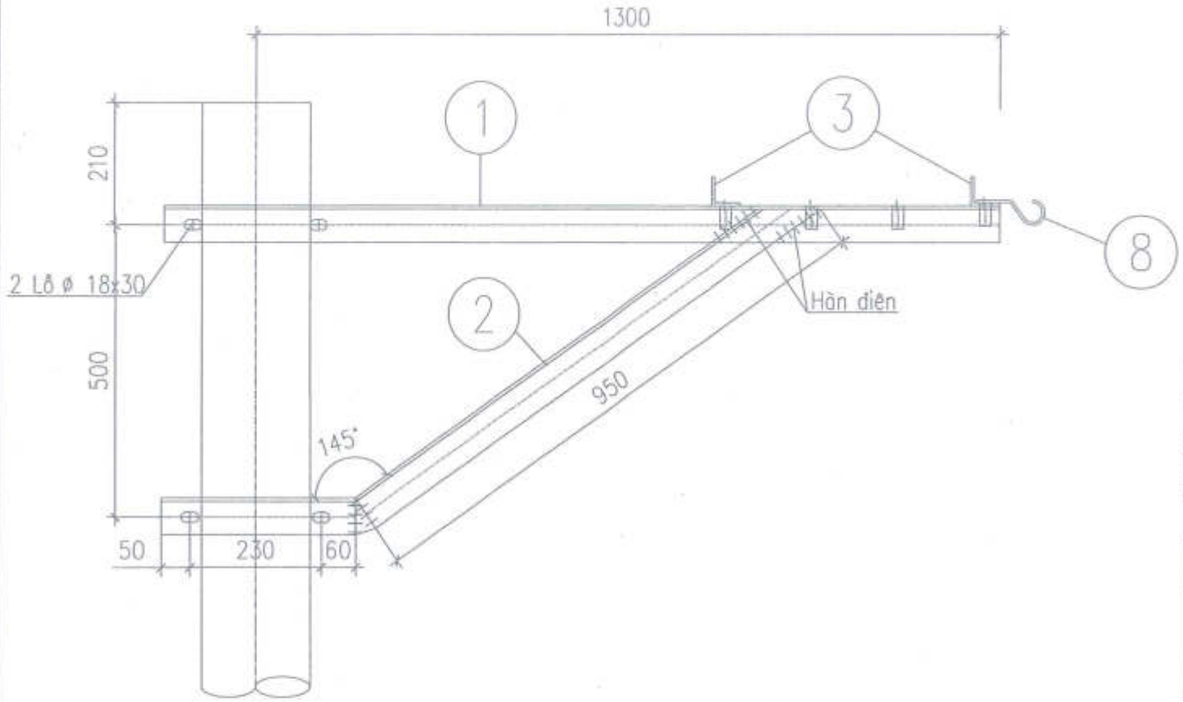

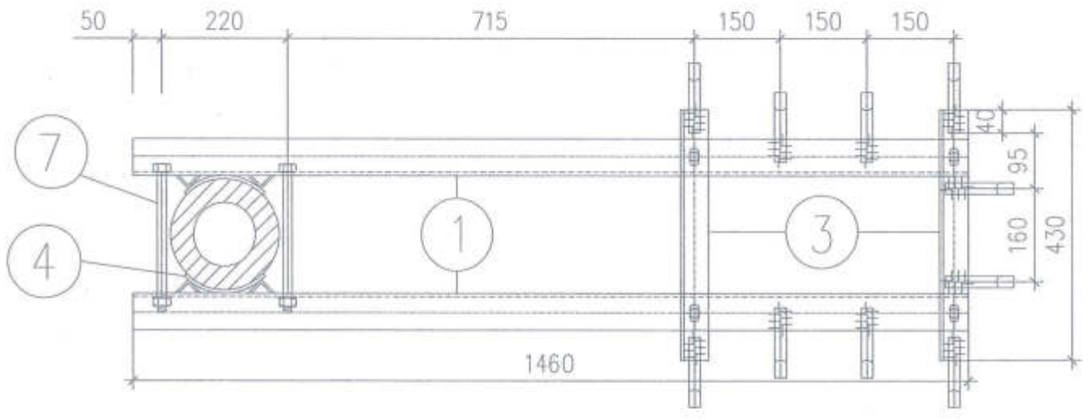

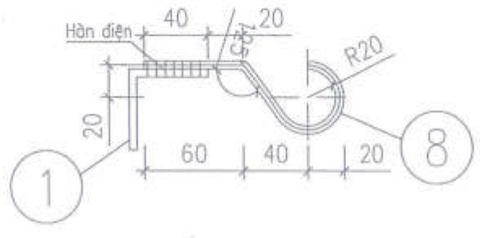

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ: XL-1T

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	1460	2	8,35	16,70	
2	Thanh chống	L63x63x6	1290	2	7,38	14,76	
3	Thanh răng	L50x50x5	430	2	1,62	3,24	
4	Tấm đệm	-60x6	200	4	0,47	1,88	
5	Vấu chống xoay	L32x32x4	60	8	0,11	0,88	
6	Bulong M14x45	Φ14	45	4	0,18	0,72	Ren 45
7	Bulong M16x260	Φ16	260	4	0,54	2,16	Ren 100
8	Móc néo cáp	Φ16	180	10	0,28	2,80	
Khối lượng tổng cộng:						**43,14 kg**	

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng	
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực	
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực	
Kiểm tra	Trương Văn Lương	
Thiết kế	Lê Đình Hoàn	

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ NÉO LỆCH CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐƠN XNL-4TX

BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 46B
TỶ LỆ	1/10	

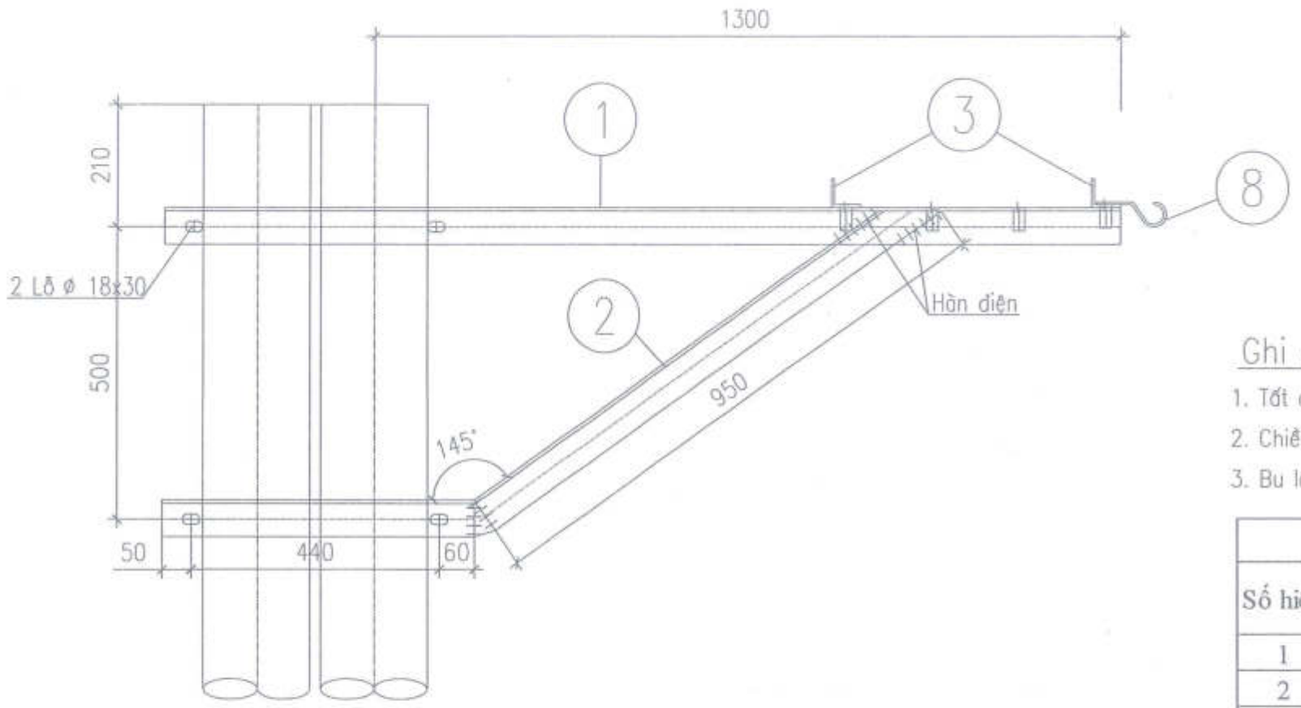

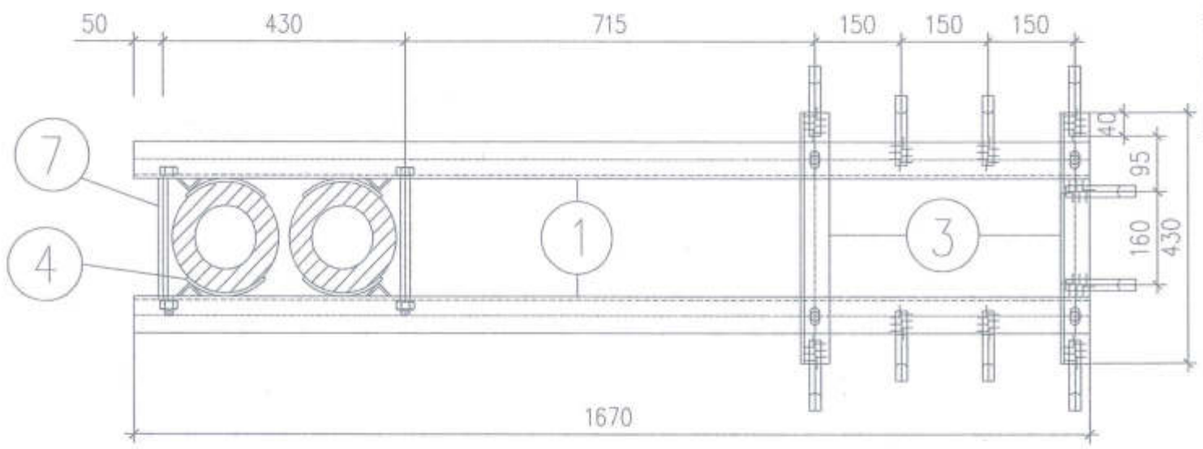

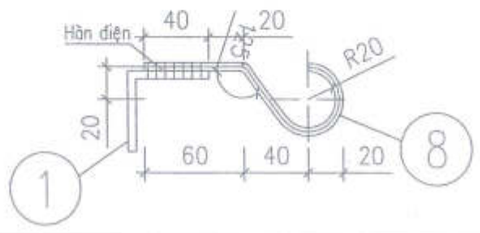

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ: XL-2Ta

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	1670	2	9,55	19,10	
2	Thanh chống	L63x63x6	1500	2	8,58	17,16	
3	Thanh răng	L50x50x5	430	2	1,62	3,24	
4	Tấm đệm	-60x6	200	8	0,47	3,76	
5	Vấu chống xoay	L32x32x4	60	8	0,11	0,88	
6	Bulong M14x45	Φ14	45	4	0,18	0,72	Ren 45
7	Bulong M16x260	Φ16	260	4	0,54	2,16	Ren 100
8	Móc néo cáp	Φ16	180	10	0,28	2,80	
Khối lượng tổng cộng:						**49,82 kg**	

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ NÉO LỆCH CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐỐI NGANG TUYẾN XNL-4TXN

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 46C
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

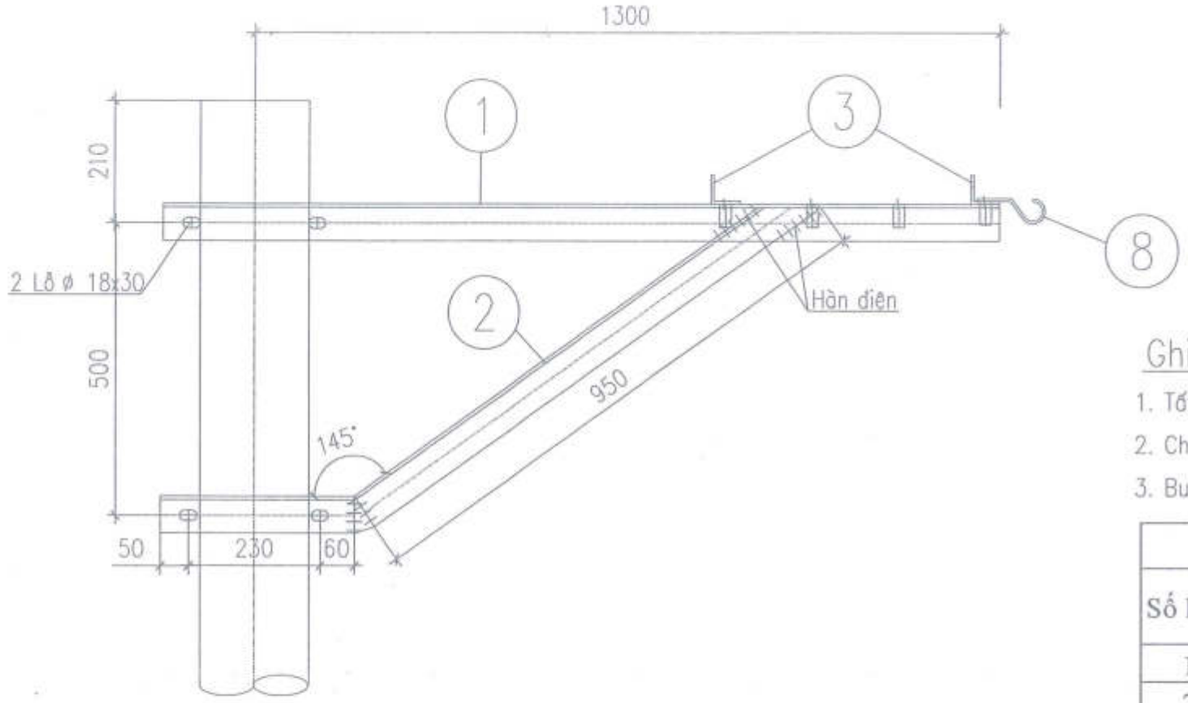

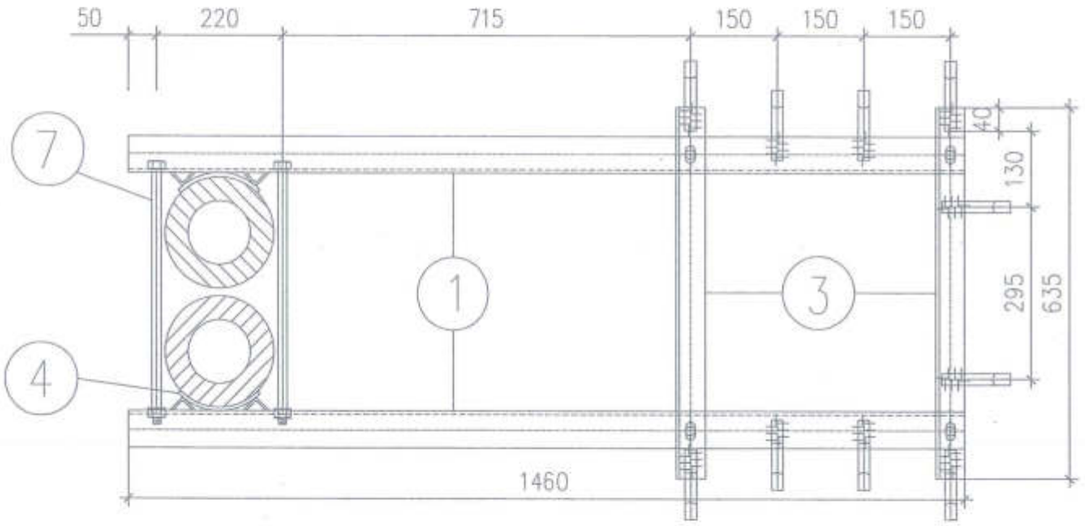

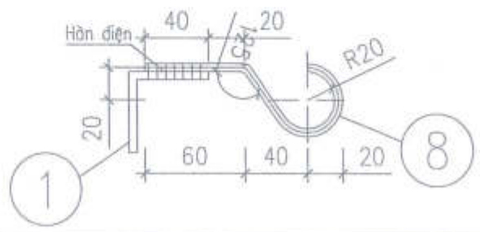

Ghi chú:

1. Tất cả các chi tiết bằng thép phải được mạ kẽm theo TCVN.
2. Chiều cao đường hàn h = 6mm.
3. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN.

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ: XL-2T

Số hiệu	Tên chi tiết	Nguyên vật liệu	Kích thước (mm)	Số lượng	Đơn vị Khối lượng (kg)	Toàn bộ Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thanh xà	L63x63x6	1460	2	8,35	16,70	
2	Thanh chống	L63x63x6	1290	2	7,38	14,76	
3	Thanh răng	L50x50x5	635	2	2,39	4,78	
4	Tấm đệm	-60x6	200	4	0,47	1,88	
5	Vấu chống xoay	L32x32x4	60	8	0,11	0,88	
6	Bulong M14x45	Φ14	45	4	0,18	0,72	Ren 45
7	Bulong M16x480	Φ16	480	4	0,89	3,56	Ren 100
8	Móc néo cáp	Φ16	180	10	0,28	2,80	
Khối lượng tổng cộng:						**46,08 kg**	

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIÊNG CƠI, CHIÊNG SINH, TÔ HIỆU, CHIÊNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

XÀ NÉO LỆCH CÁP VẶN XOẮN TRÊN CỘT BÊ TÔNG LY TÂM ĐÔI DỌC TUYẾN XNL-4TXD

Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 46D
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/10	

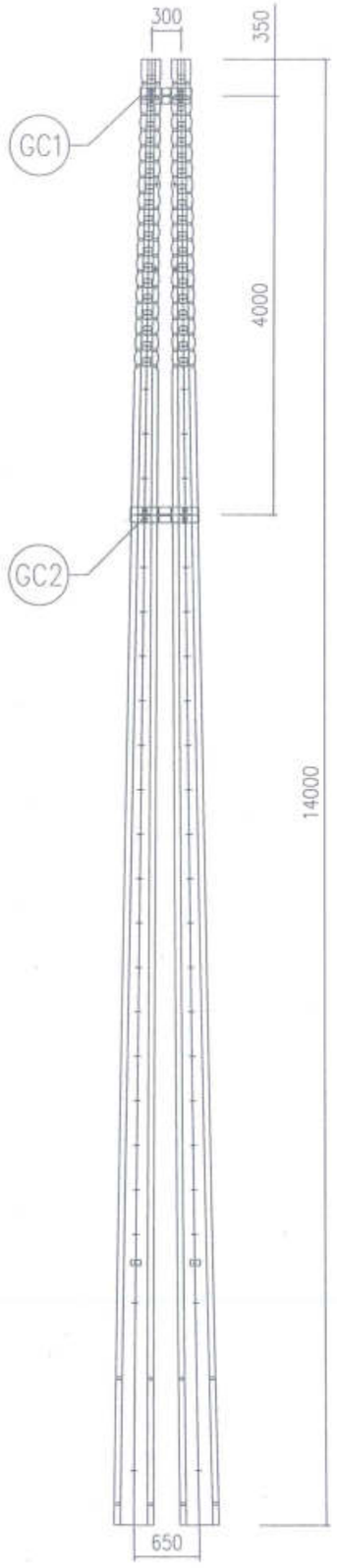

BỐ TRÍ GIẰNG TRÊN CỘT 14M

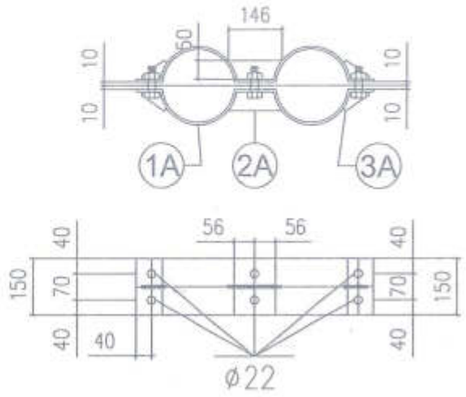

CHI TIẾT GC1

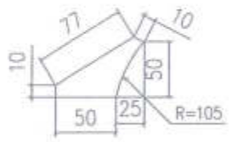

CHI TIẾT 3A

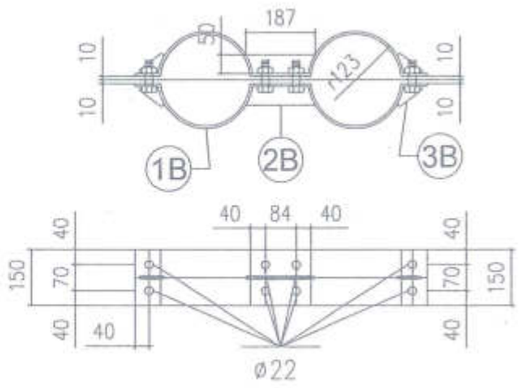

CHI TIẾT GC2

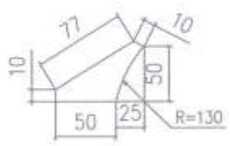

CHI TIẾT 3B

BẢNG KÊ VẬT LIỆU							
Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách (mm)	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng		Ghi chú
					Đơn vị	Toàn bộ	
GC-1						**19,30**	
1a	Cổ dề	d = 8	831 x 150	2	7,83	15,66	
2a	Tấm tăng cứng	d = 8	146 x 50	2	0,46	0,92	
3a	Tấm tăng cứng	d = 8	77 x 50	4	0,24	0,97	
4a	Bu lông M20	CT3 ø20	90	6	0,22	1,33	
	Đai ốc vòng đệm	M20		6	0,07	0,43	
GC-2						**23,97**	
1b	Cổ dề	d = 8	1034 x 150	2	9,74	19,48	
2b	Tấm tăng cứng	d = 8	187 x 50	2	0,59	1,17	
3b	Tấm tăng cứng	d = 8	77 x 50	4	0,24	0,97	
4b	Bu lông M20	CT3 ø20	90	8	0,22	1,78	
	Đai ốc vòng đệm	M20		8	0,07	0,57	
Khối lượng tổng cộng GC-14						**43,27**	**kg**

LIÊN DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH & CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÂN THÀNH			PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025			GIẰNG CỘT 14 GC–14		
Giám đốc	Nguyễn Anh Dũng				
C.N.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
C.T.T.K.Đ	Nguyễn Văn Lực				
Kiểm tra	Trương Văn Lương		BCKTKT	2025	TT.CQT-G6.HA. 47
Thiết kế	Lê Đình Hoàn		TỶ LỆ	1/15	

LIỆT KÊ THIẾT BỊ VẬT LIỆU ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

Stt	Thiết bị - vật liệu	Mã hiệu	Đơn vị tính	Khối lượng tổng	Phường Chiềng An											Phường Chiềng Sinh																			
					Cộng	TBA Bản Tông	TBA Bản Tông 2	TBA Chiềng Xôm	TBA Bản Cá	TBA Bản Bó	TBA Bản Hụm	TBA Bản Ải	TBA Bôm Phụng	TBA UBX Chiềng Đen	TBA Noong Cốc	*Cộng*	TBA Bản Muống	TBA Bản Muống 2	TBA Nà Lọ	TBA Bản Thẩm 2	TBA Tuyneo 3	TBA Nà Ngùa 2	TBA Mô Cối	TBA Đèn Đường T2A	TBA Trung Tâm Hoạt Động Thanh Thiếu Niên	TBA CQT Đèn Đường T1	TBA Họe Phạng	TBA TDC Noong Đúc 2	TBA Tổ 8 Chiềng Sinh	TBA Viện 6	TBA Nà Ngùa	TBA Đông Pao	TBA Bản Pát	TBA Noong La 2	TBA Co Pục	TBA Bản Không
I - Phần điện																																			
1	Cáp vặn xoắn ABC4x95	AL/XLPE4x95	m	17.480	*4.855*	819	676	1.500	587	1.153	120					*8.969*	1.768			254		647	1.046				721	562	585	1.377			1.495	303		210
2	Cáp vặn xoắn ABC4x70	AL/XLPE4x70	m	12.501	*2.193*	1.498		131						564		*6.125*	622	500		572	381	1.316		325		463					436	369	43		121	977
3	Cáp vặn xoắn ABC4x50	AL/XLPE4x50	m	5.452	*448*								121		327	*860*	45	40	417					358											
4	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x95-TD	AL/XLPE4x95-TD	m	1.105	*262*					262						*734*				158								229	149				70	128		
5	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x70-TD	AL/XLPE4x70-TD	m	2.210	*351*	127				224						*995*	883																		112
6	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x50-TD	AL/XLPE4x50-TD	m	191	*152*							152				*39*	39																		
7	Dây nhôm lõi thép AC50/8	AC50/8	m	216																															
8	Chuỗi néo 0,4kV A30	A30	quả	336	*116*	80	12	8		8	8					*88*	24													24		24	8		8
9	Chuỗi néo 0,4kV CN-1	CN-1	chuỗi	4																															
10	Đầu cốt đồng nhôm AM-95	AM-95	Cái	112	*28*	4	4	4	8	8						*64*	8			8		4						8	16	12			4			4
11	Đầu cốt đồng nhôm AM-70	AM-70	Cái	8												*4*									4										
12	Ghíp nhôm 3 bu lông CC35-95	CC35-95	Cái	320	*104*	64	8	16		8	8					*80*	24													16		24	8		8
13	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-120	GN2-120	Bộ	8																															
14	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-95	GN2-95	Bộ	648	*176*	72	16	32	8	40	8					*248*	40			32			16				16		16	16			56	40		16
15	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-70	GN2-70	Bộ	496	*120*	96		8						16		*208*	40	8			8	56		16							8	8	8		16	40
16	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-50	GN2-50	Bộ	264	*24*								8		16	*48*	8	8	8					24											
17	Đai thép không gỉ cột đơn ĐTKG-1	ĐTKG-1	Cái	1.872	*432*	144	36	88	22	72	6	8	8	32	16	*834*	160	24	22	48	12	94	62	26	28	22	32	36	34	64	16	18	72	12	6	46
18	Đai thép không gỉ cột đúp ĐTKG-2	ĐTKG-2	Cái	962	*186*	30	10	38	32	62	2	4		4	4	*462*	62	12		30	16	44	6			8	22	36	32	54	20	6	36	28	4	46
19	Khóa đai KĐ	KĐ	Bộ	2.834	*618*	174	46	126	54	134	8	12	8	36	20	*1.296*	222	36	22	78	28	138	68	26	28	30	54	72	66	118	36	24	108	40	10	92
20	Móc néo cáp	MH-D20	Bộ	2.174	*482*	142	37	100	36	98	6	9	6	32	16	*1.002*	184	28	20	58	18	108	62	22	22	24	42	51	44	88	26	20	87	26	6	66
21	Kẹp hãm cáp KH4x95	KH4x95	Bộ	1.090	*301*	51	37	90	36	81	6					*570*	97			26		38	62				42	51	44	88			84	26		12
22	Kẹp hãm cáp KH4x70	KH4x70	Bộ	797	*150*	91		10		17				32		*384*	83	26		32	18	70		22		24					26	20	3		6	54
23	Kẹp hãm cáp KH4x50	KH4x50	Bộ	287	*31*							9	6		16	*48*	4	2	20					22											
24	Tiếp địa lặp lại RLL-8,5	RLL-8,5	Vị trí	31	*7*	1	2	2				1		1		*16*	7			1	2			1	2					2						1
25	Tiếp địa lặp lại RLL-8,5(M)	RLL-8,5(M)	Vị trí	31	*7*	6							1			*12*			2	2		6											1		1
26	Tiếp địa lặp lại RLL-10	RLL-10	Vị trí	23	*12*	2		5	2	2	1					*10*		3					6												1
27	Tiếp địa lặp lại RLL-10(M)	RLL-10(M)	Vị trí	6												*1*						1													
II - Phần xây dựng																																			
28	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-4,3	NPC.I-8,5-190-4,3	Cột	28	*2*					2						*14*				6	8														
29	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-5	NPC.I-8,5-190-5	Cột	43	*2*							2				*9*				3	5											1			
30	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-4,3	NPC.I-10-190-4,3	Cột	8												*2*																2			
31	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-5	NPC.I-10-190-5	Cột	4	*1*							1				*1*																1			
32	Cột bê tông ly tâm 14m NPC.I-14-190-9,2	NPC.I-14-190-9,2	Cột	2																															
33	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-4,3 (thi công bằng máy)	NPC.I-8,5-190-4,3(M)	Cột	66	*2*	2										*36*	12			2		6								2	6	2		2		4
34	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-5,0 (thi công bằng máy)	NPC.I-8,5-190-5(M)	Cột	230	*33*	23	3	4						3		*133*	40	1		10		41		11	10			3		2	4	2		3		6
35	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-4,3 (thi công bằng máy)	NPC.I-10-190-4,3(M)	Cột	59	*21*	4	4	9		4						*16*		4		2		2							4						4
36	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-5,0 (thi công bằng máy)	NPC.I-10-190-5(M)	Cột	107	*45*	3	5	22	6	5	4					*39*		12		4		1	18		1			1		1		1				
37	Cột bê tông ly tâm 12m NPC.I-12-190-7,2 (thi công bằng máy)	NPC.I-12-190-7,2(M)	Cột	10	*1*			1								*9*						5										4			
38	Cột bê tông ly tâm 14m NPC.I-14-190-9,2 (thi công bằng máy)	NPC.I-14-190-9,2(M)	Cột	2																															
39	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-2	MLT-2	Móng	129	*10*	3	3	2				2				*74*	38	1		3	5			11	10			3		2		1			
40	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-3	MLT-3	Móng	93	*47*	3	5	25	6	5	2	1				*36*		10		4			18		1			1		1		1			
41	Móng cột bê tông ly tâm đơn MT-3	MT-3	Móng	2	*1*			1								*1*						1													
42	Móng cột bê tông ly tâm đôi MDLT-2	MDLT-2	Móng	35	*2*			1		1						*17*	7			4	4									1					1
43	Móng cột bê tông ly tâm đôi MDLT-3	MDLT-3	Móng	26	*9*	2	2	3		1	1					*9*		3		1									2			1			2
44	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-14	MTK-14	Móng	2																															
45	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-2 (thi công bằng máy)	MLT-2(M)	Móng	110	*15*	12								3		*58*				8		37									4	2		3		4
46	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-3 (thi công bằng máy)	MLT-3(M)	Móng	13												*2*						1											1		
47	Móng cột bê tông ly tâm đôi MDLT-2 (thi công bằng máy)	MDLT-2(M)	Móng	29	*5*	5										*13*				1		5									3	1		1		2
48	Móng cột bê tông ly tâm đôi MDLT-3 (thi công bằng máy)	MDLT-3(M)	Móng	10	*1*					1						*1*						1													
49	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-12 (thi công bằng máy)	MTK-12(M)	Móng	4												*4*						2											2		
50	Xà néo trên cột vuông đơn 4 dây XN-4	XN-4	Bộ	16	*7*	4		1		1	1					*5*	3													1						1
51	Xà đỡ trên cột ly tâm đơn 4 dây XĐ-4T	XĐ-4T	Bộ	14	*5*	4	1									*2*														2						
52	Xà néo trên cột ly tâm đơn 4 dây XN-4T	XN-4T	Bộ	9	*5*	4	1									*2*																2			
53	Xà néo trên cột ly tâm đơn 2 dây XN-2T	XN-2T	Bộ	2																															
54	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4T	XNĐ-4T	Bộ	2																															
55	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4Ta	XNĐ-4Ta	Bộ	8												*3*														1		1	1		
56	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông vuông đơn XNL-4X	XNL-4X	Bộ	3																															
57	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đơn XNL-4TX	XNL-4TX	Bộ	16	*2*			1		1						*10*					1						7	1		1					
58	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi ngang tuyến XNL-4TXN	XNL-4TXN	Bộ	4	*1*					1						*2*					1									1					
59	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi dọc tuyến XNL-4TXD	XNL-4TXD	Bộ	2												*2*											1	1							
60	Giằng cột đôi GC-14	GC-14	Bộ	2																															
61	*Chiều dài tuyến xây dựng mới*	Xây dựng mới	*m*	8.516	*1.444*	*408*	*303*	*733*								*4.734*		*500*		*572*	*381*	*1.316*	*1.046*	*325*	*358*											*236*
62	*Chiều dài tuyến cải tạo*	Cải tạo	*m*	25.834	*5.549*	*1.487*	*224*	*870*	*532*	*952*	*120*	*152*	*121*	*564*	*327*	*10.562*	*2.278*	*40*	*417*	*202*		*647*				*455*	*693*	*546*	*481*	*1.241*	*436*	*369*	*1.498*	*212*	*118*	*929*
63	*Chiều dài tuyến*	CDT	*m*	34.350	*6.793*	*1.895*	*527*	*1.603*	*532*	*952*	*120*	*152*	*121*	*564*	*327*	*15.296*	*2.278*	*540*	*417*	*774*	*381*	*1.963*	*1.046*	*325*	*358*	*455*	*693*	*546*	*481*	*1.241*	*436*	*369*	*1.498*	*212*	*118*	*1.165*
III - Phần công tơ																																			
III - Phần thí nghiệm																																			
64	Thí nghiệm tiếp địa		Vị trí	91	*26*	9	3	7	2	2	1	1	1	1		*39*	7	3	2	3	2	7	6	1	2			1	1	2				1	1		3
65	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x95	Sợi	28	*6*	1	1	1	1	1	1					*11*	1			1		1	1				1	1	1	1			1	1		1
66	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x70	Sợi	29	*3*	1		1						1		*12*	1	1		1	1	1		1		1					1	1	1		1	1
67	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x50	Sợi	16	*2*								1		1	*4*	1	1	1					1											

Stt	Thiết bị - vật liệu	Mã hiệu	Đơn vị tính	Phường Chiềng Cơi																							Phường Tô Hiệu					Ghi chú
				Cộng	TBA CQT Hoàng Văn Thụ	TBA Xưởng Dệt	TBA Bản Lọa	TBA Bản Hôm 1	TBA Bộm Huốt	TBA Bản Ngoại	TBA Bóa Cu Môn	TBA Nậ Nưa	TBA Nậ Tờ	TBA Bản Lun	TBA Co Phung	TBA Bản Sun 2	TBA Bó Cầm	TBA Bó Cầm 2	TBA Nà Công 2	TBA Nà Công	TBA Bản Chặn	TBA Tâm Thắn	TBA Mé Bon	TBA Xã Coi 2	TBA Bản Kham 2	TBA Bản Pọng	TBA Bó Ân	TBA TTĐH Tây Bắc	*Cộng*	TBA Sở Giáo Dục	TBA THCS Quyết Thắng	TBA Nhà Thiếu Nhi 2	TBA Cơ Khí	
I - Phần điện																																
1	Cáp vặn xoắn ABC4x95	AL/XLPE4x95	m	*3.235*	396		172								559		499		228	259						165	957		*421*	212	111		98	
2	Cáp vặn xoắn ABC4x70	AL/XLPE4x70	m	*4.094*	138	240	42			359			504				206	726			113	374	274	70	415			633	*89*			89		
3	Cáp vặn xoắn ABC4x50	AL/XLPE4x50	m	*4.144*		237	431	275	955		117	190		555	476	583	327																
4	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x95-TD	AL/XLPE4x95-TD	m	*45*															45									*64*				64	
5	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x70-TD	AL/XLPE4x70-TD	m	*864*	308		38								96						242			180										
6	Cáp vặn xoắn tháo hạ, kéo lại ABC4x50-TD	AL/XLPE4x50-TD	m																														
7	Dây nhôm lõi thép AC50/8	AC50/8	m	*216*									216																				
8	Chuỗi néo 0,4kV A30	A30	quả	*132*			24								32		32				36					8							
9	Chuỗi néo 0,4kV CN-1	CN-1	chuỗi	*4*									4																				
10	Đầu cốt đồng nhôm AM-95	AM-95	Cái	*20*	8												4			4							4						
11	Đầu cốt đồng nhôm AM-70	AM-70	Cái	*4*																		4											
12	Ghíp nhôm 3 bu lông CC35-95	CC35-95	Cái	*136*			24						16		40		32				16					8							
13	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-120	GN2-120	Bộ																									*8*			8		
14	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-95	GN2-95	Bộ	*200*			24								64		32		48							32			*24*	8	8		8	
15	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-70	GN2-70	Bộ	*160*	16	8	24			24			16				8	8			16	8	8	8	8			8	*8*			8		
16	Ghíp Đấu 2 bu lông GN2-50	GN2-50	Bộ	*192*		32		16	48		8	16		24	16	32																	
17	Đai thép không gỉ cột đơn ĐTKG-1	ĐTKG-1	Cái	*568*	38	28	38	12	48	12	4	8	28	30	50	28	48	22	12	10	24	16	14	10	8	8	46	26	*38*	14	8	8	8	
18	Đai thép không gỉ cột đúp ĐTKG-2	ĐTKG-2	Cái	*302*	20	10	18	4	8	14	6	4	4	10	46	8	24	22	8	6	12	14	2	12	22	8	6	14	*12*	4			8	
19	Khóa đai KĐ	KĐ	Bộ	*870*	58	38	56	16	56	26	10	12	32	40	96	36	72	44	20	16	36	30	16	22	30	16	52	40	*50*	18	8	8	16	
20	Móc néo cáp	MH-D20	Bộ	*656*	45	26	40	12	44	18	6	8	26	32	68	28	56	32	16	12	29	20	14	15	18	11	48	32	*34*	14	6	6	8	
21	Kẹp hãm cáp KH4x95	KH4x95	Bộ	*191*	21		14								38		31		16	12						11	48		*28*	14	6		8	
22	Kẹp hãm cáp KH4x70	KH4x70	Bộ	*257*	24	14	4			18			26				11	32			29	20	14	15	18			32	*6*			6		
23	Kẹp hãm cáp KH4x50	KH4x50	Bộ	*208*		12	22	12	44		6	8		32	30	28	14																
24	Tiếp địa lặp lại RLL-8,5	RLL-8,5	Vị trí	*8*		1	1								2							1		1	2								
25	Tiếp địa lặp lại RLL-8,5(M)	RLL-8,5(M)	Vị trí	*12*			1						1		1	2		1					1	1			2	2						
26	Tiếp địa lặp lại RLL-10	RLL-10	Vị trí	*1*	1																												
27	Tiếp địa lặp lại RLL-10(M)	RLL-10(M)	Vị trí	*5*			1						1				2									1							
II - Phần xây dựng																																
28	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-4,3	NPC.I-8,5-190-4,3	Cột	*12*		2															2			2	6								559
29	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-5	NPC.I-8,5-190-5	Cột	*32*		6									5		6				11				4								559
30	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-4,3	NPC.I-10-190-4,3	Cột	*6*			2														2	2											
31	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-5	NPC.I-10-190-5	Cột	*2*												1						1											
32	Cột bê tông ly tâm 14m NPC.I-14-190-9,2	NPC.I-14-190-9,2	Cột	*2*																					2								
33	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-4,3 (thi công bằng máy)	NPC.I-8,5-190-4,3(M)	Cột	*28*			6								4			2			2	4		2			2	6					
34	Cột bê tông ly tâm 8,5m NPC.I-8,5-190-5,0 (thi công bằng máy)	NPC.I-8,5-190-5(M)	Cột	*64*	1		1		3	1			1	2	10						2	6	8	3			12	14					
35	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-4,3 (thi công bằng máy)	NPC.I-10-190-4,3(M)	Cột	*20*	4										4		8		2							2			*2*			2	
36	Cột bê tông ly tâm 10m NPC.I-10-190-5,0 (thi công bằng máy)	NPC.I-10-190-5(M)	Cột	*23*	9		1								1		11		1														
37	Cột bê tông ly tâm 12m NPC.I-12-190-7,2 (thi công bằng máy)	NPC.I-12-190-7,2(M)	Cột																														
38	Cột bê tông ly tâm 14m NPC.I-14-190-9,2 (thi công bằng máy)	NPC.I-14-190-9,2(M)	Cột	*2*																					2								
39	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-2	MLT-2	Móng	*45*	1	6									7		4				13	6	2	2	4								
40	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-3	MLT-3	Móng	*10*	7		1									1						1											
41	Móng cột bê tông ly tâm đơn MT-3	MT-3	Móng																														
42	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-2	MĐLT-2	Móng	*16*		1	1								4		1				2	2		2	3								
43	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-3	MĐLT-3	Móng	*7*	3		1								1						1	1			2				*1*			1	
44	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-14	MTK-14	Móng	*2*																													
45	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-2 (thi công bằng máy)	MLT-2(M)	Móng	*37*			1		3	1			1	2	2								4	1			10	12					
46	Móng cột bê tông ly tâm đơn MLT-3 (thi công bằng máy)	MLT-3(M)	Móng	*11*											1		9		1														
47	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-2 (thi công bằng máy)	MĐLT-2(M)	Móng	*11*			2								1			1					1				2	4					
48	Móng cột bê tông ly tâm đôi MĐLT-3 (thi công bằng máy)	MĐLT-3(M)	Móng	*8*											1		5		1							1							
49	Móng cột bê tông ly tâm đôi MTK-12 (thi công bằng máy)	MTK-12(M)	Móng																														
50	Xà néo trên cột vuông đơn 4 dây XN-4	XN-4	Bộ	*4*			1								1		1									1							
51	Xà đỡ trên cột ly tâm đơn 4 dây XĐ-4T	XĐ-4T	Bộ	*7*											2						5												
52	Xà néo trên cột ly tâm đơn 4 dây XN-4T	XN-4T	Bộ	*2*													2																
53	Xà néo trên cột ly tâm đơn 2 dây XN-2T	XN-2T	Bộ	*2*									2																				
54	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4T	XNĐ-4T	Bộ	*2*											1						1												
55	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4Ta	XNĐ-4Ta	Bộ	*5*			2								1		1				1												
56	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông vuông đơn XNL-4X	XNL-4X	Bộ																										*3*	1	1	1		
57	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đơn XNL-4TX	XNL-4TX	Bộ	*3*	1														1					1					*1*			1		
58	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi ngang tuyến XNL-4TXN	XNL-4TXN	Bộ	*1*	1																												
59	Xà néo lệch cáp vặn xoắn trên cột bê tông ly tâm đôi dọc tuyến XNL-4TXD	XNL-4TXD	Bộ																						2								
60	Giằng cột đôi GC-14	GC-14	Bộ	*2*																													
61	*Chiều dài tuyến xây dựng mới*	Xây dựng mới	*m*	*2.338*			*234*										*201*					*365*	*267*	*248*	*405*			*618*						
62	*Chiều dài tuyến cải tạo*	Cải tạo	*m*	*9.441*	*443*	*231*	*667*	*268*	*932*	*350*	*114*	*185*	*600*	*541*	*1.086*	*569*	*798*	*708*	*150*	*245*	*507*					*121*	*926*		*482*	*207*	*108*	*87*	*80*	
63	*Chiều dài tuyến*	CDT	*m*	*11.779*	*443*	*465*	*667*	*268*	*932*	*350*	*114*	*185*	*600*	*541*	*1.086*	*569*	*999*	*708*	*150*	*245*	*507*	*365*	*267*	*248*	*405*	*121*	*926*	*618*	*482*	*207*	*108*	*87*	*80*	
III - Phần công tơ																																	
III - Phần thí nghiệm																																	
64	Thí nghiệm tiếp địa		Vị trí	*26*	1	1	3						2		3	2	2	1				1	1	2	2	1	2	2						
65	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x95	Sợi	*8*	1		1								1		1		1	1						1	1		*3*	1	1		1	
66	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x70	Sợi	*13*	1	1	1			1			1				1	1			1	1	1	1	1			1	*1*			1		
67	Thí nghiệm cáp vặn xoắn	AL/XLPE4x50	Sợi	*10*		1	1	1	1		1	1		1	1	1	1																

TRẠM BIẾN ÁP BẢN TÔNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-				1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
(1.2).1	21	21	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3A	22	22	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XĐ-4T	4A30			-		
	22		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70							
1.4	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	22	22	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XĐ-4T	4A30			-		
	22		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70							
1.6	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	28	28	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.8	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10A	26	26	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95	RLL-10	
1.11	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4T	8A30			8CC35-95		
	32		AL/XLPE4x95		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			8GN2-95				
	32		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70							
						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.16			3AV70+AV50-TD		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	2XN-4T	16A30	16GN2-95		16CC35-95		
			AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70							
1.17	51		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	51		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			8GN2-95				
Nhánh rẽ cột 1.11																		
1.11			AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			16GN2-95		-		
			AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
1.11A	14	14	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	14		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.1	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	40		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.2	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	40		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.3	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	48		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.4	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	43		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.4A	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
	32		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.5	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95		-	RLL-10	
	29		AL/XLPE4x70		Cải tạo			2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.11/2.6	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	2XN-4	16A30	8GN2-95		16CC35-95		
	43		AL/XLPE4x70		Cải tạo			MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.11/2.5/1.1	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	2XN-4	16A30	16GN2-70		16CC35-95		
	42		AL/XLPE4x70		Cải tạo			MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
1.11/2.10			AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.11/2.11	45	45	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.12	21	21	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.13	26	26	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/2.14	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5	
						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.11A			AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.11/1.1A	28	28	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/1.1	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/1.2	36	36	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/1.3	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11/1.4	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 1.13																		
1.13/1.1			AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.13/1.2	30	30	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.13/1.3	40	40	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 1.15																		
1.15/1.1			AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.15/1.2	31	31	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.15/1.3	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.15/1.4	43	43	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 1.16																		
1.16/1.3			AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.16/1.4	38	38	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.16/1.5	38	38	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.16/1.6	42	42	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 1.22A																		
1.22A					Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ		2XĐ-4T	8A30	8GN2-70		-		
1.22A/1.1	35	35	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.22A/1.2	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.22A/1.3	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 1.33/1.2						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.33/1.2			AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.33/1.2/1.1	18	18	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.2	33	33	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.3	26	26	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.3A	29	29	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.4	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.5	40	40	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.6	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.33/1.2/1.7	25	25	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
Lộ 2																		
2.1/1.7			AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.1/1.8	33	33	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.1/1.9	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.1/1.10	45	45	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.1/1.11	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.1/1.12	33	33	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
Tổng	2436	1895		8														

TRẠM BIẾN ÁP BÃN TÔNG 2

Số Cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2																		
(1.2).3			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95				
2.4	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
2.5	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.5A	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
	35		AL/XLPE4x95		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
2.6	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-				RLL-8,5	
	27		AL/XLPE4x95		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
2.7	34	34	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
	34		AL/XLPE4x95		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
2.8	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-					
	45		AL/XLPE4x95		Cải tạo			MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-					
Lộ 1						-	-	-	-	-		-	-					
1.1/1.7	50		3AV70+AV50-TD		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2					XĐ-4T	4A30					
Lộ 3						-	-	-	-	-		-	-					
TBA			AL/XLPE4x95	8	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95			
(1.2.3).1	18	18	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.1	37	37	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-					
3.2	39	39	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.3	37	37	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.4	37	37	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.5	36	36	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-					
3.6	36	36	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.7	37	37	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-					
3.8	26	26	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-				RLL-8,5	
Tổng	718	527		8														

TRẠM BIẾN ÁP CHIỀNG XÔM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-					-	-		4AM-95	-		
(1.2.3).1	16	16	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	20	20	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.4	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10	
1.6	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.8	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	24	24	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.11	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.12	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.13	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
Nhánh rẽ cột 1.2						-	-	-	-	-		-	-			-		
(1.2.3).1			AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.2	20		AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.1	30	30	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-4,3(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.2	36	36	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-4,3(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.3	40	40	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.4	29	29	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-4,3(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.5	28	28	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-4,3(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.6	28	28	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-4,3(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.7	35	35	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2/1.8	39	39	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-5(M)	MĐLT-3	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-	RLL-10	
Lộ 2																		
2.9			AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.10	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10	
2.11	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.12	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.13	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.14	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-12-190-7,2(M)	MT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.15	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.16	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-				RLL-10	
1.14 (TBA Chiềng Xôm 1)	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			8CC35-95		
Nhánh rẽ cột 2.11						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.11			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.11/1.1	17	17	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.11/1.2	28	28	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.11/1.3	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5	
Lộ 3																		
(1.2.3).1			AL/XLPE4x120-TD		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XNL-4TX	-	8GN2-95		-		
3.2	32	32	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đầu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghip Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
3.3	21	21	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.4	53	53	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.5	36	36	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.6	29	29	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.7	52	52	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.8	10	10	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.9	29	29	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.10	21	21	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.11	31	31	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.12	11	11	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10	
3.13	38	38	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.14	23	23	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.15	36	36	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.16	46	46	AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
Nhánh rẽ cột 3.12						-	-	-	-	-		-	-			-		
3.12			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-95		-		
3.12/1.1	22	22	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
3.12/1.2	33	33	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
Tổng	1623	1603		8														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN CÁ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95	-		
(1.2).1	4	4	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			-		
(1.2).1A	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95					
1.3	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.4	34	34	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.5	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.6	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			-		
1.7	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-	RLL-10	
1.8	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.9	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.10	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.11	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-		
1.12	50	50	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			-		
1.13	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			-	RLL-10	
1.14	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			-		
1.15	20	20	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95			-		
Lộ 2																
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95	-		
(1.2).1	4		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			-		
(1.2).1A	35		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95					
(1.2).2	17	17	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	8GN2-95				
Tổng	**571**	**532**														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN BÓ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
1.1	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNL-4TXN	-			-		
1.3	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX	-			-		
1.4	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10	
1.8	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	26	26	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.11	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
TBA					Cải tạo	-	-	-	-	-		-	-			-		
1.1	41		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	39		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	42		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.4	35		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	39		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	31		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	35		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.8	42		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	16		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	37		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.11	37		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.7/1.1	53	53	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
1.7			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.7/1.1	53		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
Lộ 2																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
2.1	6	6	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
2.2	22	22	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.3	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.3A	28	28	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10	
2.4	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.5	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.6	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.7	19	19	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.8	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.9	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Chíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
2.10	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.11	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.12	15	15	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.13	24	24	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.14	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.15	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
TBA			AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
2.1	6		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2	22		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.3	30		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.3A	28		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.4	29		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.5	48		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.6	42		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.7	19		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70							
Tổng	1623	952		16														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN HỤM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2																
2.8			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
2.9	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
2.10	47	47	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
2.11	42	42	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-5(M)	MĐLT-3	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-		-	RLL-10	
Tổng	120	120														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN ÁI

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1												
1.6			AL/XLPE4x50-TD	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		
1.7	61	61	AL/XLPE4x50-TD	Cải tạo	NPC.I-10-190-5	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	RLL-8,5	
1.7A	27	27	AL/XLPE4x50-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50		
1.8	28	28	AL/XLPE4x50-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50		
1.9	36	36	AL/XLPE4x50-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50		
Tổng	**152**	**152**										

TRẠM BIẾN ÁP BÔM PHUNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
2.4			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.4/1.1	37	37	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.4/1.2	43	43	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.4/1.3	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		RLL-8,5(M)	
Tổng	**121**	**121**											

TRẠM BIẾN ÁP UBX CHIỀNG ĐEN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.29			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.29/1.1	13	13	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.2	35	35	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.3	32	32	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.4	43	43	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.5	34	34	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.6	36	36	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.7	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.8	33	33	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29/1.9	32	32	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5	
					-	-	-	-	-				
1.12			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.12/1.1	42	42	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.2	46	46	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.3	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.4	50	50	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.5	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.6	32	32	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.12/1.7	52	52	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Tổng	**564**	**564**											

TRẠM BIẾN ÁP NOONG CỐC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2													
2.3/1.11			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.3/1.12	42	42	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.13	42	42	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.14	44	44	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.15	29	29	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
2.3/1.11			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.3/1.11/1.1	42	42	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.11/1.2	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.11/1.3	44	44	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.3/1.11/1.4	39	39	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**327**	**327**											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN MUỒNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
(1.2).1	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.4	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	34	34	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
1.7	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.8	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10A	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.11	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.12	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
1.13	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.14	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.15	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.16	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.17	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.18	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
1.19	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.19A	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.20	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
(1.2).1	32		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.2	38		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.3	35		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.4	37		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.5	34		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6	41		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
Nhánh rẽ cột 1.5						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.5			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.5/1.1	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	XN-4	8A30	8GN2-70		8CC35-95		
Nhánh rẽ cột 1.18																		
1.18			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.18/1.1	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.2	35	35	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.3	34	34	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.4	35	35	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.5	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.5A	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.6	34	34	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-	RLL-8,5	
1.18/1.7	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XN-4	8A30	8GN2-70		8CC35-95		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
1.18/1.8	37	37	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.9	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.18/1.9/1.1	33	33	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.9/1.2	40	40	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.9/1.3	37	37	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.9/1.4	37	37	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18/1.9/1.5	28	28	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
Lộ 2																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
(1.2).1	32		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.2	22	22	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.3	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.4	26	26	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.5	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.6	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.7	25	25	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
2.8	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.9	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.10	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.11	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.12	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.13	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.14	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.15	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
2.16	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.16A	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.17	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.18	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.19	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.20	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.20A	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.21	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.22	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.5	32		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.6	41		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.7	25		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.8	39		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.9	35		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.10	42		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.11	38		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.12	46		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.13	43		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.14	44		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.15	33		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.16	33		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.16A	37		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
2.17	31		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.18	38		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.19	35		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.20	41		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.20A	33		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.21	32		AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.22	32		AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.22			AL/XLPE4x50-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-95		-		
2.22/1.1	39		AL/XLPE4x50-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.22			AL/XLPE4x50		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-95		-		
2.22/2.1	45	45	AL/XLPE4x50		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-50		-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.22			AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.8 (BM2)	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
	45		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
Tổng	3341	2278		8														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN MUÔNG 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.35			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.36	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		RLL-10	
1.37	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.38	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.39	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.40	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.41	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.42	36	36	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		RLL-10	
1.43	35	35	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.44	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.45	33	33	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.46	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.47	36	36	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.48	36	36	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-5(M)	MĐLT-3	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70		RLL-10	
					-	-	-	-	-				
1.41			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.41/1.1	40	40	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**540**	**540**											

TRẠM BIẾN ÁP NÀ LO

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.1/1.4			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.1/1.4/1.1	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.2	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.3	44	44	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.4	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.5	37	37	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50		RLL-8,5(M)	
1.1/1.4/1.6	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.7	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.8	51	51	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.9	30	30	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.4/1.10	50	50	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		RLL-8,5(M)	
Tổng	**417**	**417**											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN THẨM 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Bản Thẩm 2															
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
1.1	5	5	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
1.2	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.3	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.4	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.5	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.6	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95			RLL-8,5(M)	
						-	-	-	-	-					
TBA			AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
1.1	5		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
1.2	40		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.3	42		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.4	38		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.5	33		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	8GN2-95			
1.6	44		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95				
						-	-	-	-	-					
TBA			AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	8GN2-95			
1.1/1.1	20	20	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.2	26	26	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.3	10	10	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.4	27	27	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.5	41	41	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.6	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.7	32	32	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.8	35	35	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-95		RLL-8,5	
						-	-	-	-	-					
1.6			AL/XLPE4x95		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	8GN2-95			
1.6/1.1	34	34	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.2	44	44	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.3	40	40	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.4	42	42	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.5	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.6	36	36	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.7	37	37	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.8	39	39	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.6/1.9	35	35	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			RLL-8,5(M)	
Tổng	572	572													

TRẠM BIẾN ÁP TUYNEN 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Tuy Nen 2														
1.16			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	8GN2-70		
1.16/1.1	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XNL-4TX			
1.16/1.2	35	35	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	XNL-4TXN		RLL-8,5	
1.16/1.3	50	50	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.4	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.5	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.6	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.7	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.8	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
1.16/1.9	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-		RLL-8,5	
Tổng	**381**	**381**												

TRẠM BIẾN ÁP NÀ NGÙA 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			
2.1	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.2	30	30	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.3	37	37	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			
2.4	29	29	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-12-190-7,2(M)	MTK-12(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			
2.5	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.6	40	40	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95		RLL-8,5(M)	
2.7	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.8	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.9	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.10	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.11	20	20	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.12	54	54	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95		RLL-10(M)	
2.13	35	35	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.14	42	42	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-12-190-7,2(M)	MTK-12(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			
2.15	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.16	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.16A	36	36	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			
2.16B	27	27	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95		RLL-8,5(M)	
2.17	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95			
Nhánh rẽ cột 2.12					-	-	-	-	-				
2.12			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.12/1.1	44	44	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.2	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.3	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.4	33	33	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.5	29	29	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70		RLL-8,5(M)	
2.12/1.6	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.7	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
2.12/1.8	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.9	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.10	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.11	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.12	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70		RLL-8,5(M)	

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
2.12/1.13	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.14	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.15	44	44	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			
Nhánh rẽ cột 2.12/1.5					-	-	-	-	-				
2.12/1.5			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.12/1.5/1.1	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.5/1.2	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.5/1.3	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Nhánh rẽ cột 2.12/1.7					-	-	-	-	-				
2.12/1.7			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.12/1.7/1.1	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.12/1.7/1.2	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Nhánh rẽ cột 2.14					-	-	-	-	-				
2.14			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.14/1.1	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-12-190-7,2(M)	MT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.14/1.2	35	35	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.14/1.3	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.14/1.4	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.14/1.5	32	32	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
					-	-	-	-	-				
2.14/1.1			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.14/1.1/1.1	32	32	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.14/1.1/1.2	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5(M)	
Nhánh rẽ cột 2.17					-	-	-	-	-				
2.17			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.17/1.1	33	33	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.17/1.2	28	28	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Lộ 1					-	-	-	-	-				
Nhánh rẽ cột 1.9					-	-	-	-	-				
1.9			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.9/1.1	32	32	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.9/1.2	33	33	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.9/1.3	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.9/1.4	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.9/1.5	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.9/1.6	44	44	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5(M)	
Tổng	**1963**	**1963**											

TRẠM BIẾN ÁP MÔ CÔI

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
1.5			AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95		
1.5/1.1	29	29	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.2	26	26	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.5/1.3	40	40	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.4	36	36	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.5	36	36	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.6	47	47	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.7	48	48	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.8	42	42	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.5/1.9	48	48	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.10	31	31	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.11	29	29	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.12	37	37	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.13	38	38	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.14	37	37	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.5/1.15	31	31	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.5/1.16	31	31	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-			
					-	-	-	-	-		-			
1.6			AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95		
1.6/1.1	8	8	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.6/1.2	45	45	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.3	22	22	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.4	29	29	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.5	22	22	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.6	23	23	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.7	47	47	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.8	27	27	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.6/1.9	38	38	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.10	32	32	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.11	38	38	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.12	33	33	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.13	27	27	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.6/1.14	43	43	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		RLL-10	
1.6/1.15	26	26	AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-			
Tổng	**1046**	**1046**												

TRẠM BIẾN ÁP ĐÈN ĐƯỜNG T2A

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
1.7			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.7A	13	13	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.1	15	15	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.2	15	15	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.3	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.4	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.5	27	27	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.6	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.7	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.8	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.7A/1.9	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5	
					-	-	-	-	-				
1.7A/1.6			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.7A/1.6/1.1	46	46	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Tổng	**325**	**325**											

TRẠM BIẾN ÁP TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NIÊN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
1.15/1.3/1.1			AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.15/1.3/1.2	34	34	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.15/1.3/1.3	34	34	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.15/1.3/1.4	28	28	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50		RLL-8,5	
1.15/1.3/1.5	24	24	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.15/1.3/1.6	31	31	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.15/1.3/1.7	39	39	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
1.15/1.3/1.4			AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.15/1.3/1.4/1.1	38	38	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
1.21			AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.21/1.1	31	31	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.21/1.2	30	30	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.21/1.3	27	27	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.21/1.4	42	42	AL/XLPE4x50	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		RLL-8,5	
Tổng	**358**	**358**											

TRẠM BIẾN ÁP CQT ĐÈN ĐƯỜNG T1

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Đầu cốt	Ghi chú
TBA CQT Đèn Đường T1													
TBA			AL/XLPE4x70	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	4AM-70	
(1.2).1	22	22	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70		
(1.2).2	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70		
2.3	20	20	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.4	40	40	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.5	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.6	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.7	49	49	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.8	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.9	50	50	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.10	49	49	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.11	43	43	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.12	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		
Tổng	**455**	**455**		**8**									

TRẠM BIẾN ÁP HẸO PHUNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Ghi chú
Lộ 1													
(1.2.3).1			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95	
(1.2).2	28	28	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-		
1.3	36	36	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.4	30	30	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-		
1.5	29	29	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.6	35	35	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.7	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.8	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.9	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.10	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.11	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
1.12	30	30	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-		
Lộ 2					-	-	-	-	-		-		
(1.2.3).1			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95	
(1.2).2	28		AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNL-4TXD		
2.3	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.4	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.5	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.6	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-		
2.7	44	44	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.8	20	20	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.9	44	44	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-		
2.10	36	36	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX		
2.11	44	44	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XNL-4TX		
Tổng	**721**	**693**											

TRẠM BIẾN ÁP TĐC NOONG ĐÚC 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1															
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	4AM-95		
(1.2).1	10	10	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.2	12	12	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
1.3	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.4	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
1.5	34	34	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
1.6	24	24	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.7	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.8	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.8.1	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.9	28	28	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.9.1	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.10	28	28	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-			
1.8.1	27		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.9	28		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.9.1	27		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.10	28		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
1.10.1	37		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX			
1.11	30		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.11.1	26		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.12	26		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-			
Lộ 2						-	-	-	-	-		-			
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	4AM-95		
(1.2).1	10	10	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
2.2	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
2.3	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
2.4	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
2.5	47	47	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNL-4TXD			
2.6	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-			
Tổng	775	546		16											

TRẠM BIẾN ÁP TỔ 8 CHIỀNG SINH

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1															
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
(1.2).1	15	15	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
(1.2).2	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
1.3	47	47	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.4	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.5	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.6	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.7	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95				
						-	-	-	-	-					
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
(1.2).1	15		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	8GN2-95			
(1.2).2	27		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
1.3	47		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
Lộ 2						-	-	-	-	-					
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
(1.2).1	15		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
(1.2).2	27		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
2.3	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.4	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.5	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.6	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.7	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.8	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95				
						-	-	-	-	-					
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
(1.2).1	15		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	8GN2-95			
(1.2).2	27		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
2.3	48		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
Tổng	**702**	**481**		**24**											

TRẠM BIẾN ÁP VIỆN 6

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
(1.3).1	8	8	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).2	11	11	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).3	24	24	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).4	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.8	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX	-			-		
1.11	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	XNL-4TXN	-			-		
Lộ 3						-	-	-	-	-		-	-			-		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
(1.3).1	8		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).2	11		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).3	24		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
(1.3).4	32		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.5	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.6	32	32	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.7	17	17	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.8	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.9	13	13	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.9.1	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.10	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
3.11	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
Lộ 2																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
2.1	11	11	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.2	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.3	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.4	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.5	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.6	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.7	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.8	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.9	20	20	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.10	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
	37		AL/XLPE4x95		Cải tạo			2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.11	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.12	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Chip Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
2.13	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.14	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.14.1	26	26	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XĐ-4T	4A30			-		
2.15	26	26	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.15.1	25	25	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XĐ-4T	4A30			-	RLL-8,5	
2.16	25	25	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.17	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.18	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
Tổng	1353	1241		24														

TRẠM BIẾN ÁP NÀ NGÙA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.25			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.26	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.26.1	21	21	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.27	33	33	AL/XLPE4x70	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.27.1	26	26	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.28	25	25	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.29	45	45	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.29.1	30	30	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.30	31	31	AL/XLPE4x70	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.31	50	50	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.32	37	37	AL/XLPE4x70	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.32.1	34	34	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.33	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.34	48	48	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			
Tổng	**436**	**436**											

TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG PAO

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
(1.2).1			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.1/1.1	35	35	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.1.1	24	24	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.2	31	31	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.3	42	42	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.4	48	48	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.4.1	27	27	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.5	28	28	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.6	40	40	AL/XLPE4x70	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
2.1/1.7	48	48	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.8	46	46	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70			
Tổng	**369**	**369**											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN PÁT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
(1.2).1	5	5	CU/XLPE/PVC-3x70+1x50-TD		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
	5		CU/XLPE/PVC-3x70+1x50-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.4	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.8	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.11	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.12	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.13	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.14	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.15	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.16	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.17	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.18	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.19	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.20	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5	MLT-3	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
	37		AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95							
						-	-	-	-	-		-	-			-		
(1.2).1			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-95		-		
2.1/1.1	43	43	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
Lộ 2																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
2.2	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.10			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
2.11	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
	35		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95							
	35		AL/XLPE4x95-TD		Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95							
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.13			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
2.14	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.15	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.16	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
2.17	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.18	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.19	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.20	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.21	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.22	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.23	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.24	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.25	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.26	43	43	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.27	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.28	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.29	39	39	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
Tổng	**1610**	**1498**		8														

TRẠM BIẾN ÁP NOONG LA 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.5			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
1.6	24	24	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.7	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.8	36	36	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.9	35	35	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-12-190-7,2(M)	MTK-12(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.9A	64	64	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-12-190-7,2(M)	MTK-12(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.9b	20	20	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95	8CC35-95	RLL-8,5(M)	
1.5			AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
1.6	24		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.7	33		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.8	36		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.9	35		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
1.9A	64		AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.9b	20		AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
Tổng	424	212														

TRẠM BIẾN ÁP CO PỤC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Ghi chú
2.1/1.1			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70	
2.1/1.1/1.1	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		
					-	-	-	-	-			
2.8			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70	
2.9	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		
2.10	36	36	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		
Tổng	**118**	**118**										

TRẠM BIẾN ÁP BẢN KHOANG

	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																		
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
1.1	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	30	30	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-8,5	
1.5	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
1.6	49	49	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	37	37	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.8	31	31	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.9	32	32	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.10	40	40	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.11	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.12	38	38	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.13	43	43	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.14	41	41	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.15	34	34	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.16	44	44	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.17	40	40	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.18	35	35	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.19	49	49	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.20	43	43	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.21	52	52	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
						-	-	-	-	-		-	-			-		
1.3			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
1.3/1.1	34	34	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7			AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
1.6/1.7/1.1	33	33	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7/1.2	38	38	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7/1.3	40	40	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7/1.4	42	42	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7/1.5	41	41	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
1.6/1.7/1.6	42	42	AL/XLPE4x70		Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-8,5(M)	
						-	-	-	-	-		-	-			-		
2.4			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.4A	19	19	AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-	RLL-10	
2.5	41	41	AL/XLPE4x70		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.6	37	37	AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
2.4			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.4A	19		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.5	41		AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70		-		
2.6	37		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-			-		
Tổng	1262	1165		8														

TRẠM BIẾN ÁP CQT HOÀNG VĂN THỤ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-		4AM-95		
1.1	28	28	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-				
1.2	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.3	47	47	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.4	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-				
1.4A	27	27	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.5	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.6	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.7	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-				
1.8	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX				
1.9	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-10-190-5(M)	MĐLT-3	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	XNL-4TXN			RLL-10	
TBA			AL/XLPE4x95		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-		4AM-95		
1.1	28		AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-				
1.2	41		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.3	47		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.4	35		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-				
1.4A	27		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.5	31		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.6	33		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.7	46		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.8	48		AL/XLPE4x70-TD		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.9	42		AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-				
1.2			AL/XLPE4x70		Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	8GN2-70			
1.2/1.1	42	42	AL/XLPE4x70		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-				
1.2/1.1A	23	23	AL/XLPE4x70		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	8GN2-70			
Tổng	**821**	**443**		**8**												

TRẠM BIẾN ÁP XƯỞNG DỆT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1														
1.17			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	8GN2-70		
1.17/1.1	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.2	29	29	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.3	28	28	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.4	28	28	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.5	44	44	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.6	32	32	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17/1.7	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-		RLL-8,5	
Lộ 2														
Nhánh rẽ														
2.43/1.4			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	8GN2-50		
2.43/1.4/1.1	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-			
Nhánh rẽ														
2.50			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	8GN2-50		
2.50/1.1	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-			
2.50/1.2	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-			
Nhánh rẽ														
2.53			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	8GN2-50		
2.53/1.1	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-			
Nhánh rẽ														
2.53			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	8GN2-50		
2.53/2.1	52	52	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-			
2.53/2.2	49	49	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-			
Tổng	**465**	**465**												

TRẠM BIẾN ÁP BẢN LỤA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
(1.2).1			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
1.1/1.1	30	30	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.1/1.2	26	26	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.1/1.3	27	27	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.1/1.4	43	43	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.1/1.5	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.1/1.6	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-		-	RLL-8,5	
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.22			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
1.23	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.22			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
1.22/1.1	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.22/1.2	37	37	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.22/1.3	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.22/1.4	35	35	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.22/1.5	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.22/1.6	33	33	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.2	38	38	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.9			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
2.9A	17	17	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-	RLL-10(M)	
2.10	53	53	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.1/1.5			AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
2.1/1.6	42	42	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-	RLL-8,5(M)	
2.1/1.6A	26	26	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
2.1/1.7	30	30	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		-		
Tổng	667	667														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN HÔM 1

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.16			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.16/1.1	48	48	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.16/1.2	42	42	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.16/1.3	54	54	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.16/1.4	48	48	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
1.19			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.19/1.1	39	39	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.19/1.2	37	37	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	268	268											

TRẠM BIẾN ÁP BÔM HUỐT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
(1.2.3).1			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.1/1.1	52	52	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.1/1.2	54	54	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
1.7			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.8	37	37	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.9	54	54	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
1.7			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.7/1.1	52	52	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.7/1.2	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Lộ 2													
2.5			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.6	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.7	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.7A	28	28	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.8	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.9	48	48	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.9A	30	30	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.10	30	30	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.11	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.12	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
2.5			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.5/1.1A	29	29	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.1	30	30	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.2	53	53	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.3	53	53	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.4	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
TBA Phiêng Tam 5-1					-	-	-	-	-				
2.21			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.21/1.1	42	42	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.21/1.2	39	39	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**932**	**932**											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN NGOẠI

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.30			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.30/1.1A	29	29	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.30/1.1	29	29	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.30/1.2	40	40	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.30/1.3	45	45	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.30/1.4	37	37	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			
					-	-	-	-	-				
1.32			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.32/1.1	55	55	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.32/1.2	49	49	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			
Lộ 2					-	-	-	-	-				
2.2			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.2/1.1	35	35	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.2/1.2	31	31	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70			
Tổng	**350**	**350**											

TRẠM BIẾN ÁP BÚA CO MÒN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2													
2.4			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.4/1.1	40	40	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.4/1.2	40	40	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50			
2.4/1.3	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**114**	**114**											

TRẠM BIẾN ÁP NẸ NƯA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2													
2.9			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.9/1.1	54	54	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.9/1.2	56	56	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
2.14			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.15	28	28	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.16	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**185**	**185**											

TRẠM BIẾN ÁP NẸ TỞ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
1.9			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
1.10	42	42	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.11	38	38	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.11A	36	36	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.12	30	30	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.13	51	51	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	XN-2T	2CN-1		8CC35-95	RLL-10(M)	
1.14	108	108	2AC50/8	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	XN-2T	2CN-1		8CC35-95		
1.15	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.16	37	37	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.17	27	27	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.18	39	39	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
1.19	35	35	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-		-	RLL-8,5(M)	
Lộ 2					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.3			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
2.3/1.1	32	32	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.3/1.2	43	43	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.3/1.3	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-		-		
Tổng	**600**	**600**														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN LUN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2													
2.5/1.2			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.5/1.2/1.1	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
2.5/1.6			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.5/1.6A	25	25	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.7	26	26	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.8	44	44	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50			
2.5/1.9	48	48	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.5/1.10	36	36	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50			
					-	-	-	-	-				
2.15			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.16	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.17	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.18	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.19	35	35	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.20	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.21	32	32	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.22	32	32	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.23	35	35	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.24	32	32	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.25	32	32	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	541	541											

TRẠM BIẾN ÁP CO PHUNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
1.10			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
1.11A	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.11	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.12	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.10			AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		-		
1.11A	31		AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.11	32		AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.12	33		AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.14			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-50	-		
1.14/1.1	35	35	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.2	31	31	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.3	33	33	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.4	28	28	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.4A	22	22	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.5	24	24	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.5A	26	26	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.6	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.14/1.7	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.23/1.2			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-50	-		
1.23/1.2/1.1	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.23/1.2/1.1A	34	34	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.23/1.2/1.2	22	22	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.23/1.2/1.3	40	40	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
1.23/1.2/1.4	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.22	27	27	3AV70+AV50-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2					XĐ-4T	4A30				
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.29			3AV70+AV50-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			8GN2-95	8CC35-95		
1.30	25	25	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.31	35	35	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.32	27	27	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-	RLL-8,5	
1.33	37	37	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.34	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.35	39	39	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.35A	39	39	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
1.36	42	42	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-95	8CC35-95	RLL-8,5	
1.37	50	50	3AV70+AV50-TD	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5	MĐLT-2	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	XĐ-4T	4A30		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
1.30			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95			8GN2-95	-		
1.30/1.1	74	74	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	8CC35-95		
1.43			3AV70+AV50-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
1.44	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.44A	27	27	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-		-		
1.45	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	XNĐ-4T	8A30	8GN2-95	8CC35-95	RLL-8,5(M)	
Tổng	1182	1086														

TRẠM BIẾN ÁP BẢN SAN 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
(1.2).2			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.2/1.1	36	36	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.2/1.2	43	43	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.2/1.3	41	41	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.2/1.4	39	39	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.2/1.5	44	44	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
1.2/1.6	47	47	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		RLL-8,5(M)	
					-	-	-	-	-				
1.5			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
1.5/1.1	49	49	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Lộ 2					-	-	-	-	-				
2.5			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.6	26	26	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.7	32	32	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.8	33	33	AL/XLPE4x50	Cải tạo	NPC.I-10-190-5	MLT-3	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.9	43	43	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.10	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50			
2.11	45	45	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50		RLL-8,5(M)	
					-	-	-	-	-				
2.5			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x50	8GN2-50		
2.5/1.1	46	46	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50			
Tổng	**569**	**569**											

TRẠM BIẾN ÁP BÓ CẦM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																	
TBA			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-		4AM-95	-		
1.1	6	6	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.2	28	28	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.3	31	31	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.4	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.5	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.6	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.7	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-	RLL-10(M)	
1.8	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.9	45	45	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
1.10	36	36	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
					-	-	-	-	-		-	-			-		
Lộ 2																	
2.2/1.6			AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.2/1.7	43	43	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
					-	-	-	-	-		-	-			-		
2.2/1.14A			AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2					XN-4T	8A30	8GN2-95		8CC35-95		
2.2/1.15	30	30	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.2/1.16	44	44	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-			-		
2.2/1.17	46	46	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5	MĐLT-2	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95	-	-			-		
					-	-	-	-	-		-	-			-		
2.2/1.16			AL/XLPE4x95	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95		-		
2.2/1.16/1.1	21	21	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2/1.16/1.2	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2/1.16/1.3	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2/1.16/1.4	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2/1.16/1.5	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-			-		
2.2/1.16/1.6	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-5(M)	MĐLT-3(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	-	-			-	RLL-10(M)	
2.5				Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)					XNĐ-4Ta	8A30			8CC35-95		
					-	-	-	-	-		-	-			-		
2.6			AL/XLPE4x50	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-	8GN2-70		-		
2.6/1.1	26	26	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.2	71	71	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.3	38	38	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.4	33	33	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.5	49	49	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.6	48	48	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x50	-	-			-		
2.6/1.7	54	54	AL/XLPE4x50	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x50	-	-			-		
Tổng	993	993															

TRẠM BIẾN ÁP BÓ CẦM 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
1.6/1.5			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.6/1.6	44	44	AL/XLPE4x70	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.6/1.7	45	45	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.8	37	37	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.9	51	51	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.10	35	35	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.11	43	43	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.12	48	48	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.6/1.13	47	47	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.14	45	45	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.6/1.15	37	37	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.16	47	47	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.17	39	39	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.6/1.18	55	55	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.19	48	48	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.6/1.20	41	41	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.6/1.21	46	46	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5(M)	
Tổng	708	708											

TRẠM BIẾN ÁP NÀ CÓNG 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1														
1.6			2AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	16GN2-95		
1.7	40	40	AL/XLPE4x95	Cải tạo	NPC.I-10-190-5(M)	MLT-3(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4TX			
	40		AL/XLPE4x95	Cải tạo			2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.8	32	32	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	16GN2-95		
	32		AL/XLPE4x95	Cải tạo			2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	8GN2-95		
1.9	45	45	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
	45		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
1.10	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	8GN2-95		
Tổng	267	150												

TRẠM BIẾN ÁP NÀ CÓNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
(1.2.).1	3	3	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
(1.2.).3	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
1.4	47	47	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.5	60	60	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.6	47	47	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
1.7	57	57	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95				
Tổng	245	245		8											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN CHẬU

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1																
1.5			3AV50+AV35-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2					XĐ-4T	4A30		-		
1.6			3AV50+AV35-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2					XĐ-4T	4A30		-		
Lộ 2					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.3			3AV50+AV35-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XĐ-4T	4A30		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.5			3AV50+AV35-TD	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	XNĐ-4T	8A30		8CC35-95		
2.5a	33	33	3AV50+AV35-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XĐ-4T	4A30		-		
2.6	33	33	3AV50+AV35-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XĐ-4T	4A30		-		
2.7	52	52	3AV50+AV35-TD	Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	XNĐ-4Ta	8A30	8GN2-70	8CC35-95		
2.8	37	37	2AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.9	44	44	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.19a	33	33	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.23a	15	15	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.24	65	65	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.25	41	41	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.27	44	44	AL/XLPE4x70-TD	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-	-	8GN2-70	-		
2.28	42	42	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.29	38	38	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-	-		-		
2.30	30	30	AL/XLPE4x70	Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	-		-		
Tổng	507	507														

TRẠM BIẾN ÁP TÂM THẦN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Tâm Thần														
TBA			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		4AM-70		
1.1/1.1	11	11	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.2	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.3	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.4	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			RLL-8,5	
1.1/1.5	32	32	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
1.1/1.6	36	36	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.7	27	27	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70				
1.1/1.8	35	35	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70				
					-	-	-	-	-					
2.7			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70			
2.7/1.1	55	55	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-10-190-4,3	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70				
2.7/1.2	61	61	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-10-190-5	MLT-3	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70				
Tổng	365	365												

TRẠM BIẾN ÁP MÉ BAN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Mé Ban					-	-	-	-	-				
2.1			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
2.1/1.1	29	29	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.2	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.3	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.4	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.5	35	35	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.6	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
2.1/1.7	40	40	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5(M)	
Tổng	267	267											

TRẠM BIẾN ÁP XÃ COI 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Xã Coi 2														
1.5	43	43	AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XNL-4TX	8GN2-70		
1.5A	31	31	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-		RLL-8,5	
1.6	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
					-	-	-	-	-		-			
1.13			AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-			
1.14	24	24	AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
1.15	42	42	AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-		RLL-8,5(M)	
1.16	43	43	AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.17	28	28	AL/XLPE4x70-TD	Xây dựng mới	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70	-			
Tổng	248	248												

TRẠM BIẾN ÁP BẢN KHAM 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Bản Kham 2													
1.11			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.12	29	29	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.13	72	72	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-14-190-9,2	MTK-14	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.14	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-14-190-9,2(M)	MTK-14	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.15	43	43	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		RLL-8,5	
1.16	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.17	47	47	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.18	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.19	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3	MĐLT-2	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.20	45	45	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5	MLT-2	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5	
Tổng	**405**	**405**											

TRẠM BIẾN ÁP BẢN PỌNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghíp Đấu	Cặp cáp nhôm	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Bản Pọng					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.3			AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XN-4	8A30	8GN2-95	8CC35-95		
2.4	40	40	AL/XLPE4x95	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-	RLL-10(M)	
2.5	43	43	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
					-	-	-	-	-		-	-		-		
2.3			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
2.4	40		AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-	-		-		
2.4/1.1	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-	-	8GN2-95	-		
Tổng	161	121														

TRẠM BIẾN ÁP BÓ ẢN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Chiều dài dây dẫn đấu lèo	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Đầu cốt	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1															
TBA			AL/XLPE4x95	8	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95		4AM-95		
2.1	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.2	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.3	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.4	40	40	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.5	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.6	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.7	46	46	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.8	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.9	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.10	59	59	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.10A	23	23	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.11	42	42	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.11A	29	29	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.12	31	31	AL/XLPE4x95		Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.13	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95			RLL-8,5(M)	
2.14	37	37	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.15	41	41	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.16	48	48	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.17	36	36	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95				
2.18	35	35	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.19	45	45	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.20	33	33	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.21	38	38	AL/XLPE4x95		Cải tạo	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95				
2.22	44	44	AL/XLPE4x95		Cải tạo	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x95			RLL-8,5(M)	
Tổng	926	926		8											

TRẠM BIẾN ÁP TTĐH TÂY BẮC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 1													
					-	-	-	-	-				
1.11/1.20			AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	8GN2-70		
1.11/1.20/1.1	27	27	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.2	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.3	39	39	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.4	33	33	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.5	34	34	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.6	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.7	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.8	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70		RLL-8,5(M)	
1.11/1.20/1.9	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.10	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.11	41	41	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.12	44	44	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.13	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-4,3(M)	MĐLT-2(M)	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.14	42	42	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.15	37	37	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	NPC.I-8,5-190-5(M)	MLT-2(M)	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70			
1.11/1.20/1.16	38	38	AL/XLPE4x70	Xây dựng mới	2NPC.I-8,5-190-5(M)	MĐLT-2(M)	MH-D20	2ĐTKG-2	2KĐ	1KH4x70		RLL-8,5(M)	
Tổng	**618**	**618**											

TRẠM BIẾN ÁP SỞ GIÁO DỤC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
Lộ 2														
(2.3).1			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95		
2.2	46	46	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
2.3	34	34	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4X			
2.4	43	43	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	-			
2.5	19	19	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
2.6	33	33	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
2.7	27	27	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
2.8	5	5	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-			
Tổng	**207**	**207**												

TRẠM BIẾN ÁP THCS QUYẾT THẮNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
3.2			AL/XLPE4x95	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-	8GN2-95		
3.3	28	28	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	XNL-4X			
3.4	42	42	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x95	-			
3.5	38	38	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95	-			
Tổng	**108**	**108**												

TRẠM BIẾN ÁP NHÀ THIẾU NHI 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Xà hạ thế	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Nhà Thiếu Nhi 2														
(1.2).2			AL/XLPE4x70	Cải tạo	-	-	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	-	8GN2-120		
1.3	21	21	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	-			
1.4	32	32	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	2KH4x70	XNL-4X			
1.5	34	34	AL/XLPE4x70	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x70	XNL-4TX	8GN2-70		
Tổng	87	87												

TRẠM BIẾN ÁP CƠ KHÍ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Móng	Móc treo cáp, hãm cáp	Đai thép không gỉ	Khóa Đai	Kẹp hãm cáp	Ghíp Đấu	Tiếp Địa	Ghi chú
TBA Cơ Khí					-	-	-	-	-				
(1.2).3			AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			
2.4	32	32	AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	2NPC.I-10-190-4,3(M)	MĐLT-3	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95	8GN2-95		
2.5	48	48	AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			
					-	-	-	-	-				
(1.2).3			AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			
2.4	32		AL/XLPE4x95-TD	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	2MH-D20	4ĐTKG-2	4KĐ	2KH4x95			
2.5	48		AL/XLPE4x95	Cải tạo	Tận dụng	Tận dụng	MH-D20	2ĐTKG-1	2KĐ	1KH4x95			
Tổng	160	80											

LIỆT KÊ THIẾT BỊ VẬT LIỆU THU HỒI ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC CÁC PHƯỜNG CHIỀNG CƠI, CHIỀNG SINH, TÔ HIỆU, CHIỀNG AN TỈNH SƠN LA NĂM 2025

Stt	Thiết bị - vật liệu	Mã hiệu	Đơn vị tính	Khối lượng tổng	Tổng KL phường Chiềng An	Phường Chiềng An										Tổng KL phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh										
						TBA Bản Tông	TBA Bản Tông 2	TBA Chiềng Xôm	TBA Bản Cá	TBA Bản Bộ	TBA Bản Hụm	TBA Bản Ải	TBA Bôm Phung	TBA UBX Chiềng Đen	TBA Noong Cốc		TBA Bản Muông	TBA Nà Lo	TBA Bản Thẩm 2	TBA Tổ 8 Chiềng Sinh	TBA Viện 6	TBA Bản Khoang	TBA Nà Ngùa	TBA Đông Pao	TBA Bản Pát	TBA Nà Ngùa 2	TBA Noong La 2	TBA Co Pục
I - Phần điện																											
1	Cáp vặn xoắn ABC4x95	AL/XLPE4x95	m	56	56			3		53																	
2	Cáp vặn xoắn ABC4x70	AL/XLPE4x70	m	99	6			6								88	45								43		
3	Cáp vặn xoắn ABC4x50	AL/XLPE4x50	m	541	155			155								303	68		32			203					
4	Cáp vặn xoắn ABC2x50	AL/XLPE2x50	m	6.453	1.687	550		127					121	562	327	904		417						369			118
5	Cáp vặn xoắn ABC4x35	AL/XLPE4x35	m	1.806												404	175						229				
6	Dây nhôm bọc AV70	AV70	m	16.839	6.303	261	423	1.755	1.632	1.872	360					7.854	4.968		462		180				2.244		
7	Dây nhôm bọc AV50	AV50	m	8.004	3.040	1.026	141	585	544	624	120					4.070	2.748		154		60	360			748		
8	Dây nhôm bọc AV35	AV35	m	433	313	313										120						120					
9	Sứ hạ thế A30	A30	quả	1.168	456	92	20	116	88	120	20					448	268		24		16	24		28	76	12	
II - Phần Cột, xà																											
10	Cột bê tông vuông 6,5m H-6,5	H-6,5	Cột	105	26			3	10	7	1	2		3		46	46										
11	Cột bê tông vuông 7,5m H-7,5	H-7,5	Cột	84	28	4	2	8		12	2					41			6		2	3	4	1	5	15	5	
12	Cột bê tông ly tâm 7,5m LT-7,5	LT-7,5	Cột	12																							
13	Cột bê tông ly tâm 8,5m LT-8,5	LT-8,5	Cột	3																							
14	Cột bê tông ly tâm 10m LT-10	LT-10	Cột	4	1			1								2				2							
15	Xà đỡ trên cột vuông đơn 4 dây XD-4	XĐ-4	Bộ	118	38	5	3	9	10	8	3					53	34		2			2			1	11	3	
16	Xà néo trên cột vuông đơn 4 dây XN-4	XN-4	Bộ	24	13	6	1	2		3	1					9	4		1			1			1	2		
17	Xà néo trên cột vuông đôi 4 dây XNĐ-4	XNĐ-4	Bộ	26	8	1		2	1	4						12	9								1	2		
18	Xà néo trên cột vuông đôi 4 dây XNĐ-4a	XNĐ-4a	Bộ	14	4	2				2						5			1		2	1			1			
19	Xà đỡ trên cột ly tâm đơn 4 dây XĐ-4T	XĐ-4T	Bộ	8	2					2						1	1										
20	Xà néo trên cột ly tâm đơn 4 dây XN-4T	XN-4T	Bộ	8	4			4								2	2										
21	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4T	XNĐ-4T	Bộ	6	4				3	1						1	1										
22	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4Ta	XNĐ-4Ta	Bộ	3	2				2																		
23	Xà phẵn tải cột ly tâm XPT-4	XPT-4	Bộ	1	1			1																			
24	Chụp cột đơn	CH1-2,5	Bộ	3	3			3																			

CÔNG T

Stt	Thiết bị - vật liệu	Mã hiệu	Đơn vị tính	Tổng KL phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi																		Tổng KL phường Tô Hiệu	Phường Tô Hiệu	Ghi chú
					TBA CQT Hoàng Văn Thụ	TBA Xưởng Dệt	TBA Bản Lụa	TBA Bản Hôm 1	TBA Bản Huổi	TBA Bản Ngoại	TBA Bản Co Môn	TBA Nc Nưa	TBA Nc Tờ	TBA Bản Lun	TBA Co Phung	TBA Bản San 2	TBA Bó Cầm	TBA Bó Cầm 2	TBA Nà Công 2	TBA Bản Chậu	TBA Xã Cơi 2	TBA Bản Pung		TBA Cơ Khí	
I - Phần điện																									
1	Cáp vặn xoắn ABC4x95	AL/XLPE4x95	m																						
2	Cáp vặn xoắn ABC4x70	AL/XLPE4x70	m	*5*													5								
3	Cáp vặn xoắn ABC4x50	AL/XLPE4x50	m	*83*	39													44							
4	Cáp vặn xoắn ABC2x50	AL/XLPE2x50	m	*3.862*		231	461	268	930			185	490	541	190	566									
5	Cáp vặn xoắn ABC4x35	AL/XLPE4x35	m	*1.402*						350	114				274			664							
6	Dây nhôm bọc AV70	AV70	m	*2.682*			453								1.281		948								
7	Dây nhôm bọc AV50	AV50	m	*894*			151								427		316								
8	Dây nhôm bọc AV35	AV35	m																						
9	Sứ hạ thế A30	A30	quả	*264*	44		28								64		80			28		20			
II - Phần Cột, xà																									
10	Cột bê tông vuông 6,5m H-6,5	H-6,5	Cột	*33*	9		2								11		8				3				
11	Cột bê tông vuông 7,5m H-7,5	H-7,5	Cột	*15*			2							1	2		2	1	2		3	2			
12	Cột bê tông ly tâm 7,5m LT-7,5	LT-7,5	Cột	*12*																12					
13	Cột bê tông ly tâm 8,5m LT-8,5	LT-8,5	Cột	*3*	2												1								
14	Cột bê tông ly tâm 10m LT-10	LT-10	Cột																				*1*	1	
15	Xà đỡ trên cột vuông đơn 4 dây XĐ-4	XĐ-4	Bộ	*27*	7		3								10		6					1			
16	Xà néo trên cột vuông đơn 4 dây XN-4	XN-4	Bộ	*2*			2																		
17	Xà néo trên cột vuông đôi 4 dây XNĐ-4	XNĐ-4	Bộ	*6*											3		2					1			
18	Xà néo trên cột vuông đôi 4 dây XNĐ-4a	XNĐ-4a	Bộ	*5*	1												3					1			
19	Xà đỡ trên cột ly tâm đơn 4 dây XĐ-4T	XĐ-4T	Bộ	*5*																5					
20	Xà néo trên cột ly tâm đơn 4 dây XN-4T	XN-4T	Bộ	*2*													2								
21	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4T	XNĐ-4T	Bộ	*1*																1					
22	Xà néo trên cột ly tâm đôi 4 dây XNĐ-4Ta	XNĐ-4Ta	Bộ	*1*	1																				
23	Xà phân tải cột ly tâm XPT-4	XPT-4	Bộ																						
24	Chụp cột đơn	CH1-2,5	Bộ																						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN TÔNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
1.11	47	47		3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	2XNĐ-4a	16A30	Cột giữa đường
							XNĐ-4	8A30	
1.16	40	40		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong nhà dân
							XN-4	8A30	
1.11/1.1	45	45		3AV50+AV35	Thu hồi		XN-4	8A30	
1.11/2.5	49	49	3AV50+AV35	3AV50+AV35	Thu hồi	H-7,5	2XN-4	16A30	Cột nghiêng
						-	2XN-4	16A30	
1.11/2.6	43	43	3AV50+AV35	3AV50+AV35	Thu hồi		2XĐ-4	8A30	
1.11/2.11	45	45	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.11/2.12	21	21	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.11/2.13	26	26	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.11/2.14	31	31	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
					Thu hồi	-	-	-	
1.11/2.5/1.1	42	42	3AV50+AV35	3AV50+AV35	Thu hồi		2XĐ-4	8A30	
					Thu hồi	-	-	-	
1.33/1.2/1.1	18	18	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.2	33	33	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.3	26	26	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.4	59	59	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.5	40	40	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.6	31	31	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
1.33/1.2/1.7	25	25	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
					Thu hồi	-	-	-	
2.1/1.8	33	33	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
2.1/1.9	42	42	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
2.1/1.10	45	45	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
2.1/1.11	42	42	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
2.1/1.12	33	33	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	
Tổng	816	816							

TRẠM BIẾN ÁP BẢN TÔNG 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 2								
2.5	45	45		Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.6	52	52	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	Cột nghiêng, nút
2.7	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.8	45	45	3AV70+AV50	Thu hồi				
Lộ 1								
1.1/1.7	50	50		Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột vỡ
Tổng	236	236						

TRẠM BIẾN ÁP CHIỀNG XÔM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế		Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1										
TBA					Thu hồi	-	-	-	-	
(1.2).1	3	3	AL/XLPE4x70		Thu hồi	LT-10	-	XN-4T	8A30	ĐZ đi trong dân
	3	3	AL/XLPE4x70		Thu hồi		-	XN-4T	8A30	
	3	3	AL/XLPE4x95		Thu hồi	-	-	-	-	
1.2	40	40	3AV70+AV50		Thu hồi	H-6,5	CH1-2,5	XĐ-4	4A30	
1.3	42	42	3AV70+AV50		Thu hồi	H-6,5	CH1-2,5	XĐ-4	4A30	
1.4	43	43	3AV70+AV50		Thu hồi	H-6,5	CH1-2,5	XĐ-4	4A30	
1.5	41	41	3AV70+AV50		Thu hồi	H-7,5	-	XĐ-4	4A30	
1.6	41	41	3AV70+AV50		Thu hồi	2H-7,5	-	XNĐ-4	8A30	
1.7	43	43	3AV70+AV50		Thu hồi		-	2XN-4T	16A30	
1.8	22	22	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	-	
1.9	41	41	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	-	
1.10	31	31	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	-	
1.11	32	32	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	-	
							-	-	-	
1.7/1.1	39	39	3AV70+AV50		Thu hồi		-	XN-4	8A30	
1.7/1.2	29	29	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	-	
1.7/1.3	51	51	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	-	Cột của ĐZ trung áp
Lộ 2							-	-	-	
2.9	43	43			Thu hồi		-	XĐ-4	4A30	
2.10	42	42		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	-	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.11	40	40		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	-	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.12	45	45		3AV70+AV50	Thu hồi		-	XN-4	8A30	
2.13	39	39		3AV70+AV50	Thu hồi		-	XNĐ-4	8A30	
2.14	43	43		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	-	XĐ-4	4A30	Cột trong vườn, thấp
2.15	45	45		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5		XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.16	42	42		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	-	XPT-4	16A30	Cột trong đất dân
							-	-	-	
2.11/1.1	17	17	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	-	
2.11/1.2	28	28	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	-	
2.11/1.3	31	31	AL/XLPE2x50		Thu hồi		-	-	-	
Tổng	919	919								

TRẠM BIẾN ÁP BẢN CÁ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
(1.2).1	3	3		Thu hồi		2XNĐ-4T	16A30	
(1.2).2	45	45	3AV70+AV50	Thu hồi		XNĐ-4T	8A30	
	45		3AV70+AV50	Thu hồi		2XNĐ-4Ta	16A30	
1.3	31	31	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.4	41	41	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.5	45	45	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.6	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.7	41	41	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.8	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.9	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.10	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.11	35	35	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.12	48	48	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.13	40	40	3AV70+AV50	Thu hồi		XNĐ-4	8A30	
Tổng	547	502						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN BÓ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1									
TBA							XN-4	8A30	
1.1	41	41		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	Cột ở lòng đường
1.2	39	39		3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4a	8A30	
1.3	32	32		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
1.4	42	42		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột ở lòng đường
1.5	41	41		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột ở lòng đường
1.6	33	33		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột cũ, nứt
1.7	33	33		3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4a	8A30	Cột cũ, nứt
						-	XNĐ-4	8A30	
1.8	42	42		3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.9	27	27		3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4	8A30	Cột trong đất dân
1.10	26	26		3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4	8A30	Cột trong đất dân
1.11	37	37			Thu hồi	2H-7,5	-	-	Cột nghiêng
1.7.1	53	53	AL/XLPE4x95	3AV70+AV50	Thu hồi		XN-4	8A30	
Lộ 2									
TBA					Thu hồi	-	-	-	
2.1	6	6			Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4	8A30	Cột vỡ
2.2	22	22		3AV70+AV50	Thu hồi		XNĐ-4T	8A30	
2.3	21	21		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột cũ, nứt
2.4	62	62		3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4T	4A30	Cột TA thấp do san nền
2.5	51	51		3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột cũ, nứt
2.6	37	37		3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4T	4A30	Cột TA thấp do san nền
2.7	22	22		3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
Tổng	667	667							

TRẠM BIẾN ÁP BẢN HỤM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 2								
2.8				Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.9	31	31	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
2.10	47	47	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
2.11	42	42	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	
Tổng	120	120						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN ÁI

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.6				Thu hồi		
1.7	61	61		Thu hồi	H-6,5	
1.8	55	55		Thu hồi	H-6,5	
Tổng	**116**	**116**				

TRẠM BIẾN ÁP BÔM PHUNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
2.4				Thu hồi		
2.4/1.1	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.4/1.2	43	43	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.4/1.3	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng	**121**	**121**				

TRẠM BIẾN ÁP UBX CHIỀNG ĐEN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.29			AL/XLPE4x50			
1.29/1.1	30	30	AL/XLPE2x50	Thu hồi	H-6,5	Cột trong đất dân
1.29/1.2	36	36	AL/XLPE2x50	Thu hồi	H-6,5	Cột trong đất dân
1.29/1.3	27	27	AL/XLPE2x50	Thu hồi	H-6,5	Cột trong đất dân
1.29/1.4	28	28	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.5	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.6	36	36	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.7	28	28	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.8	33	33	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.9	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.29/1.10	119	119		Thu hồi		
1.12				Thu hồi		
1.12/1.1	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.2	46	46	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.3	28	28	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.4	50	50	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.5	28	28	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.6	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12/1.7	52	52	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng	**681**	**681**				

TRẠM BIẾN ÁP NOONG CỐC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
2.3/1.11				Thu hồi		
2.3/1.12	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.13	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.14	44	44	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.15	29	29	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.11/1.1	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.11/1.2	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.11/1.3	44	44	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.11/1.4	39	39	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng	**327**	**327**				

TRẠM BIẾN ÁP BẢN MUÔNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
(1.2).1	32	32		Thu hồi		XN-4T	8A30	Tuyến ĐZ đi cắt trong dân
1.2	20	20		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
	20		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
1.3	44	44		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
	44		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
1.4	42	42		Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	
	42		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
1.5	39	39		Thu hồi	2H-6,5	2XNĐ-4	16A30	
	39		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
1.6	50	50		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
	50		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
1.7	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	
1.8	41	41	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.9	45	45	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	
1.10	40	40	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.11	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.12	41	41	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.13	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.14	47	47	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	
1.15	29	29	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.16	55	55	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.17	36	36	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.18	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	2XNĐ-4	16A30	
1.19	18	18	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.20	61	61	3AV70+AV50	Thu hồi		XNĐ-4T	8A30	
				Thu hồi		-	-	
1.18/1.1	34	34	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Tuyến ĐZ đi cắt trong dân
1.18/1.2	38	38	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.18/1.3	41	41	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.18/1.4	40	40	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.18/1.5	41	41	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.18/1.6	42	42	4AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.18/1.7	37	37	4AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.18/1.8	37	37	AL/XLPE4x50	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9	31	31	AL/XLPE4x50	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9/1.1	33	33	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9/1.2	40	40	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9/1.3	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9/1.4	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.18/1.9/1.5	28	28	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
Lộ 2					-	-	-	
(1.2).1	32	32	3AV70+AV50	Thu hồi		XN-4T	8A30	
2.2	23	23	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4T	4A30	Cột trong đất dân
2.3	33	33	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.4	26	26	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.5	32	32	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Tuyến ĐZ đi cắt trong dân
2.6	38	38	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.7	21	21	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	
2.8	38	38	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.9	39	39	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	
2.10	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XN-4	8A30	
2.11	49	49	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.12	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.13	36	36	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.14	50	50	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.15	32	32	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.16	33	33	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.17	47	47	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	
2.18	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.19	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.20	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.21	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
2.22	32	32	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	
2.8 (TBA Bản Muông 2)	45	45	AL/XLPE4x70	Thu hồi				
	45		3AV70+AV50	Thu hồi	-	-	-	
Tổng	**2328**	**2108**						

TRẠM BIẾN ÁP NÀ LO

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.1/1.4/1.1	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.2	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.3	44	44	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.4	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.5	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.6	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.7	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.8	51	51	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.9	30	30	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.4/1.10	50	50	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng	**417**	**417**				

TRẠM BIẾN ÁP BẢN THẨM 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1									
1.1	9	9			Thu hồi	H-7,5	-	-	Cột trong đất dân
1.2	23	23			Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4a	8A30	
1.3	38	38		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
1.4	36	36		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	
1.5	44	44		3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
1.6	36	36		3AV70+AV50	Thu hồi				
1.1/1.1	32	32	AL/XLPE4x50		Thu hồi				
Tổng	**218**	**218**							

TRẠM BIẾN ÁP TỔ 8 CHIỀNG SINH

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
(1.2).1	15	15		Thu hồi	LT-10	
(1.2).2	27	27		Thu hồi	LT-10	
Tổng	42	42				

TRẠM BIẾN ÁP VIỆN 6

	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 2								
2.10	30	30	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	2XNĐ-4a	16A30	Cột trong đất dân
2.11	30	30	3AV70+AV50	Thu hồi				
Tổng	60	60						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN KHOANG

	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1									
1.1	27	27	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	
1.2	30	30	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	
1.3	45	45	AL/XLPE4x50		Thu hồi	H-7,5	-	-	Cột vỡ
1.4	18	18	AL/XLPE4x50		Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	Cột nghiêng, trong đất dân
1.5	34	34	AL/XLPE4x50	3AV50+AV35	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.6	49	49	AL/XLPE4x50	3AV50+AV35	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
						-	-	-	
1.4/1.1	37	37	3AV50+AV35		Thu hồi		XNĐ-4a	8A30	
Lộ 2									
2.5	41	41			Thu hồi	H-7,5	-	-	
Tổng	281	281							

TRẠM BIẾN ÁP NÀ NGỪA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.25				Thu hồi		
1.26	28	28	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.27	54	54	AL/XLPE4x35	Thu hồi	2H-7,5	Cột nghiêng
1.30	60	60	AL/XLPE4x35	Thu hồi	H-7,5	
1.31	50	50	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.32	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi	H-7,5	
Tổng	229	229				

TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG PAO

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
(1.2).1				Thu hồi		
2.1/1.1	35	35	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.2	55	55	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.3	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.4	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.5	55	55	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.6	40	40	AL/XLPE2x50	Thu hồi	H-7,5	Cột vỡ
2.1/1.7	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.8	46	46	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng	**369**	**369**				

TRẠM BIẾN ÁP BẢN PÁT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
(1.2).1	10				2H-7,5	XNĐ-4	8A30	
	10	10				XNĐ-4a	8A30	
1.20	37	37		Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
Lộ 2						-	-	
2.11	39	39		Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	Cột nghiêng
2.1/1.1	43	43	AL/XLPE4x70	Thu hồi	H-7,5	-	-	Cột thấp
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP NÀ NGỪA 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 2								
2.2			3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.3	28	28	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.4	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4	8A30	Cột giữa đường
2.5	60	60	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột vỡ
2.6	50	50	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.7	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.8	60	60	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.9	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi		XN-4	8A30	
2.10	60	60	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.11	50	50	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.12	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4	8A30	Cột trong đất dân
2.13	60	60	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.14	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.15	60	60	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột trong đất dân
2.16	50	50	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	Cột trong đất dân
Tổng	748	748						

TRẠM BIẾN ÁP NOONG LA 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
1.6	26	26		Thu hồi	2H-7,5	-	-	
1.7	47	47	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
1.8	56	56	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
1.9	38	38	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP CO PỤC

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 2						
2.8						
2.9	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.10	36	36	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.1/1.1				Thu hồi		
2.1/1.1/1.1	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP CQT HOÀNG VĂN THỤ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn		Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1									
1.1	24					2LT-8,5	XNĐ-4Ta	8A30	Cột trong đất dân
1.2	46	46		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.3	46	46		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.4	43	43		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.5	42	42		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.6	41	41		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.7	42	42		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.8	48	48		3AV50+AV35	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.9	37	37		3AV50+AV35	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4a	8A30	
						-	-	-	
1.2/1.1	39	39	AL/XLPE4x50		Thu hồi		-	-	
Tổng									

TRẠM BIẾN ÁP XƯỞNG DỆT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.17						
Lộ 2						
2.43/1.4/1.1	31	31	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.50/1.1	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.50/1.2	31	31	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.53/1.1	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.53/2.1	52	52	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.53/2.2	49	49	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN LỤA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
1.1/1.1	30	30	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.1/1.2	26	26	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.1/1.3	27	27	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.1/1.4	43	43	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.1/1.5	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.1/1.6	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
						-	-	
1.22				Thu hồi		-	-	
1.23	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
						-	-	
1.22/1.1	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.22/1.2	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.22/1.3	31	31	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.22/1.4	35	35	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.22/1.5	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.22/1.6	33	33	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
Lộ 2					-	-	-	
2.2	38	38		Thu hồi	H-7,5	-	-	Cột nghiêng
					-	-	-	
2.9				Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.10	70	70	3AV70+AV50	Thu hồi	H-7,5	XN-4	8A30	Cột vỏ, nghiêng
					-	-	-	
2.1/1.5				Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột thấp
2.1/1.6	35	35	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột thấp
2.13	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi		XN-4	8A30	
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP BẢN HÔM 1

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.16/1.1	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.16/1.2	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.16/1.3	54	54	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.16/1.4	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.19/1.1	39	39	AL/XLPE2x50			
1.19/1.2	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BÔM HUỐT

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.1/1.1	52	52	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.1/1.2	54	54	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.8	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.9	54	54	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.7/1.1	52	52	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.7/1.2	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Lộ 2						
2.6	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.7	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.8	62	62	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.9	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.10	59	59	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.11	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.12	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.1	58	58	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.2	53	53	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.3	53	53	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.4	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
TBA Phiêng Tam 5-1						
2.21/1.1	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.21/1.2	39	39	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN NGOẠI

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.30/1.1	58	58	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.30/1.2	40	40	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.30/1.3	45	45	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.30/1.4	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.32/1.1	55	55	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.32/1.2	49	49	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
Lộ 2						
2.2/1.1	35	35	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
2.2/1.2	31	31	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BÚA CO MÒN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 2						
2.4/1.1	40	40	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
2.4/1.2	40	40	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
2.4/1.3	34	34	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP NẸ NƯA

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 2						
2.9/1.1	54	54	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.9/1.2	56	56	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.15	28	28	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.16	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP NẸ TỞ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.10	42	42	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.11	38	38	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.12	64	64	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.13	51	51	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.15	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.16	37	37	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.17	27	27	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.18	39	39	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
1.19	35	35	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Lộ 2						
2.3/1.1	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.2	43	43	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.3/1.3	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN LUN

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 2						
2.5/1.2/1.1	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
				Thu hồi	-	
2.5/1.7	51	51	AL/XLPE2x50	Thu hồi	H-7,5	Cột nghiêng
2.5/1.8	44	44	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.9	48	48	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.5/1.10	36	36	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
					-	
2.16	31	31	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.17	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.18	31	31	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.19	35	35	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.20	34	34	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.21	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.22	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.23	35	35	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.24	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
2.25	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP CO PHUNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
1.11	48	48		Thu hồi	H-7,5	-	-	Cột nghiêng
					-	-	-	
1.22	30	30		Thu hồi	H-7,5	XĐ-4	4A30	Cột nghiêng
					-	-	-	
1.30	25	25	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	2XNĐ-4	16A30	Cột thấp
1.31	35	35	3AV70+AV50	Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.32	27	27	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4	8A30	Cột thấp, tuyến đz cắt trong dân
1.33	40	40	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.34	40	40	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.35	49	49	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.36	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.37	50	50		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
					-	-	-	
1.43				Thu hồi		XĐ-4	4A30	
1.44	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột nghiêng
1.45	47	47	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột nghiêng
					-	-	-	
1.30/1.1	74	74	3AV70+AV50	Thu hồi				
						-	-	
1.14/1.1	35	35	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.2	31	31	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.3	33	33	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.4	28	28	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.5	46	46	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.6	60	60	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
1.14/1.7	41	41	AL/XLPE4x35	Thu hồi		-	-	
						-	-	
1.23/1.2/1.1	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.23/1.2/1.2	56	56	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.23/1.2/1.3	40	40	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
1.23/1.2/1.4	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP BẢN SAN 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Ghi chú
Lộ 1					
1.2/1.1	36	36	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.2/1.2	43	43	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.2/1.3	41	41	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.2/1.4	39	39	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.2/1.5	44	44	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.2/1.6	47	47	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
1.5/1.1	49	49	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
Lộ 2					
2.6	26	26	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
2.7	32	32	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
2.9	73	73	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
2.10	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
2.11	45	45	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
2.5/1.1	46	46	AL/XLPE2x50	Thu hồi	
Tổng					

TRẠM BIẾN ÁP BÓ CẦM

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
1.1	5	5	AL/XLPE4x70	Thu hồi		XNĐ-4	8A30	
1.2	28	28	3AV70+AV50	Thu hồi		XNĐ-4	8A30	
						XNĐ-4a	8A30	
1.3	31	31	3AV70+AV50	Thu hồi	LT-8,5	XN-4T	8A30	
1.4	53	53	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.5	55	55	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
1.6	54	54	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	
159/47	5	5	3AV70+AV50	Thu hồi		XN-4T	8A30	
Lộ 2					-	-	-	
2.2/1.7	43	43		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Dây khoảng cột này cắt [illegible]
2.2/1.15	57	57		Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột thấp
2.2/1.16	44	44	3AV70+AV50	Thu hồi	H-6,5	XĐ-4	4A30	Cột thấp
2.2/1.17	46	46	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-6,5	XNĐ-4a	8A30	Cột thấp
					-	-	-	
2.5				Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4a	8A30	Cột trôi đất lộ móng
2.6/1.1			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.2			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.3			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.4			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.5			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.6			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
2.6/1.7			AL/XLPE2x50	Thu hồi		-	-	
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP BÓ CẦM 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.6/1.6	44	44	AL/XLPE4x50	Thu hồi	H-7,5	Cột nghiêng
1.6/1.7	45	45	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.8	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.9	51	51	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.10	35	35	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.11	43	43	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.12	48	48	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.13	47	47	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.14	45	45	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.15	37	37	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.16	47	47	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.17	39	39	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.18	55	55	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.19	48	48	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.20	41	41	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
1.6/1.21	46	46	AL/XLPE4x35	Thu hồi		
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP NÀ CÓNG 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.7	37	37		Thu hồi	H-7,5	Cột trong nhà dân
1.8	35	35		Thu hồi	H-7,5	Cột nghiêng
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN CHẬU

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 1								
1.5	48	48		Thu hồi	LT-7,5	XĐ-4T	4A30	Cột nghiêng
1.6	52	52		Thu hồi	LT-7,5	XĐ-4T	4A30	Cột nghiêng
Lộ 2					-	-	-	
2.3	28	28		Thu hồi	LT-7,5	XĐ-4T	4A30	Cột nghiêng
					-	-	-	
2.5	60	60		Thu hồi	LT-7,5	XĐ-4T	4A30	
2.6	66	66		Thu hồi	LT-7,5	XĐ-4T	4A30	
2.7	52	52		Thu hồi	2LT-7,5	XNĐ-4T	8A30	Cột thấp
2.8	37	37		Thu hồi	LT-7,5	-	-	
2.9	44	44		Thu hồi	LT-7,5	-	-	
					-	-	-	
2.24	51	51		Thu hồi	LT-7,5	-	-	Cột đồ
2.27	44	44		Thu hồi	LT-7,5	-	-	Cột nghiêng
2.28	42	42		Thu hồi	LT-7,5	-	-	Cột nghiêng
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP XÃ CƠI 2

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 1						
1.5	43	43		Thu hồi	H-7,5	Cột trong nhà dân
1.6	55	55		Thu hồi	2H-7,5	Cột nghiêng
					-	
1.14	20	20		Thu hồi	2H-6,5	Cột thấp
1.15	42	42		Thu hồi	H-6,5	Cột thấp
Tổng						

TRẠM BIẾN ÁP BẢN PỌNG

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Xà hạ thế	Sứ hạ thế	Ghi chú
Lộ 2								
2.3				Thu hồi		XĐ-4	4A30	
2.4	38	38	3AV70+AV50	Thu hồi	2H-7,5	XNĐ-4a	8A30	Cột nghiêng
						XNĐ-4	8A30	
2.5	43	43	3AV70+AV50	Thu hồi				
				Thu hồi	-	-	-	
2.4/1.1	38	38	3AV70+AV50	Thu hồi				
Tổng								

TRẠM BIẾN ÁP CƠ KHÍ

Số cột	Khoảng cột (m)	Chiều dài tuyến	Dây dẫn	Đặc điểm tuyến	Loại cột	Ghi chú
Lộ 2						
2.4	32	32		Thu hồi	LT-10	Cột nghiêng
Tổng						